



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 53

số **32**

(2169)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY,

11-8-2001

BÁC sĩ Phòng được lôi ra khỏi chuồng có con gấu ngựa, mình đầy thương tích, máu đỏ đầm đìa. Con gấu bấy lâu đã làm con gấu thêm hung dữ, sự hung dữ của con thú rừng bị cầm tù và bị con người lợi dụng máu thịt. Một xe taxi cấp cứu nổ máy chờ sẵn, người ta đưa bác sĩ Phòng đến thẳng bệnh viện Trung tâm, nơi trước đây bác sĩ vốn quen thuộc bởi đã làm việc nhiều năm tháng.

Trong khi cả nhà ông Toàn hết sức hốt hoảng và lo sợ thì con gấu nằm lim dim mắt, nó chẳng cần biết đến tình mạng của con người.

Sau một giờ thì máy điện thoại reo lên, ông Toàn vội vã đến cầm ống nghe.

- A lô, a lô, bố đây ư, không cứu được nữa bố ạ! Cả tim, cả phổi nữa bị móc, bị xé như cái giẻ rách!

Ông Toàn bỏ máy ngồi thừ, trông ông già xộc ỉ như vừa bị hành hạ, bỏ đói. Ông ngồi vậy, trên cái ghế trúc mà ông vốn ưa thích, những gì về con gấu, về quá khứ dần dần xuất hiện.

Trong một chuyến trở về thăm cơ sở kháng chiến chín năm, ông Toàn được bà con bản Áng Tông đón tiếp như người nhà.

Vốn là công nhân của một xưởng quân giới, ông Toàn có đôi tay vàng, cái thời quân giới đóng sâu trong rừng già để chế tạo vũ khí cho quân đội thì nhà xưởng là lán trại mà người bảo vệ chắc chắn nhất là bà con dân tộc. Ở giữa rừng, có ngày nghỉ, ông Toàn và nhiều chiến sĩ quân giới tìm đến nhà dân, vừa thăm hỏi vừa tìm thêm bắp ngô, bụi sắn, mớ rau cải thiện thêm đời sống kháng chiến quá u thiếu thốn. Nhiều bữa, bà con thịt gà nấu xôi mời ông Toàn, do



Minh họa của LÊ TRÍ DŨNG

Mật đắng

Truyện ngắn của NHẤT LÂM

ông đã sửa cho họ cái bật lửa, khẩu súng kíp đi sẵn bị hỏng hóc. Chính trong những bữa vui đó, ông Toàn được các cụ già bản Tày kể cho nghe về thú rừng, từ con báo, con gấu ngựa, gấu chó, con lửng, giá trị của mật gấu, cao xương. Trong khi đó cái lưỡi con kỳ đà, cái dạ dày con nhím thì lại có giá trị đáng khác, dùng chữa một số bệnh mà tây y bó tay. Dần dần ông Toàn học được qua truyền miệng của bà con dân tộc bao điều hay về thú rừng, về dược thảo. Bấy giờ về hưu, ông có cuộc sống dằng hoàng nhờ áp dụng điều đã học

được, biến thành ông lang chữa bệnh cho bà con. Tay nghề ông được nâng cao nhờ sách thuốc bây giờ được xuất bản rộng rãi, của các thầy thuốc giỏi có bằng cấp. Ông Toàn mua về từng pho, rồi báo "Thuốc và sức khỏe" cũng được ông đặt cả năm để học hỏi thêm những bài thuốc hay, những cây dược liệu quý.

Trong dịp về thăm bạn bè, bà con từng cuu mang mình, ông Toàn đã mua được con gấu ngựa của một gia đình người dân tộc Dao Đỏ. Theo người phiên dịch (vì ông Toàn chỉ biết tiếng Tày Nùng, mà người Dao Đỏ này lại

không biết tiếng Kinh), sở dĩ họ bán con vật đã nuôi gần như thuần dưỡng trong nhà là vì phải chuyển vùng theo con vào một vùng xa trong Tây Nguyên, chỗ đi không được, chủ nó rất giá trị, hàng năm lấy được mật, tất nhiên không lấy hết, nó vẫn sống khỏe mạnh. Miễn là sau một lần lấy mật có chế độ bồi dưỡng mật ông dùng mức là gấu ta hồi phục nhanh chẳng khác gì lấy máu ở những người khỏe mạnh vậy.

Mật gấu thì giá trị lắm, họ thỏa thuận mua bán với giá hai triệu đồng, đất bằng lắm con trâu khỏe mạnh ở vùng này. Trong bữa rượu thân tình gồm có ông Toàn, ông già bán gấu Triệu Sinh Lầu và chủ nhà người Tày là vợ chồng ông Nông Văn Lạ, ông Toàn mời bằng được vợ chồng ông Lạ cùng theo xe về thăm nhà một chuyến. Lễ tất nhiên ông Triệu Sinh Lầu có trong chuyến đi, vì con gấu này rất mến chủ nuôi, có ông đi thì nó mới chịu lên xe về nhà ông Toàn.

Ông Lạ thuê mấy thanh niên trong bản vào rừng dẫn sẵn loại gỗ nghiền mọc trên núi đá, đóng cho ông Toàn một cái cũi chắc chắn để nhét con gấu cho an toàn.

Ông Toàn lưu ông Lầu và ông Lạ ở lại nhà mình một tuần, ngày ba bữa cơm rượu vào loại thượng khách, có xe gắn máy chờ đi chơi tùy thích. Nhưng chỉ sau ba ngày, hai ông nặng nề đòi về.

Trong bữa cơm vui chia tay, ông Toàn kể lại những kỷ niệm một thời ở rừng, những thiếu thốn gian khổ mà vui. Hai ông già dân tộc than phiền về rừng về gỗ, bây giờ đã quá cạn kiệt, sợ rằng con cháu họ lấy đầu ra gỗ mà làm nhà

(Xem tiếp trang 18)



SÁCH KHÔNG VỀ NÔNG THÔN

Nhà thơ LŨ GIANG

CÁCH đây vài, ba mươi năm, Hà Nội có Nhà xuất bản Phổ thông chuyên xuất bản những cuốn sách mỏng, hoặc có cuốn in chữ to, nội dung nêu gương người tốt việc tốt, phổ biến những vấn đề khoa học, kỹ thuật, lịch sử... bằng giọng văn dễ đọc, dễ nhớ. Thời ấy, tuy là Nhà xuất bản Phổ thông nhưng các biên tập viên cũng lôi kéo, mời được nhiều nhà văn, nhà thơ có tiếng tham gia viết loại sách này. Một số cây viết sau này thành danh, bước đầu đã vào nghề bằng việc viết cho nhà xuất bản này.

Sách của Nhà xuất bản Phổ thông đã có mặt tại các làng xã, các tổ đối công, các hợp tác xã, các trường học vùng nông thôn, kể cả vùng sâu, vùng xa.

Nay về nông thôn gặp các ông bà nông dân, kể cả các anh chị trẻ tuổi đã học xong lớp 9, lớp 10, hỏi họ đọc gì thì ai cũng lắc đầu bảo: "Chẳng có gì để đọc cả". Tôi hỏi họ có đọc báo không thì tất cả cũng đều lắc đầu rằng: Ngoài tờ báo Nhân dân gửi về Ủy ban, Đảng ủy mà các cán bộ giữ đọc riêng, trong nước có hàng trăm loại báo nhưng những báo đó chưa về thôn, xã. Nơi đây cũng có vài tờ báo của các đoàn thể nhưng vấn đề báo để cấp đến toàn thuộc về thành phố, thị trường, cơ quan, chủ dờn sống, công việc làm ăn, tâm tư, nguyện vọng của bà con nơi thôn ấp thế nào thì chưa được nói đến.

Hầu hết nhân dân ta đều là nông dân. Để bà con thiếu món ăn tinh thần, tất nhiên các nhà văn cũng phải chịu một phần lớn trách nhiệm. Đọc phần lớn tác phẩm lâu nay đã xuất bản, nhất là vào thời kinh tế thị trường, ta thấy nhiều nhân vật tích cực hay phản diện là dân thành phố; là các nhà kinh doanh, thường diễn ra những cuộc đấu trí giữa các mảnh lợi làm ăn, những cung cách luồn lọt để được thăng quan tiến chức, những cuộc tình tay ba, tay tư, còn nét đẹp của thôn làng, của tâm hồn thôn dã thì hầu như mờ nhạt. Có một tờ báo cho thiếu niên, thấy có chuyên mục "Câu lạc bộ cà phê". Tôi tự hỏi sao báo không thỉnh thoảng có mục phục vụ các bạn thiếu niên chăn trâu, có những cuộc chơi bổ ích ngoài đồng cỏ...

Hiện nay, trong kinh tế thị trường, công việc xuất bản, ngoài mục đích chính trị, phần hệ trọng là làm ra lợi nhuận, cho nên, cái gì thấy in ra bán có nhiều lãi thì nhà xuất bản mới in, cái gì cảm thấy có nhiều gay cấn cuốn hút một bộ phận bạn đọc mới dám bỏ vốn ra kinh doanh, nói gì đến những yêu cầu xa xôi phục vụ dân vùng xa, vùng sâu. ■

TỔNG MỸ LINH KHÔNG CỨU ĐƯỢC HỌ TƯỚNG

Tổng Gia Thu - thân phụ Tổng Mỹ Linh vốn tên là Hàn Giáo Chuẩn, người huyện Văn Xương, đảo Hải Nam, năm 11 tuổi, được người cậu nhận làm con nuôi, mới đổi thành họ Tống và lấy tên là Gia Thu. Năm 1890, Tống Gia Thu trở thành giáo sĩ vùng ngoại ô Thượng Hải, nhưng do đấu óc kinh doanh giỏi, ông này đã "một tay cầm kinh thánh - một tay nắm túi tiền" trở thành đại phú rất nhanh. Tống Gia Thu có 6 con trai con gái:

- Tống Ái Linh, nữ, sinh năm 1889, vợ Khổng Tường Hy, có thời gian làm Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Tống Khánh Linh, nữ, sinh năm 1893, vợ Tôn Trung Sơn.
- Tống Tử Văn, con trai trưởng, sinh năm 1894, có lúc làm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong chính quyền Tưởng.
- Tống Mỹ Linh, con gái thứ ba, sinh năm 1897, vợ Tưởng Giới Thạch.
- Tống Tử Lương, con trai thứ, sinh năm 1899.

- Tống Tử An, con trai út, sinh năm 1906. Tống Mỹ Linh sinh năm 1897, sống trọn thế kỷ XX và đang sống tiếp những ngày tháng đầu tiên của thế kỷ XXI...

NHỮNG NĂM THÁNG THANH XUÂN CỦA TỔNG MỸ LINH

THEO gót hai bà chị, năm 10 tuổi Tống Mỹ Linh sang Mỹ học tập. Trong 10 năm ở Mỹ bà đã qua nhiều trường (trong đó có trường chuyên bồi dưỡng các "cô dâu quý tộc") khiến cho về tu tướng về cử chỉ, về cách ăn nói dường như đã "hoàn toàn Tây hoá". Một đồng học có tính hiếu kỳ, một lần lấy hết dũng cảm, mở to mắt hỏi: "Mỹ Linh, cậu có đúng là người Trung Quốc không? Cậu nói không khác gì người Mỹ cả! Tống Mỹ Linh đã cười trả lời: Cái duy nhất còn nhiệm phương Đông là bộ mặt của mình!".

Mùa hè năm 1917, sau 10 năm li biệt, Tống Mỹ Linh trở về Thượng Hải. Là con người thông minh tuyệt đỉnh, bà ta tự biết mình còn thiếu cái gì, cần cái gì nên đã mời một nhà nho cũ đến dạy mình trí thức văn học, lịch sử cổ điển Trung Quốc tại nhà, và rất nhanh chóng nói thành thạo lại tiếng Thượng Hải sau một thời gian dài không dùng. Năng lực làm việc của Tống Mỹ Linh rất dồi dào, một mình kiêm mấy chức, nhưng không hề bỏ một hoạt động xã giao nào, thâu đêm suốt sáng ứng xử là việc thường ngày.

Đầu tháng 12 năm 1922, lần đầu tiên Tống Mỹ Linh gặp Tưởng Giới Thạch trong một buổi Tống Tử Văn tiếp khách buổi tối tại nhà. Sắc đẹp mê người, tài ăn nói xuất chúng, điệu bộ tuyệt vời của Tống Mỹ Linh đã gây cho Tưởng Giới Thạch ấn tượng vô cùng sâu sắc. Ông ta quyết định mở cuộc tấn công vào cô gái mới học thành tài ở Mỹ về và van nài Tôn Trung Sơn giới thiệu cô con gái út nhà họ Tống cho mình. Tưởng Giới Thạch cho biết, ông ta đã ly dị người vợ cả Mao Thúc Hải (lúc mẹ Tưởng Kinh Quốc) và cắt đứt quan hệ với Diêu Trì Thành một gái bao, nhưng không nói đến Trần Khiết Như người mà ông ta mới cưới năm trước. Tôn Trung Sơn trả lời: Ông sẽ thương lượng chuyện này với Tống Khánh Linh, vợ mình.

Họ Tống họp hội nghị gia đình, thảo luận việc có nên gả Mỹ Linh cho Tống Tu lệnh Tưởng hay không. Bà cụ thân sinh không tán thành, lý do là Tưởng Giới Thạch không theo đạo Cơ đốc, và Tưởng đã kết hôn; Khánh Linh và Tử Văn là hai người nữa trong nhà họ Tống phản đối, họ cho rằng sự thành bại sau này của Tưởng còn chưa lường được, chưa chắc đã mang lại hạnh phúc cho Mỹ Linh. Thế nhưng, Tống Ái Linh - vợ Khổng Tường Hy lại tích cực ủng hộ cuộc hôn nhân này. Bà ta bác lại ý kiến của mọi người, tin chắc rằng Tưởng Giới Thạch có tiền đồ vô cùng sáng sủa.

Đúng vào lúc Tưởng Giới Thạch "vướng vào lưới tình", phát động cuộc tấn công bằng thu tình vào Tống Mỹ Linh thì quyền lực của ông ta có sự thay đổi lớn, lần đầu tiên trong lịch sử chính trị cá nhân, ông ta bị "thất thế". Trong thời gian "ở ẩn" tại chùa Tuyết Đầu ở Khê Khẩu, Tưởng Giới Thạch đã không ngừng viết thư tình cho Tống Mỹ Linh. Ngày 19 tháng 10 năm 1927, tờ "Ich thế báo" của Thiên Tân đã công bố một trong những bức thư đó:

"Ngày nay tôi chẳng nghĩ đến hoạt động chính trị nữa mà chỉ nhớ những người đời mình ngưỡng mộ, khi ở Quảng Đông đã nhờ người nói với lệnh huynh và lệnh tỷ nhưng đều chưa được trả lời. Có thể là do quan hệ chính trị đương thời. Nay



Tống Mỹ Linh

tôi đã lui về làm người sơn dã... coi công danh như giấc mộng, chỉ không thể quên được tài hoa, công dung, đạo đức của nàng..."

Ngày 1 tháng 12 năm 1927, Tưởng Giới Thạch chính thức thành hôn tại Thượng Hải. Tuổi thực của chú rể lúc đó là 40, cô dâu 30.

Đúng ngày kết hôn, Tưởng Giới Thạch phát biểu bài "Ngày hôm nay của chúng tôi", nói: "Hôm nay tôi kết hôn cùng Tống nữ sĩ kinh yêu nhất, đó là việc quang vinh nhất, vui vẻ nhất trong đời tôi từ xưa tới nay. Sau khi chúng tôi kết hôn, sự nghiệp cách mạng nhất định cũng tiến bộ hơn, từ nay có thể yên tâm gánh vác nhiệm vụ cách mạng... Cuộc hôn nhân của chúng tôi, có thể có ảnh hưởng tới xã hội cũ Trung Quốc, đồng thời còn cống hiến cho xã hội mới".

"NGƯỜI ME CỦA KHÔNG QUÂN"

Tống Mỹ Linh là người bị say xe, nhưng bà ta biết rất rõ rằng nếu muốn chinh đồn quân đội nắm vững lực lượng vũ trang thì bước đầu tiên là phải có một lực lượng không quân đủ tiêu chuẩn. Không quân Quốc Dân đảng thành lập năm 1932, lúc đó vừa ít máy bay vừa thiếu nhân tài. Tác giả cuốn sách "Vương triều họ Tống" viết: Trong thời gian xảy ra sự biến Tây An, rất nhiều thân tín, bộ hạ của Tưởng uỷ viên trưởng tại Nam Kinh đã bị mất vach kế hoạch ném bom cho tan xác Tưởng, vì vậy nếu những người này lúc đó nắm được quyền chỉ huy không quân thì thật nguy hiểm. Sau này Tưởng phu nhân nói với chồng, bà vui lòng đứng ra tìm cách xây dựng không quân thành vũ khí có hiệu quả đánh thắng kẻ địch chứ không phải là con bài chính trị. Tưởng đã đồng ý và giao cho bà ta phụ trách. Nhà văn nữ Mỹ - Youenson cho rằng: Việc mua máy bay liên quan đến những khoản tiền lớn, Tưởng Giới Thạch không thể quyết định giao cho ai gánh vác trách nhiệm nặng nề này trong số bộ hạ mà tham ó đã thành nếp. Ông biết có thể tin được vợ mình. Vì vậy, Tống Mỹ Linh người chỉ được giáo dục về âm nhạc, văn học và mỹ đức xã hội, đã phải dùng rất nhiều thời gian vào những sách báo, tạp chí nói về lý luận hàng không, thiết kế máy bay, so sánh các loại máy bay và máy bay của các nước. Bà đã bán với thương nhân nước ngoài đặt mua sản phẩm giá trị tới 20 triệu USD. Thông qua việc mua bán này, bà lách mình một cái biến thành Tống Tu lệnh không quân Trung Quốc, đó là điều chưa có trong lịch sử.

Tống Mỹ Linh cần gấp trợ thủ cô năng lực giúp bà chinh đồn không quân. Bà mời Hobruk cựu phi công thuộc đoàn không quân của lực lượng Mỹ sang làm cố vấn. Tống Mỹ Linh hỏi ông ta: Người nào trong một thời gian ngắn có thể cải tạo không quân Trung Quốc thành một quân chủng như vậy, Hobruk nghĩ ngay tới một phi công già, rất giống "chim ưng" mà lại tràn đầy dũng mãnh: Chennauld.

Đầu mùa xuân năm 1937, Chennauld nhận được một bức thư của Tống Mỹ Linh, hỏi ông ta có vui lòng đến Trung Quốc làm cố vấn không quân không, lương tháng là 1000 USD, ngoài ra còn có tiền trợ cấp riêng, có lái xe, ô tô và phiên dịch riêng, đồng thời có quyền lái bất kỳ máy bay nào

của không quân Trung Quốc. Chennauld do có bệnh mà đã xuất ngũ, lập tức đồng ý. Ngày 1 tháng 4, ông ta từ San Francisco đi tàu thủy qua Nhật Bản tới Trung Quốc, trên hồ chiếu ghi: đến Trung Quốc để "khảo sát nông nghiệp".

Đầu tháng 6 năm 1937, Chennauld đến Thượng Hải, trong nhật ký của ông ta đã ghi ấn tượng của mình sau lần đầu tiên gặp Tống Mỹ Linh: "Bà mãi mãi là công chúa của tôi".

Tống Mỹ Linh dặn dò Chennauld, trước khi bồi dưỡng được phi công người Trung Quốc, không nên ngăn ngại trong việc thuê người lái phương Tây nhưng lại kèm theo tác phong nhanh nhẹn ăn nói sắc sảo, tinh nhanh, nên đã làm cho người phương Tây như say như dại, vừa ghét vừa yêu.

NGOẠI GIAO TỔNG MỸ LINH: "VỊ ĐẠI SỨ HOÀN THIÊN" VÀ "BINH LỰC 30 SƯ ĐOÀN"

Trong người Tống Mỹ Linh có đầy đủ cả khí chất cổ điển Trung Quốc và phong độ ưu nhã phương Tây nhưng lại kèm theo tác phong nhanh nhẹn ăn nói sắc sảo, tinh nhanh, nên đã làm cho người phương Tây như say như dại, vừa ghét vừa yêu.

Nói chung người Mỹ không ưa thích Tưởng Giới Thạch lắm, mặc dù vậy, Tống Mỹ Linh vẫn làm cho nước Mỹ khuyh đảo, vẫn làm cho viện trợ quân sự kinh tế của Mỹ không ngừng chảy tới Trung Quốc. Biểu hiện của Tống Mỹ Linh trên vũ đài ngoại giao vô cùng xuất sắc.

Wierji một cán bộ có tài năng được Roosevelt vừa trùu cử Tống thống khoa thứ ba cử làm đặc sứ của Tống thống thăm Trung Quốc nhằm thúc đẩy công việc ngoại giao thời chiến. Cuối tháng 9 năm 1942, Wierji đến "kinh đô phụ" Trùng Khánh và được vợ chồng Tưởng Giới Thạch nhiệt tình tiếp đón. Trong một bữa tiệc tối, ông ta đề nghị Tưởng phu nhân nên đi thăm nước Mỹ và cho rằng với tài trí, sự thông tuệ và ma lực của bà, Tống Mỹ Linh có thể làm cho nhân dân nước Mỹ hiểu biết thêm Trung Quốc, bà sẽ là một "Đại sứ hoàn thiên".

Tống Mỹ Linh rất cảm động trước đề nghị thăm Mỹ của Wierji. Trên thực tế, Russ trùu số tạp chí Mỹ, hồi tháng 5 năm 1941, khi đi thăm Trùng Khánh đã lúng đé nghị Tưởng phu nhân đi thăm nước Mỹ, Russ còn nói chuyện đi thăm đó sẽ có hiệu lực không thấp hơn binh lực của 30 sư đoàn. Nhưng Tưởng Giới Thạch không cho phép phu nhân ra ngoài nước, nói có phu nhân ở bên cạnh giúp đỡ thì uy lực cũng không thấp hơn binh lực của 60 sư đoàn. Chính phủ Trùng Khánh đương thời chưa nghĩ đến việc cử Tưởng phu nhân đến Mỹ tiến hành ngoại giao ở tầng lớp cao, bởi vì trong lịch sử chưa có tiền lệ "ngoại giao phu nhân".

Sau khi quyết định đi thăm, Bộ trưởng ngoại giao Tống Tử Văn gửi điện cho Hopkins cố vấn của Roosevelt, đề nghị ông này gửi một máy bay đến để cho Tưởng phu nhân dùng vì Tưởng phu nhân "đang bị bệnh nặng" phải đến Mỹ điều trị gấp, đến Mỹ, Tưởng phu nhân sẽ vào bệnh viện ngay, sau khi ra viện sẽ tới Nhà Trắng, tiến hành chuyến thăm chính thức. Hopkins lập tức điện trả lời, Tống thống Roosevelt đã áp dụng mọi biện pháp để hoan nghênh.

4 giờ sáng ngày 17 tháng 11 năm 1942, đoàn xe hai họ Tưởng, Tống đến sân bay Trùng Khánh, Tống Mỹ Linh được cang từ xe cứu thương ra: rồi được đưa ngay lên chiếc Boeing-307 kiểu mới nhất do Bộ lực quân Mỹ thuê của Công ty hàng không hoàn cầu, cùng đi có con gái thứ hai của Khổng Tường Hy với Tống Ái Linh và hai vệ sĩ người Mỹ. Sau khi máy bay đã cất cánh, Tưởng Giới Thạch mới ra về. Khi chiếc phi cơ này đến Mỹ, Hopkins đã ra tận chân cầu thang máy bay đón đưa Tống Mỹ Linh vào bệnh viện. Để đảm bảo an toàn và bảo mật đã thuê toàn bộ tầng 12 của bệnh viện.

Ngày hôm sau, phu nhân Roosevelt bắt chấp trời vô cùng giá lạnh đến bệnh viện thăm, trước mặt bà, Tống Mỹ Linh mất ngay vẻ nữ cường nhân mà thể hiện rất giống một người bệnh yếu đuối đáng thương. Trong hồi ký "Mãi mãi không quên" phu nhân Roosevelt đã viết: "Tưởng phu nhân rất giống một cô gái nhỏ nhắn xinh xắn và yếu ớt, nhìn bà ta nằm trên giường, tôi thầm nghĩ giá như bà ta là con gái tôi, nhất định tôi sẽ giúp đỡ, chăm sóc bà".

Tống Mỹ Linh nằm tại bệnh viện 11 tuần lễ dưới sự điều trị của giáo sư Coda đã nhổ hai chiếc răng khôn, chữa khỏi bệnh viêm mũi, sức khỏe được khôi phục và bắt đầu sửa chữa lần cuối dự thảo diễn văn sẽ đọc tại Quốc hội Mỹ.

Ngày 17 tháng 2 năm 1943, đoàn Tống Mỹ Linh rời bệnh viện đi xe lửa, đến 5 giờ 10 phút chiều cùng ngày thì tới ga xe lửa liên hợp Washington, tại sân ga đã có hàng vạn người chen chúc nhau chào đón. Nhà Trắng đón Tưởng phu nhân theo nghi lễ khách của Nhà nước, giống như 4 năm trước đã đón nữ hoàng Anh Gborge đời thứ sáu. Rất nhiều người Mỹ và Hoa kiều tranh nhau vẫy tay hoan hô Tưởng phu nhân. Cùng ngồi một xe với phu nhân Roosevelt, Tống Mỹ Linh cũng không ngừng vẫy tay đáp lễ.

Ngày 18 tháng 2, ngày thứ hai sau khi đến Washington có thể nói là một ngày trọng đại trong đời Tống Mỹ Linh, bà phải phát biểu trước Hạ nghị viện Mỹ một bài diễn văn rất quan trọng.

(Kỳ sau đăng tiếp)

DƯƠNG QUỐC ANH

Theo Limbaugh



LÃNH ĐẠO NỮ TẬP TRUNG Ở CHÂU Á

MINH TÂM

"CHÂU Á, thời điểm của các nhà lãnh đạo nữ", đó là nhan đề bài báo trên tờ Matichon xuất bản ở Thái Lan, sau khi bà Megawati Sukarnoputri vừa được bầu làm nữ Tổng thống đầu tiên của Indonesia. Tờ báo nhận xét, Châu Á chưa bao giờ thiếu vắng các nhà lãnh đạo nữ trong thời đại hiện nay. Bên cạnh Indonesia là Philippin hiện cũng đang có một nữ Tổng thống là bà Arroyo Aquino. Ngoài ra, còn có nữ Thủ tướng ở Bangladesh, rồi nữ Thủ tướng và nữ Tổng thống ở Sri Lanka. Hơn nữa, Châu Á còn là nơi xuất hiện nữ Thủ tướng đầu tiên của toàn thế giới, trước cả Châu Âu "văn minh tiên tiến". Đó là bà Sirimavo Bandaranaike, được cử giữ chức vụ này năm 1960. Cũng cần phải nhắc đến nữ Thủ tướng Ấn Độ Indira Gandhi được rất nhiều người ngưỡng mộ...

Sự kiện một loạt nhà lãnh đạo nữ giới liên tục xuất hiện và tập trung nhiều ở Châu Á là nơi đang còn tồn tại thời "trọng nam, khinh nữ", nhất là tại khu vực có đạo Hồi (ngăn cấm phụ nữ hoạt động xã hội, chính trị) quả là một "hiện tượng lịch sử" rất đáng ghi nhận.

Một điều mỉa mai chưa chắc cũng cần suy ngẫm thêm. Đó là, tại một số nơi và trong một số trường hợp, chính khuyết điểm của giới nam đã tạo đà cho giới nữ nắm cương vị lãnh đạo. Tại Indonesia, lần lượt các nam Tổng thống Suharto rồi Wahid đều bị phế truất vì tham nhũng. Tại Philippin, cựu Tổng thống Estrada hiện cũng đang bị xét hỏi vì tội danh tương tự...

Trong khi đó, hầu như không có nữ Thủ tướng, nữ Tổng thống nào ở Châu Á bị khiển trách hoặc dậm tiếu vì chuyện bê bối này. Ngược lại, các bà còn được ca ngợi, không chỉ về phẩm chất đạo đức mà cả về tài năng. Bà Arroyo được nhiều người biết đến vì là bạn cùng lớp, cùng trường với cựu Tổng thống Mỹ Bill Clinton, đạt học vị Tiến sĩ kinh tế. Bà Megawati được nhiều người mến phục vì đã liên tục đấu tranh hơn hai mươi năm trong lực lượng dân chủ tiến bộ, chống chế độ tham nhũng của cựu Tổng thống Suharto, viên tướng lúc quân năm 1965 đã lật đổ cha bà là Bung Suharto, vị Tổng thống đầu tiên trong lịch sử Indonesia...

TÔI chia sẻ với anh Nguyễn Văn Dân về sự quan tâm, lo lắng đến chất lượng của nền lý luận phê bình văn chương hiện nay trong bài viết **Để có một nền lý luận phê bình văn học chất lượng cao** (Tạp chí Nhà văn số tháng 7-2001). Đó là những suy nghĩ của một người có trách nhiệm về thực trạng nền phê bình còn nhiều bất cập trước đòi hỏi của đời sống văn chương. Về đại thể, tôi nhất trí với anh quan niệm lý luận và phê bình không thể tách rời nhau, và trong tình hình hiện nay cần tăng cường chất lý luận cho phê bình. Tuy nhiên, có một số điều tôi thấy cần trao đổi lại với anh.

1. Tuy lý luận và phê bình có quan hệ mật thiết với nhau, nhưng trong một chừng mực mỗi lĩnh vực vẫn tồn tại độc lập. Lý luận có nhiệm vụ chỉ ra cho sáng tác những vấn đề cơ bản mà sáng tác phải tuân theo để có được những sáng tác tốt. Còn phê bình thì lấy chính đời sống văn chương làm đối tượng, rồi từ đó mới rút ra những bài học kinh nghiệm để sáng tác tốt hơn. Lý luận muốn thuyết phục thì phải dựa vào lập luận là chính, tuy có cần dẫn chứng minh họa. Còn phê bình thì lại dùng đời sống văn chương là chính, tuy có cần lập luận dẫn dắt. Trong thực tế đời sống văn chương xưa nay, không phải bao giờ lý luận và phê bình cũng hài hoà hoặc đi song song với nhau. Lịch sử văn chương vẫn để lại những tác phẩm và tác giả phê bình và lý luận khá riêng biệt: *Nghệ thuật thơ ca* của Aristote (Hy Lạp) và *Văn tâm điều long* của Lưu Hiệp (Trung Quốc) là những tác phẩm lý luận văn chương; còn những tác phẩm của Thánh Thán (Trung Quốc) và Hoài Thanh (Việt Nam) thì nghiêng về phê bình tác phẩm. Riêng *Tuỳ viên thi thoại* của Viên Mai (Trung Quốc) vừa có tính lý luận vừa có tính phê bình... Vì vậy, khác với anh Nguyễn Văn Dân, tôi cho rằng các nhà lý luận phê bình ai mạnh mắt nào thì nên đi sâu vào mặt ấy. Chỉ có khai thác đến tận cùng mặt mạnh của mình thì mới mong có được tác phẩm có giá trị, chứ cứ phải chạy theo lo sao cho cân đối giữa lý luận và phê bình, trong đó có mặt mình không thật mạnh thì tác phẩm viết ra khó có thể hay được. Còn nếu ai đó mạnh cả lý luận và phê bình thì tốt quá, còn gì phải nói. Nhưng thực tế cho thấy những người mạnh cả hai mặt như thế thật hiếm. Phần nhiều những người có cả hai khả năng ấy thì cả hai phần lý luận và phê bình đều chỉ khá vừa thôi, và chỉ có được những tác phẩm phai phắn. Thế thì chẳng bằng giỏi một lĩnh vực để có những tác phẩm vượt trội, như ông cha ta thường nói: Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh".

2. Anh Nguyễn Văn Dân có nói đến hai loại phê bình là "phê bình cảm hứng" và "phê bình có lý luận dẫn dắt". Theo tôi thì trong thực tế không có những loại phê bình thuần riêng biệt như vậy. "Phê bình cảm hứng" hay "phê bình nghệ sĩ" dù có nghiêng về cảm xúc đến đâu nó cũng vẫn có sự dẫn dắt của lý trí, mà lý trí ấy dấu của ai cũng gồm một loạt những quan niệm về thế giới tự nhiên và xã hội, trong đó có những quan niệm về văn học nghệ thuật của riêng họ. Thế thì không thể nói kiểu phê bình đó hoàn toàn không có lý luận được. Có thể những quan điểm lý luận ấy chưa thành hệ thống như một số phương pháp phê bình của phương Tây mà thôi. Còn "phê bình có lý luận dẫn dắt" cố nhiên là tốt. Nhưng nếu không khéo, lý luận lúc nào cũng kẻ, như những phương pháp mới xé có thể lạnh lùng làm rời rạc, làm nát tác phẩm, thì cũng khó mà đạt được mục đích.

Vấn đề là ở tài năng của nhà phê bình. Để tiện trao đổi, tôi tạm dùng hai thuật ngữ "phê bình cảm xúc" và "phê bình lý luận" để chỉ hai loại phê bình trên. Tôi không quan niệm như anh Nguyễn Văn Dân rằng phê bình cảm xúc sẽ chỉ dừng lại ở những đánh giá nóng can, hơi hot, thậm chí sai lệch và buộc phải dừng lại trước ngưỡng cửa của lâu đài văn học mà cho rằng "phê bình có lý luận dẫn

dắt" ở đây là những phương pháp phê bình của phương Tây là cao hơn phê bình cảm xúc. "Phê bình cảm xúc" hay "phê bình lý luận" cũng đều là phương pháp tiếp cận tác phẩm bình đẳng nhau. Mỗi dạng đều có mặt mạnh và mặt yếu, đều có thể hiểu đúng và hiểu sâu tác phẩm.

Phê bình cảm xúc là phương pháp phê bình truyền thống của phương Đông. Người xưa có nói về cách thẩm nhập tác phẩm: Nếu đọc bằng mắt thì chỉ thấy được hình dáng bề ngoài, nếu đọc bằng tâm thì mới thấy được da thịt, nếu đọc bằng hồn thì sẽ thấy được cốt tủy. Phê bình cảm xúc có thể mạnh giống người con gái đang yêu: linh cảm thấy được những điều cốt yếu nhất của đối tượng mà người ngoài không thấy. Phương pháp phê bình này đã để lại những tên tuổi: Thánh Thán, Viên Mai (Trung Quốc), Hoài Thanh, Xuân Diệu, Chế Lan Viên... Còn phê bình lý luận tức là những phương pháp phê bình mới của phương Tây những năm gần đây được một số người áp dụng vào Việt Nam, nhưng đến nay vẫn chưa có được những thành tựu nổi trội. Những tác phẩm phê bình gần đây được đánh giá tốt vẫn là những tác phẩm thuộc phê bình cảm xúc... Phải chăng có sự bất cập giữa chia khoa công nghệ kỹ thuật phương Tây khi đem mô lâu đài nghệ thuật tâm linh của phương Đông? Tôi vẫn mong các nhà lý luận văn chương của ta đến một lúc nào đó sẽ sáng tạo ra những phương pháp phê bình mới mang phong cách Á Đông thật sự có giá trị. Tôi tin phê bình cảm xúc đến độ chín sẽ gặp chân lý và bật ra những vấn đề lý luận, và phê bình lý luận đến độ chín cũng sẽ gặp chân lý và làm cho những trang phê bình trở nên xúc cảm.

GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG LÝ LUẬN PHÊ BÌNH VĂN CHƯƠNG

ĐINH QUANG TỐN

3. Anh Nguyễn Văn Dân có ý chê rằng những tác phẩm phê bình lý luận của ta hiện nay nhiều, nhưng chủ yếu là những tác phẩm tập hợp những bài đã đăng báo và tạp chí, mà chưa có được những công trình lý luận tầm cỡ. Thôi thì, có nu nung nự, có hoa mĩng hoa; chưa có những tác phẩm tầm cỡ thì phải phấn đấu. Nhưng tôi không cho rằng chỉ có những công trình lý luận mới có thể mang tính "tầm cỡ". Phê bình mà hay cũng "tầm cỡ" chứ sao! *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh là một tác phẩm phê bình tầm cỡ. Thế mà trong tác phẩm này, ngoài phần tuyển chọn thơ của các nhà thơ trong phong trào thơ mới, Hoài Thanh và Hoài Chân chỉ viết tổng cộng hơn một trăm trang giới thiệu, trong đó có một bài viết khái quát *Một thời đại mới trong thi ca* dài ba chục trang, còn đều là những bài viết ngắn một vài trang về từng tác giả, thậm chí một số tác giả chỉ có nửa trang như Thâm Tâm, Đoàn Phú Tứ, Yến Lan, Văn Đai. Vấn đề "tầm cỡ" là ở chất lượng của từng trang viết chứ không ở độ ngắn hay dài, sách dày hay mỏng. Nên tôi không đồng tình khi anh Nguyễn Văn Dân chê: *Nhiều cuốn sách tập hợp cả những bài viết tũn mủn một hai trang*. Viết ngắn mà hay mới khó chứ viết dài mà dở thì quá dễ. Có một vài nhà lý luận phê bình, ngoài những câu có cả hàng đống sách dày, nhưng đâu đã được coi là tầm cỡ.

Mỗi nhà lý luận phê bình nên có một cách làm tác phẩm riêng của mình. Hãy sáng tạo ra nhiều cách làm mới. Thế mới là khó, thế mới làm cho đời sống lý luận phê

bình thêm phong phú. Chứ nếu tất cả chỉ nhắm nhắm tạo ra những "công trình lý luận tầm cỡ" thì cũng nghèo nàn lắm thay! Có thể như Pautópky (Nga) viết *Bông hồng vắng*, Raxun Gamratóp (Nga) viết *Đaghetxan của tôi*, Hoài Thanh viết *Thi nhân Việt Nam*.

4. Trong bài viết của mình, anh Nguyễn Văn Dân tỏ ra không mấy coi trọng những tác phẩm phê bình của những người sáng tác: *Có người sau một thời gian sáng tác có thể do sự thôi thúc của cảm hứng, và cũng có thể do quan niệm rằng viết phê bình theo lối cảm hứng và không cần lý luận như vậy thì chẳng có gì là khó cả, cho nên cũng bắt đầu viết phê bình, và tất nhiên hoàn toàn viết theo lối cảm hứng*. Tôi rất coi trọng những nhà lý luận chuyên nghiệp và những công trình lý luận văn chương. Nhưng ở Việt Nam cho đến nay vẫn chưa có những nhà lý luận văn chương với ý nghĩa là những nhà lập thuyết. Thực tế phát triển văn chương cho ta thấy, đóng góp phê bình của những nhà văn nhà thơ là rất lớn. Dẫu các nhà lý luận chuyên nghiệp có thể mạnh nắm được sâu những phương pháp phê bình khoa học, nhưng họ lại không phải là những người trực tiếp làm nghề nên vẫn có những hạn chế. Những nhà văn nhà thơ viết phê bình có thể mạnh là không ai hiểu nghề bằng chính họ, mà các nhà phê bình chuyên nghiệp không có. Theo tôi hai lực lượng lý luận chuyên nghiệp và người sáng tác viết phê bình bổ sung cho nhau để đời sống phê bình thêm phong phú, đều có giá trị ngang nhau chứ không thể cái nào cao hơn cái nào. Viên Mai viết *Tuỳ viên thi thoại*, ông còn là một nhà thơ. M.Goorky bàn về văn học rất nhiều vấn đề nổi tiếng,

đứng từ góc độ là một nhà văn. Ở nước ta, trong thời kỳ văn chương hiện đại, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi, Vũ Quần Phương, Trần Mạnh Hảo, Trần Đăng Khoa... là những nhà thơ đã để lại những tác phẩm phê bình có giá trị mà nhiều nhà lý luận phê bình văn chương chuyên nghiệp cũng không thể vượt qua. Thực ra, các nhà văn nhà thơ này đâu phải viết phê bình không có lý luận? Họ viết được hay như thế, thực ra là trong khi phê bình họ đã có lý luận chìm trong đó rồi. Không nên vì cái phong trào "người người làm phê bình" xô bồ hiện nay đang làm rối tung các giá trị của đời sống văn chương mà có định kiến với những nhà văn nhà thơ viết phê bình thực sự có tài năng.

5. Tôi chia sẻ với lo lắng của anh Nguyễn Văn Dân: *Với cái đà ấy, khi Việt Nam hội nhập sâu thêm với thế giới, thì không biết giới học thuật nước ngoài sẽ nghĩ gì về trình độ lý luận văn học của nước ta*. Đúng là những người làm công tác lý luận phê bình của ta cần phải tìm hiểu sâu nền lý luận phê bình văn chương của các nước trên thế giới để mình biết nó có những cái gì và nó như thế nào, còn áp dụng nó ra sao lại là chuyện khác. Cái gì hay và phù hợp thì chúng ta học. Nhưng toàn cầu hoá không có nghĩa là Mỹ hoá, phương Tây hoá. Phương Tây cũng phải tìm hiểu phải học tập những điều tốt đẹp của phương Đông, đặc biệt là về những giá trị văn hoá, văn học nghệ thuật.

Cần lưu ý rằng, từ khi chưa biết những phương pháp sáng tác và phê bình của phương Tây, chúng ta đã có *Truyện Kiều*, *Chinh phụ ngâm*, *Cung oán ngâm khúc*, *thơ Hồ Xuân Hương*... được phương Tây rất khâm phục. Về mặt lý luận phê bình, đúng là chúng ta chưa có được những nhà lập thuyết. Nhưng mục đích của phê bình là gì nếu không phải là để thúc đẩy sáng tác và hướng dẫn người thưởng thức? Dẫu chúng ta chưa có người đứng ra đúc kết một cách hoàn hảo phương pháp phê bình Việt Nam thành một hệ thống lý luận hoàn chỉnh, nhưng không phải vì thế mà hàng nghìn năm qua, nhân dân ta không hiểu được những tác phẩm văn chương bất hủ của nước mình!

Theo tôi, cùng với việc tìm hiểu phương pháp sáng tác và phê bình văn chương của các nước trên thế giới, một hướng khác các nhà văn nhà thơ, lý luận phê bình nước ta cũng cần phải tìm hiểu nền văn chương nước nhà và phương Đông sâu hơn nữa để tìm ra được những phương pháp sáng tác và phê bình đặc trưng của chúng ta, của phương Đông đang nằm rải rác trong chính những tác phẩm mà ông cha chúng ta đã để lại. Chỉ có tìm ra được những phương pháp sáng tác đặc trưng của phương Đông mới giúp văn chương phương Đông phát triển thành văn chương phương Đông hiện đại. Trên cơ sở lý luận phê bình văn chương cổ phương Đông nói chung và lý luận phê bình văn chương cổ Việt Nam nói riêng mới giúp cho chúng ta xây dựng được một nền lý luận văn chương Việt Nam hiện đại. Nhiệm vụ này tôi thấy là còn cần thiết và nặng nề hơn.

Một lần nữa tôi chia sẻ với sự lo lắng đầy trách nhiệm của anh Nguyễn Văn Dân "để có một nền lý luận phê bình văn học chất lượng cao". Những vấn đề chung về đánh giá tình hình phê bình văn chương của ta hiện nay, hay những đòi hỏi đối với những người làm công tác lý luận phê bình trong thời gian tới, tôi cũng chia sẻ với những suy nghĩ của anh. Chỉ có một vài điểm tôi có suy nghĩ khác xin được trao đổi lại. Mong được anh và các đồng nghiệp cùng những ai quan tâm đến thực trạng và tương lai của nền lý luận phê bình văn chương nước nhà trao đổi thêm.■

TẶNG THƯỞNG THÁNG 7-2001 CỦA BÁO VĂN NGHỆ

THÁNG 7, tháng đến ơn đáp nghĩa. Khá nhiều sáng tác khai thác đề tài này dưới những góc nhìn và tầng vỉa mới. Truyện ngắn *Mùa trăng* của Trịnh Đình Khôi, ký *Gió trên nghĩa trang* của Nguyễn Thế Tường, *Đi tìm anh Thế* của Trần Tuấn, Thơ của Trần Mạnh Hảo, Hoàng Việt Hằng, Nguyễn Hữu Hà ... là những áng văn cảm động được bạn đọc chú ý. Một mảng khác, trong nhịp sống bình thường nhiều truyện ngắn vươn tới các vấn đề đạo đức xã hội, dõi sáng những vẻ đẹp lẫn khuất, tiềm ẩn trong những con người bình dị, lam lũ, thậm chí bị bỏ quên và coi rẻ. Trẻ con người trở về đúng chỗ đứng của mình là vấn đề không phải mới, nhưng tình thời sự của truyện ngắn *Cầu vồng vắng vất* của Lã Thanh Tùng chiếm được sự đồng cảm của bạn đọc nhờ tình thời sự của nó. Các truyện khác của Nguyễn Viện, Kim Quyên, Triệu Huân, Hà Khánh Linh, Hà Nguyên Huyền... cũng được hoan nghênh, hoặc ở cách viết, hoặc ở nghệ thuật xây dựng cốt truyện, khắc hoạ nhân vật. Nhưng, xem ra, một tác phẩm thực sự gây được tiếng vang chính là giá trị tư tưởng nghệ thuật của nó.

Tháng này thơ có độ mở hơn về đề tài, bút pháp. Bên cạnh một số chùm thơ được bạn đọc tán thưởng, nhiều bạn đọc ngỡ ngàng trước một số bài thơ cầu kỳ, bí hiểm.

Viết ngắn, tăng lượng thông tin, áp sát vào những vấn đề bức xúc của đời sống, đó là mong mỏi của bạn đọc với tất cả các trang, mục của *Văn nghệ*. Sau đây là danh sách tặng thưởng tháng 7 năm 2001:

- 1, Truyện ngắn *Chuyện ông Bồng* của Tạ Kim Hùng (V.N. số 28, ngày 14-7-2001).
- 2, Truyện ngắn *Cầu vồng vắng vất* của Lã Thanh Tùng (V.N. số 27, ngày 7-7-2001).
- 3, Bút ký *Đi tìm anh Thế* của Trần Tuấn (V.N số 30, ngày 28-7-2001).
- 4, Chùm thơ của Đinh Nam Khương (V.N. số 29, ngày 21-7-2001).
- 5, Bài *Phải chăng chúng ta đang sống trong thời đại thiếu vắng lý tưởng*, bản dịch của Lê Trí Liêm (V.N. 30, ngày 28-7-2001).
- 6, Bài *Về dòng họ Tônxtôi*, bản dịch của Đỗ Quyên (V.N. số 27, 28 ngày 7 và 14-7-2001).
- 7, Bài *Giáo sư Bùi Văn Nguyên, "người muốn nắm cũ"* của Hà Minh Đức (V.N. số 27, 7-7-2001).
- 8, Tiếng nói nhà văn: *Đống đá là và sự tũn hủ* của nhà thơ Lê Kim (V.N. số 27, ngày 7-7-2001).

BAN BIÊN TẬP TUẦN BÁO VĂN NGHỆ

CÁNH đồng nằm giữa khu rừng tràm U Minh hạ. Nhìn từ xa cứ tưởng lúa đang vào mùa chín rộ bởi một màu vàng rực mênh mông. Tôi nói bà con U Minh năm nay trúng mùa dữ quá! Chị Thiện nhìn tôi cười thông cảm: Không phải lúa đâu cậu ơi, đó là cỏ chát! Tôi chợt ngậm ngùi nhìn cánh đồng rồi tìm lại trong ký ức tuổi thơ, hồi ấy, cánh đồng quê tôi cũng có những gò đất mọc đầy cỏ chát. Vào tháng mười, lúa bắt đầu rụng cái, tôi thường leo đèo theo mẹ ra đồng nhổ cỏ chát trên những gò cao. Cỏ chát tấn công làm cây lúa bị ẻo ọp, lơ phơ như ông già lao phổi, bông cỏ chát chín vàng giống y như màu vàng của lúa.

Chị Thiện nói đất nào cỏ chát mọc thành rừng là người nông dân ở đó không ngóc đầu lên nổi. Điều chị nói được chứng minh bởi dọc theo bờ kinh tôi đã đi qua toàn là những căn chòi. Cái nghèo ở xứ sở này còn ám ảnh tôi bởi trên những bờ kinh mọc đầy hoa mua tím. Tôi không hiểu sao một loài hoa đẹp thế lại chỉ mọc trên những vùng đất khô cằn, có lẽ vì vậy mà màu tím hoa mua luôn gợi lên một nỗi buồn man mác. Tôi nhìn chị Thiện, cứ so sánh cuộc đời chị cũng khô cằn như cánh đồng cỏ chát và buồn như màu tím hoa mua. Bốn mươi hai tuổi đời mà trông chị già... *cóp thùng thiếc* như một bà cụ, hàm răng xêu xáo, da đen sạm, nhân nheo, mắt trũng sâu như người mất ngủ. Chồng chị - anh Tu Điều - đã ôm gần hết cái tài sản hiếm hoi của gia đình để đi theo vợ bé, bỏ chị với bảy con nheo nhóc trong căn chòi giữa cánh đồng này suốt sáu năm qua với bao nhiêu khổ đau chồng chất.

Anh Điều chống chị không siêng năng, không biết tính toán như người ta nhưng được cái là chị bảo đầu làm đó. Bảy công đất không đủ sống, họ lần lượt khẩn hoang thêm được hai héc-ta. Nhưng đất ở đây toàn là cỏ chát, cỏ chát làm cho cây lúa hoa nhèn bông, năm nào trúng lắm cũng chỉ được ba trăm gia, trừ tiền cấy, tiền phân, tiền gặt, tiền suốt lúa... còn lại không được một bó trong khi sáu đứa con lần lượt ra đời mà mọi chi phí gia đình chỉ dựa vào hạt lúa.

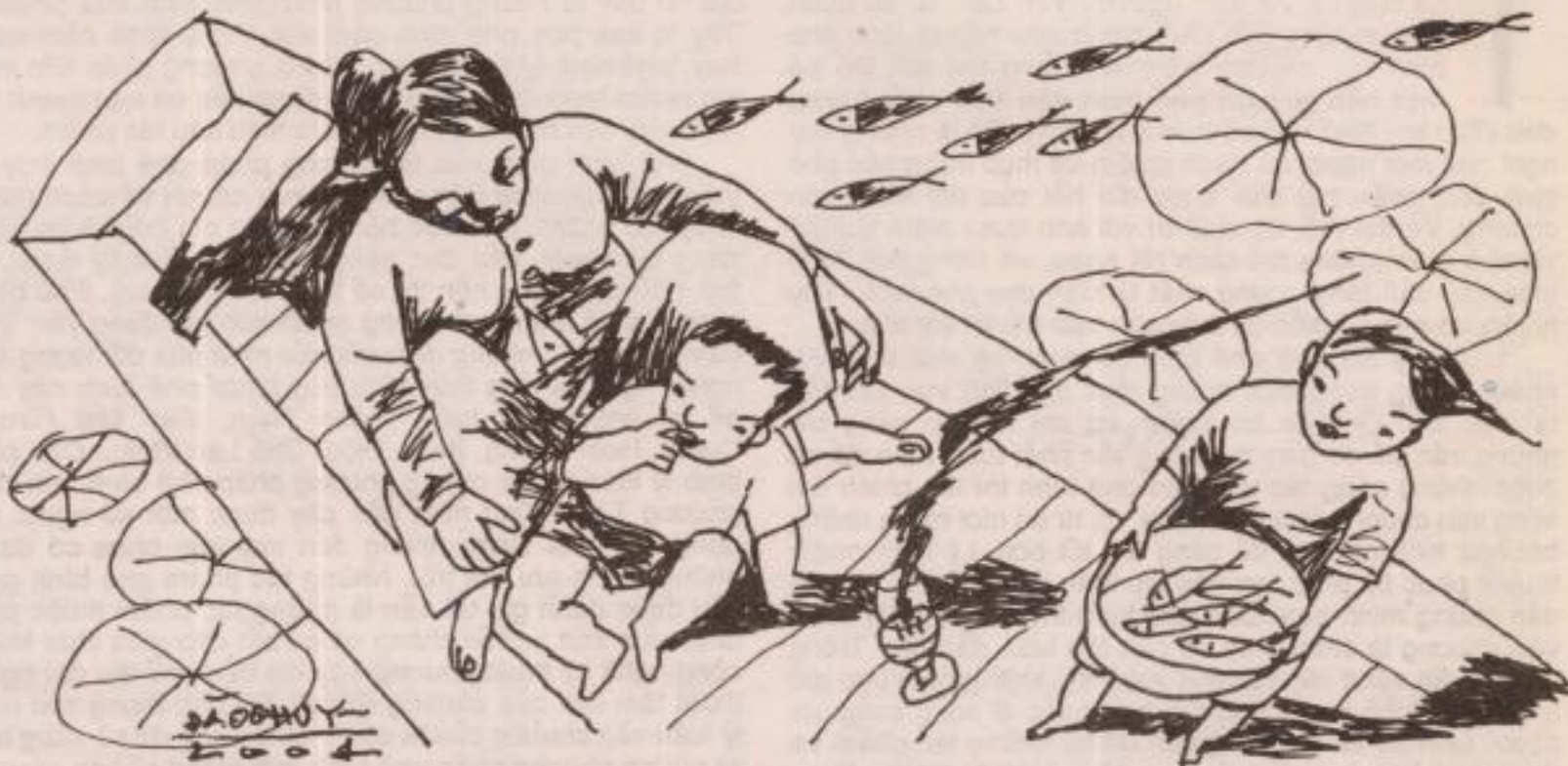
Năm 1992, chị bàn với anh Điều bán bảy công đất phụ ấm để lấy vốn làm ăn, chớ ở cái xứ này, xong mùa cấy là ăn ở không, thậm chí kiếm việc làm muốn làm thuê cũng không có. Sau khi bán bảy công đất được 2,6 lượng vàng, chị trang trải nợ nần hết năm chỉ, còn lại đi mua chiếc ghe với cái máy Robin cũ và một số hàng bách hoá. Cấy lúa xong, hai vợ chồng với sáu đứa con xuống ghe chạy sang rừng được Năm Căn để làm một cuộc mưu sinh mới. Đến cửa Ông Trang, chị mượn cái chòi vuông tằm bỏ hoang để làm nơi tạm trú. Hàng ngày, Tu Điều cùng với hai đứa con nhỏ xuống ghe, chạy đi bán hàng tạp hoá theo các kinh rạch trong rừng, bốn đứa lớn ở lại chòi với chị, hai đứa đi móc cua, hai đứa đi cua gốc đước về cho chị hầm than. Cuộc khổ nhưng có đồng ra đồng vào, chị thấy dễ chịu hơn cái cảnh ăn không ngồi rồi, từng quần ở quê nhà sau mùa cấy. Đến mùa lúa chín, họ lại kéo nhau về, sau khi đem lúa vô bồ, vợ chồng con cái lại xuống ghe.

Thế rồi hơn một năm sau, chị phát hiện thấy anh Điều có cái gì khác lạ, trước đây chiều nào anh cũng chạy ghe về, dù trời tối cũng về. Còn bây giờ có khi anh đi suốt ba bốn ngày liền, anh nấu cơm ăn luôn dưới ghe. Chị hỏi, anh nói đi bán xa ngoài bãi bồi ven biển, ngủ lại ngoài ấy để hôm sau đi bán cho tiện. Một hôm, bé Út Nền - đứa con gái mười tuổi - rủ tai với chị rằng: Con thấy có cô Hồng hay xuống ghe ngủ với ba, ba nói nếu con mết má thì ba đánh. Mấy hôm sau, chị đánh liều nhảy xuống tàu dò ra bãi bồi thì gặp Tu Điều với một người đàn bà ngồi trong quán cà phê. Thấy chị, anh nắm tay người đàn bà ấy nhảy xuống ghe, chị nhanh tay giành lấy cây sào, hai người giằng co nhau, anh nói: Bà về đi, từ nay tôi không ở với bà nữa, tôi đi với con Hồng. Chị nói: Ông đi thì lên bờ mà đi, trả chiếc ghe lại cho tôi! Anh lại nói: Chiếc ghe này do tôi bán đất của bà má tôi để mua, nó là của tôi. Mấy người đàn bà ở xóm bãi bồi kéo lại giữ chiếc ghe giúp chị và xúm nhau xỉ vả Hồng: Đố con đi, mấy là dân nào mà dám công khai giết chồng giết ghe người ta giữa ban ngày ban mặt? Mấy người đàn ông đang đứng trên bờ cũng không kềm chế được, họ mắng chửi Tu Điều: Tội cho anh đi theo con đi ấy nhưng phải trả chiếc ghe lại cho vợ anh, nếu anh lấy ghe, tại tôi sẽ xử anh như xử một thằng ăn cướp.

Hồng mắc cở bỏ đi. Tu Điều ngồi phệt xuống mũi ghe hút thuốc, đầu gục xuống. Chị Thiện bước ra sau lái nổ máy chạy về.

Hôm sau Tu Điều nằm đầu đầu dưới ghe không đi bán. Chị Thiện đang nấu cơm bỗng thấy con bướm bà thật to bay lượn trong căn chòi. Chị linh cảm đây là điềm dữ. Chiều lại bé Út Nền bị sốt mê man. Chị mua nhang và trái cây ra miếu Bà ngoài ngã ba khẩn vai, con bé vẫn sốt cao, người nó nóng như lửa và lên cơn mê sảng, miệng cứ lẩm nhảm một câu: Nếu con có chết, má đem con về chôn gần má ông nội. Chị hốt hoảng chở con sang trạm xá Ông Trang, thấy tình thế nguy ngập, trạm làm giấy chuyển lên bệnh viện huyện Ngọc Hiển. Bác sĩ ở đây cho biết, cháu Nền bị sốt xuất huyết não. Hết tiền, chị gỡ chiếc máy Robin đem cầm

4.vn



Đồng cỏ chát

Bút ký của VÕ ĐẮC DANH

ba trăm ngàn đồng để chữa bệnh cho con, nhưng bệnh tình quá nặng, ba ngày sau cháu đã mất.

Trong lúc sáu mẹ con chị ngồi quanh xác bé Nền gào khóc, chị đã nhận được những tấm lòng mà cho đến bây giờ chị vẫn không biết của ai giữa nơi xứ lạ quê người, khi tỉnh dậy, chị thấy trong túi mình có một xấp tiền và một chỉ vàng, rồi có mấy người khiêng được một chiếc áo quan, một chiếc chiếu và một xấp vải mùng, họ nói là của Hội Chữ thập Đỏ giúp chị tẩm liệm cháu Nền.

Chiếc quan tài để trong ghe, sáu mẹ con chị ngồi phía trước, Tu Điều chạy máy. Đến một chòm mà ven sông Cái Keo, Tu Điều ghé lại bảo chôn con ở đây, chị không chịu, chị nói Con nó đã đòi về nằm gần ông nội, anh ráng chịu ý con một lần cuối cùng không được sao? Anh hần học nói: Vậy thì bà đưa nó về đi, tôi trở lại bãi bồi tìm con Hồng. Tu Điều vừa nói vừa đạp lái ghe nhảy lên bờ đi mất, mặc cho năm đứa nhỏ vừa khóc em, khóc chị, vừa gào thét gọi ba.

Mười lăm ngày sau khi chôn cất bé Nền xong, sáu mẹ con chị Thiện tiếp tục xuống ghe quay về căn chòi cũ. Lần này thì chị để hai đứa lớn - thằng Nhỏ và con Lành - ở chòi lấy củi hầm than, chị chờ thằng Em, bé Diễm và bé Trường theo ghe đi bán hàng tạp hoá.

Khoảng một tháng sau, tình cờ một hôm ghé bán hàng cho một quán cà phê trong căn nhà sàn ở cửa Cá Mòi, chị gặp lại Tu Điều. Anh bị sốt rét, người run rẩy xanh xao đang nằm trên võng. Thấy chị, anh quý lụy van xin, rằng tôi đã biết lỗi, rằng bà hãy tha thứ cho tôi, từ đây về sau tôi sẽ không bao giờ dám gặp với ai nữa, tôi xin thế suốt đời làm lụng nuôi vợ nuôi con. Chị im lặng để cho hai hàng nước mắt tuôn rơi. Chị nhớ con Nền, nhớ cái hôm anh đạp lái xuống nhảy lên bờ bỏ mẹ con chị chở chiếc quan tài một ngày một đêm trong mưa gió. Nhưng rồi nhìn cái dáng xanh xao như người sắp chết của anh, chị thấy động lòng. Con Hồng đâu? Chị hỏi, anh lắc đầu nói: Xin không được vuông tằm, nó bỏ về Cà Mau, từ hôm vô đây đến nay tôi không gặp, tôi đi làm muốn kiếm tiền sống qua ngày rồi bị sốt... Chị lại nói: Chớ không phải thấy ông không có chiếc ghe nên nó đã dìm ông sao? Anh thề: Tôi nói thật tình mà, tôi mà có nói gian cho ông trời đánh tôi chết! Thấy mấy đứa nhỏ than khóc van xin cho anh, chị không nỡ cầm lòng. Xuống ghe đi! Chị nói như ra lệnh rồi bước ra phía sau cho nổ máy. Tu Điều lăm lăm bò vô mũi ghe, lấy mền quấn lại. Chị Thiện chạy về trạm y tế Viên An Tây đưa anh lên khám bệnh, mua thuốc rồi đưa anh về căn chòi cho thằng Nhỏ và con Lành chăm sóc, chị tiếp tục đi bán.

Mấy ngày sau Tu Điều khoẻ lại, anh vác búa vô rừng đốn củi cho hai đứa nhỏ hầm than. Chị Thiện thấy công việc buôn bán không hợp với mình nên giao lại cho anh. Tu Điều chở bé Diễm và bé Trường theo ghe, thằng Nhỏ đi móc cua, con Lành và thằng Em đốn củi, chị trở lại công việc đốt lò than. Chị Thiện hy vọng cuộc sống sẽ dần dần ổn định, kiếm một ít vốn chị sẽ về quê buôn bán cho mấy đứa nhỏ học hành, ít ra thì cũng phải biết đọc, biết viết đúng chính tả, biết cộng trừ nhân chia, không thể để chúng dốt đặc như Tu Điều. Để lớn lên, khi phải lòng ai mà không dám nói thì ít nhất chúng cũng phải biết viết một lá thư... Nhiều đêm trong căn chòi chị đã ước mơ như vậy. Thế rồi, kết quả của lòng bao dung tha thứ cho Tu Điều trong cái quán cà phê ở vòm Cá Mòi hôm nọ là một cái bào thai mà sau này, có một lý do mà chị phải đặt tên con là thằng Hận.

Một buổi chiều chang vang, chị thấy bé Diễm trong con sốt run rẩy bỏ lết vô chòi, nhìn xuống bên không thấy chiếc ghe của Tu Điều, chị hỏi ba đâu? Con bé nói không biết, chị hỏi ai đưa con về đây? Con bé nói cô Hiếu, chị hỏi cô Hiếu nào? Nó nói cô Hiếu bán ốc len ở chợ Ông Trang, quen với ba. Nó chỉ biết rằng nó bị sốt nằm mê man dưới ghe từ hôm qua, lúc này tỉnh dậy thì thấy nằm dưới chiếc xuống nhỏ, cô Hiếu đưa nó lên bờ, bảo nó lội vô chòi rồi chèo xuống đi mất.

Sáng hôm sau chị đón tàu dò ra chợ Ông Trang để tìm chị Hiếu bán ốc len, bà con trong chợ cho biết: chị Hiếu quê ở Mỹ Tho, làm nghề mai dâm và trôi dạt dần cho đến tận Năm Căn. Sau một đợt truy quét tệ nạn xã hội, chị bị đưa đi cải tạo lao động sáu tháng, không còn đủ nhan sắc để trở lại nghề cũ, Hiếu xuống tận Ông Trang, chị thuê một phòng trọ, buổi chiều vào rừng bắt ốc len, buổi sáng đem ra chợ bán. Gần đây Hiếu có quen với một người đàn ông bán ghe hàng. Thông tin về chị Hiếu chỉ có thế, chị Thiện tưởng tượng ra rằng, Tu Điều đã mang chiếc ghe đi xay tổ ấm, nhưng tại sao họ lại mang theo cả bé Trường?

Chị hỏi hận vì mình đã tha thứ cho anh, nếu không, chị đâu phải mất chiếc ghe và mang thêm cái bào thai trong bụng. Bây giờ thì mọi chuyện đã muộn màng, ở lại thì không biết lấy gì để sống, mà về quê thì lấy gì làm phương tiện đi về. Suốt ba ngày liền chị nằm vật vã trong chòi, không ăn không uống. Chị không ngờ đời mình đến đây phải làm lại từ đầu trong cảnh trắng tay giữa xứ lạ quê người với một đàn con nheo nhóc. Nhưng dù muốn hay không cũng phải làm lại từ đầu. Năm mẹ con chị ịch đi lấy củi hầm than, cứ vài ngày thì đón tàu dò chờ ra chợ Ông Trang bỏ mối, mỗi phiên chợ cũng kiếm được vài chục ngàn đồng, ba tháng sau, chị tích tụ được sáu trăm ngàn đồng và một trăm ký than, chị quyết định mua chiếc ghe cũ để mấy mẹ con chở một trăm ký than chèo về quê làm ruộng. Một trăm ký than đem về U Minh bán cũng được năm trăm ngàn đồng, ít ra cũng có một ít chi phí lo cho mùa cấy. Ba năm gồng gánh, chống chèo đi lưu lạc xứ người, mất mát nhiều hơn cái làm ra, lại thêm những khổ đau chồng chất, cuối cùng cũng quay lại với cánh đồng cỏ chát... Chị đang nghĩ ngợi thì bỗng nghe một con đau bụng nổi lên, chị buột miệng nhảm linh... vậy là đứa bé sắp ra đời. Chị bảo thằng Nhỏ và con Lành, đứa chèo đũa bơi quay xiết lại trạm y tế chợ Đầm Cù. Hai đứa nhỏ đều chị lên bờ trong cơn đau quặn quai.

Khi tỉnh dậy, biết mình sinh một đứa con trai, chị đặt tên nó là thằng Hận - Phạm Văn Hận. Sau khi hiểu được hoàn cảnh của chị, các nhân viên trạm y tế đã miễn các khoản chi phí và giúp cho chị tiền thuốc, tiền cơm. Ngày sau, chị gởi cho trạm phân nửa ghe than để gọi là đến ơn đáp nghĩa rồi tiếp tục cuộc hành trình. Thằng Nhỏ và con Lành thay phiên nhau chèo. Hết thấy nước xuôi thì chèo, nước ngược thì dẫu nghỉ. Ba ngày ba đêm, mẹ con chị mới về tới Khánh Hoà, về tới căn chòi nằm giữa mênh mông đồng cỏ chát.

Về vừa tới đầu kinh, chị Thiện lại nghe thêm một tin sét đánh: Tu Điều đã bán một héc-ta đất cho vợ chồng Năm Dữ ở cạnh nhà với giá 1,3 lượng vàng, bỏ thằng Trường bên nhà ông bà nội rồi dẫn cô Hiếu ra đi. Nghe nói họ đã bán chiếc ghe để về Mỹ Tho sinh sống.

Chị Thiện bước lên bờ đứng như trời trồng mà nghe đầu óc buồn vô tung ra. Mảnh đất này hồi chầy rừng U Minh chị đã quần quật mấy năm để lật từng gốc tràm gốc mốp, hì hục tứ lúc hùng đông cho đến khi cùm nùm kêu lên mới lè từng bước chân đôi là vô nhà.

Số 32 (11 - 8 - 2001)

Bây giờ một nửa đã về tay người khác, còn lại một hecta làm sao đủ nuôi sống cả bảy miệng ăn? Chị qua thương lượng với Năm Dữ rằng để chị đi vay tiền chuộc lại, Năm Dữ không chịu. Chị đâm đơn ra toà, xin Toà xử cho chị chuộc lại vì Tu Điều bán đất mà không có sự đồng tình của chị. Toà mời hai người ra xử nhưng chị thua kiện vì ông phó Chánh án Toà án huyện U Minh là cậu vợ của Năm Dữ. Ước lòng, chị làm đơn chống án. Toà án tỉnh xử phúc thẩm cho chị được chuộc lại đất. Hôm ấy sau khi xử xong, anh chủ toạ phiên toà nói với chị rằng trong trường hợp của chị, nếu chị kiện đòi lại đất thì luật pháp vẫn bảo vệ quyền lợi của chị mà vô hiệu hợp đồng bán đất giữa Tu Điều và Năm Dữ, nhưng vì chị đã tự nguyện trả lại cho Năm Dữ 1,3 lượng vàng nên toà phải xử như vậy. Chị nói chị cũng biết vậy nhưng ở gần ở gùi, làm vậy sẽ gieo cho gia đình Năm Dữ một mối thù.

Hôm ấy chị phải bán con gà mái bốn chục ngàn để làm lộ phí ra Cà Mau dự phiên toà, cả ngày chị chỉ ăn một gói xôi.

Tháng kiện rồi, chị phải chạy vay 1,3 lượng vàng để nộp cho Hội thi hành án, mỗi tháng phải đóng lời hơn một chỉ. Mấy mẹ con chị phải đầu tắt mặt tối quanh năm, hết mùa ruộng thì kéo nhau đi làm mướn, mà ở xứ này ai cũng nghèo, có việc gì để làm ngoài nhổ cỏ mướn, gặt mướn, cấy mướn... Mùa mưa năm ngoái, một tai hoạ lại giáng xuống gia đình chị: chị với thằng Nhỏ, con Lành và thằng Em đi cấy trên hậu đất, để ba đứa nhỏ ở nhà. Buồn miệng, chúng rủ nhau ra bờ kinh nhổ củ xả ăn cho đỡ thèm quà bánh, nhổ xong, thằng Trường mang đi rửa, bị trượt chân, nó té xuống kinh. Khi làng xóm hay tin đem lên xốc nước thì nó đã chết, mấy củ xả còn trôi lơ dờ dưới mé kinh. ..

Kể chuyện thằng Trường xong, chị chỉ sang bé Diễm mười bốn tuổi đang ngồi chơi trước cửa nhà với cái dáng ốm xanh như tàu chuối, chị nói nó đang bị bướu tim, không biết nó sẽ bỏ chị ra đi lúc nào. Tôi hỏi sao không đưa cháu đi bệnh viện, chị nói hôm trước bán hai con gà mái để được bảy chục ngàn chở nó ra bệnh viện Cà Mau, bác sĩ nói bệnh của nó được điều trị miễn phí nhưng lấy đâu ra tiền để mà ở ngoài ấy nuôi con. Vay 1,3 lượng vàng chuộc đất, ba tháng rồi không có tiền đóng lãi, mang giấy chủ quyền đất ra xã làm thủ tục đi Ngân hàng vay vốn thì đất lại do anh Điều đứng tên nên không vay được. Chị ra Phòng Địa chính sang tên thì người ta nói phải có mặt anh Điều, hoặc là chị phải làm thủ tục để chứng minh anh Điều mất tích! Chị sang phòng Tư Pháp, một cán bộ ở đây bảo chị phải qua Toà án đóng lệ phí để nhờ họ nhắn tin trên các cơ quan báo chí, nếu sau sáu tháng mà anh Điều không về thì Toà án sẽ làm thủ tục mất tích cho anh và trao quyền thừa kế đất đai cho chị, lúc ấy phòng Địa chính sẽ làm thủ tục sang tên.

Chị nghĩ, anh Điều dứt tình với chị để ra đi một cách biệt tăm sao quá dễ dàng trong khi chị muốn chứng minh cái sự ra đi của anh bằng pháp lý thì lại quá khó khăn? Chị rời chợ huyện, chèo xuồng về nhà trong mưa và nước mắt. Chị nhấm nhấm, nếu mỗi hecta đất nông nghiệp được vay năm triệu đồng thì số lãi phát sinh của 1,3 lượng vàng từ nay đến lúc chị làm xong thủ tục cộng với nợ gốc thì số tiền nếu có vay được của Ngân hàng cũng không đủ trả, lấy gì để đầu tư cho sản xuất? Nhưng không đi làm đủ các thủ tục để vay thì lấy gì để trả nợ? Rồi lãi suất mỗi tháng 1,3 chỉ vàng cứ chất chồng lên, lúc ấy có bán hết hai hecta đất cũng không đủ trả.

Chị Thiện ngồi đối diện với tôi trên bộ vat tre, lưng chị tựa vào tấm vách lá, mắt nhìn xa xăm về phía cánh đồng cỏ chất mênh mông. Đôi mắt trũng sâu và ráo hoảnh, có lẽ nước mắt đã cạn nguồn. Tôi cũng ngồi im lặng, không dám hỏi thêm vì sợ tiếp tục khơi dậy những nỗi đau trong lòng chị, mà nói lời an ủi chị thì biết phải nói sao, dù có nói bao nhiêu cũng trở thành vô nghĩa bởi cái cần thiết cho sự sống của mẹ con chị bây giờ không phải là lời nói đầu môi.

Chiếc ca-nô của chúng tôi đậu dưới mé kinh đã gọi sự tò mò cho hàng xóm, họ lần lượt kéo đến đây căn chòi chị Thiện, những người đàn bà tay bồng tay bế, những đứa trẻ đầu tóc vàng hoe, mình mẩy, tay chân, mặt mày đầy vết bẩn. Chúng trở mắt nhìn những người khác lạ rồi nhìn chiếc ca-nô như chưa từng thấy bao giờ. Còn tôi thì nhìn chúng rồi lại nhìn cánh đồng cỏ chất, nhìn những hàng hoa mua tím tím trên bờ kinh. Cái màu vàng của bông cỏ chất (mà tôi từng bị đánh lừa) và màu tím của hoa mua đã nhuộm lên mảnh đất này, đã trùm lên bao nhiêu thân phận con người của bao thế hệ, nó vẫn rực lên, ung dung như lời thách thức...

Chúng tôi từ giã mọi người cho ca-nô nổ máy, không dám nói gì thêm, mà thật ra cũng chẳng biết nói gì. Giá như lời cầu nguyện có linh thiêng, có phép màu thì tôi sẽ cầu nguyện cho chị Thiện có cơ may trả nợ, cầu nguyện cho những đứa trẻ trên cánh đồng này đừng trở thành bản sao cuộc đời của cha mẹ chúng!!!

Cà Mau, 16-5-2001.

(Bài từ cuộc thi Kỳ văn học năm 2001 do các Hội Văn nghệ Đồng bằng sông Cửu Long tổ chức).

Số 31 (4 - 8 - 2001)

DƯƠNG KỲ ANH

Chốn trần ai

Tóc chưa bạc, rồi đến ngày sẽ bạc
Ai chưa già, cũng đến lúc già thôi
Dòng thời gian chảy không ngừng, không nghỉ
Và tình yêu, vẫn lớp lớp bãi bồi

Ai đại, ai khôn, ai mà biết được
Chốn trần ai có định trước bao giờ
Ai nhân ái, yêu thương, ai hững hờ khinh bạc
Mảnh hồn làng vẫn chưa khuyết trong thơ

Thì ta vẫn mong như ngày thơ bé
Chân đất, đầu trần chạy giữa đám cỏ may
Áo tím sim mua, tóc trần nắng gió
Túi càn khôn - thế cũng đủ đầy !

4-2000

Giữa mùa hè bỗng lạnh

Giữa mùa hè bỗng lạnh
Lòng anh se se buồn
Em bất ngờ đối tỉnh
Buổi chiều trời mưa tuôn

Thời tiết cũng thất thường
Lòng người nhiều trắc ẩn
Sông thì lũ tràn bờ
Rừng, cháy như lửa trần.

Đất trời dù nổi giận
Lòng anh vẫn mát lành
Như kiếp người đen bạc
Vẫn hướng về cao xanh...

7-2000

PHAN THỊ THANH NHÀN

Phượng

Phượng vẫn như ngày ấy
Tươi tắn và vô tư
Kia bảy em tuổi nhỏ
Cũng như là tôi xưa.

Con trai trèo xe đạp
Vườn ngắt chùm hoa cao
Con gái nhìn nín thở
Rồi nói cười tranh nhau.

Chỉ mình tôi đã khác
Ngoài lại nhìn tuổi thơ
Mong sao mình giữ được
Một chút gì ngày xưa.

Một chút gì trong vắt
Một chút gì lung linh
Một chút gì sáng rực
Phượng hồng vòm cây xanh...

Ước gì

Ước gì yêu được một người
cho đêm không vô cho ngày chẳng nghiêng

Ước gì qua hết ưu phiền
Bao nhiêu nước mắt ngủ quên qua mùa

Ước gì cười nói vô tư
Đếm niềm vui của từng giờ bay ngang

Ước gì tôi thật khôn ngoan
Để anh can đảm dịu dàng gọi "Em !"...

HỮU VIỆT

Nghe thơ "hiện đại"

Có lẽ anh định là biển nên âm ào, thừa thãi,
phung phí...

Tôi yêu những con sóng bình minh
Anh sống hết-minh-tuồng-tượng rằm lời
Ai bảo lá xanh rồi cây không thành lá chết ?
Tia nắng sớm mong manh vẫn sưởi ấm những
héo úa

Sự lộng lẫy của bầu trời đang giấu sau
mây đen

Nói dối lúc này là thói quen không nói thật
Sự cốp nhặt lưỡi biếng của ngôn từ giống như
sự lừa mị

Ảo thuật đem vui cho đời nên còn
Ma thuật để che mắt người nên mãi mãi tối tăm

Trăng

Trăng sáng suốt trên trời sao còn theo ta
Vào tận giường ta ngủ
Để ta phải nhớ người tên trăng
Nhớ quê thơ ngực rằm trăng nở
Kiểu hãnh vượn trình nữ vườn địa đàng

Tám cá nổi hồ voi chiếu đầy gió
Men rượu nồng bắt hạ mấy mươi năm
Mùa loa kèn về chạt phố bằng lăng
Tấu lên khúc chia ly màu trắng

Sao ở đâu cũng thấy trăng, đi đâu cũng
gặp trăng, nghĩa nào cũng về trăng ?

9-5-2001

LÂM XUÂN VI

Lời của gió

Thăm thì nghe lời của gió
Mới hay đoan ngo đang về
Hương vải miên man dịu nhẹ
Dẫn vào lối hạ đam mê

Hạ vừa hong chín chiều quê
Đợi mây mưa về nhạt nắng
Nghe con tu hú gọi bầy
Ngẫm điều gừng cay muối mặn

Chăm chút mối duyên đầm thắm
Nhận chùm quả mộng người trao
Gieo hồn thơ xanh biển ảo
Con mưa định mệnh vận vào...

Dung dị

Động lại trong tán bàng
Những nỗi buồn lang thang
Chợt động lòng xào xạc
Thả bóng mình cuu mang

Biết có vắng hào quang
Không từ điều to tát
Thoảng mây trong chiều vàng
Lóng nét xanh thủy mặc

Thế là điều chầy khắt
Cứ dạt dạt hiển dằng
Dồn sức căng hy vọng
Miên man khúc say thắm

Chưa ra khỏi bóng râm
Đã ánh hồng rực rỡ
Để đàn cảnh tán mở
Gìn giữ cõi xanh riêng

Ơi tán bàng dịu êm
Nét trinh nguyên dung dị
Trước bóng rất cuộc đời
Xòa bóng mình ý vị.

VĂN học và thời gian là công trình riêng thứ 7 của Giáo sư, Tiến sĩ Trần Đình Sử, tập hợp các bài viết của tác giả từ khoảng năm 1985 trở lại đây, gồm 5 phần lớn: I. Về lịch sử văn học và tiếp nhận văn học; II. Về văn hoá và văn học; III. Về văn học cách mạng Việt Nam sau năm 1945; IV. Phê bình văn học; V. Về văn học so sánh.

Như tên gọi của nó, phần I của cuốn sách tập trung xem xét *Lịch sử văn học và tiếp nhận văn học*. Trần Đình Sử phân tích rõ mối quan hệ giữa *Thi pháp học và nghiên cứu lịch sử văn học*. Kế thừa tư tưởng M.Bakhtin, Trần Đình Sử cho rằng: *Thi pháp học lịch sử* cho phép nhà nghiên cứu vừa chỉ ra được cấu trúc của đối tượng, vừa chỉ ra được sự vận động tiến hoá của các hình thức nghệ thuật, cũng tức là bản thân lịch sử của văn học. Và từ *Thi pháp học lịch sử*, Trần Đình Sử đã có cái nhìn mới mẻ về *Kiểu sáng tác văn học*. Ông cho rằng, đó là một hệ thống văn học, trong đó có sự thống nhất hữu cơ giữa một kiểu tác giả (người sáng tác), kiểu tác phẩm (các thể loại và các phương tiện, phương thức biểu hiện) và kiểu người đọc (phê bình). Mỗi kiểu có một cảm hứng chủ đạo, có hệ thống giá trị, các chuẩn mực văn chương, có hệ thống biểu trưng mà những chủ thể sáng tạo và tiếp nhận cùng kiểu đều hiểu.

Vấn đề *Lịch sử sáng tạo tác phẩm văn học* đã từng được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm, đề cập. Trên cơ sở hệ thống hoá quan điểm của những người đi trước, Trần Đình Sử đã đề xuất được nhiều kiến giải mới mẻ và giàu sức thuyết phục. Theo ông: việc tìm hiểu lao động nhà văn và lịch sử sáng tạo tác phẩm đòi hỏi phải tái hiện chính xác những việc làm và những giai đoạn làm nên tác phẩm. Cái chính ở đây là phải phát hiện bằng được cách tư duy và cách lý giải thế giới của nhà văn cũng như ý thức về bút pháp, phong cách, thể loại của họ. Trong nghiên cứu lịch sử sáng tạo tác phẩm, thì tìm hiểu ý đồ tư tưởng nghệ thuật của tác giả có một ý nghĩa quan trọng bậc nhất, bởi vì nếu không hiểu đúng được ý đồ thì cũng không thể hiểu đúng được kết quả sáng tạo. Tuy nhiên đây là một công việc vô cùng phức tạp, bởi lẽ: "Ý đồ sáng tạo không phải là tĩnh tại, cũng nhắc, mà vận động, biến đổi trong suy tư, tính toán của tác giả". Nhấn mạnh ý đồ sáng tạo của nhà văn, thực chất là nhấn mạnh vai trò của chủ thể, bản lĩnh của người cầm bút. Tác giả Trần Đình Sử có lý khi phê phán quan niệm tâm tưởng một thời coi tác phẩm là con đẻ của hoàn cảnh, phủ nhận vai trò sáng tạo của tác giả. Nhà nghiên cứu cho rằng, sáng tác văn học nghệ thuật bao giờ cũng là sản phẩm sáng tạo độc đáo, độc nhất vô nhị của một cá nhân. Nó có thể chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố khác nhau, nhưng nhân tố quan trọng nhất, không thể thay thế, đó là sự sáng tạo của nhà văn. Đây là một thủ lao động cá thể và cụ thể nhất, không những cá thể hoá đến từng nhà văn mà còn cá thể hoá đến từng tác phẩm. Theo Trần Đình Sử: Cá tính sáng tạo của nhà văn không phải giản đơn chỉ là cái "tạng" làm phân biệt người này kẻ nọ mà trước hết là *lập trường sáng tác* của nhà văn, thể hiện ở ý thức về các sự thật đời sống mà họ muốn biểu hiện, ở lĩnh vực nghệ thuật mà họ muốn công hiến, ở thái độ đối với tiểu thuyết và đời mới.

Việc nghiên cứu các khâu lao động nhà văn - lịch sử sáng tạo tác phẩm - tiếp nhận và phê bình văn học cho thấy Trần Đình Sử quan tâm toàn diện đến chu trình vận động của đời sống văn học. Trong những trang viết của Trần Đình Sử, ta thấy ông dành sự chú ý thích đáng cho vấn đề chủ thể tiếp nhận. Chính quá trình tiếp nhận, thường thức của công chúng mới khiến cho tác phẩm nghệ thuật thực sự có ý nghĩa và có lý do tồn tại trong cuộc đời. Chính sự năng động chủ quan của người đọc mới biến văn bản ngôn từ từ hình thái "chết" thành hình thái "sống" và làm nảy sinh hiện tượng đa nghĩa của tác phẩm. Do đó tiếp nhận, thượng thức trở thành một khâu trung tâm của hoạt động văn học. Tác phẩm văn học có nhiều phần chúng ta hiểu được ngay. Nhưng cũng có phần chúng ta chưa đề gì hiểu hết. Bởi lẽ sáng tác văn học huy động cả cái phần

vô thức, sâu thẳm, cái phần chìm của tầng băng trôi, mà ý thức không thể kiểm soát hết. Ở đây phải thừa nhận sự đóng góp của các nhà phê bình tài năng trong việc cắt nghĩa tác phẩm. Nhưng người có tiếng nói cuối cùng quyết định việc tiếp nhận và cắt nghĩa tác phẩm lại thuộc về lịch sử, về các thế hệ bạn đọc hiện tại và tương lai. Điều này xuất phát từ tính mơ hồ, đa nghĩa của tác phẩm và sự không trùng khít giữa sự viết và sự đọc.

Trước đây, lý luận tiếp nhận truyền thống thường chỉ tập trung chú ý vào sự gặp gỡ đối thoại của hai chủ thể cá nhân tác giả và người đọc, hai tâm hồn *Trí âm và Ký thác*, còn lý luận tiếp nhận hiện đại với R.Ingarden, H. Jauss, Yder, S.Feiso, M.Lotmann, Khrapchenko... quan tâm tới hình thái văn hoá lịch sử của sự tiếp nhận. Nó không xem tác phẩm văn học như một thể bất biến đơn nghĩa mà là một hiện tượng nghệ thuật có nội dung vô tận, đa nghĩa. Ý nghĩa của tác phẩm không chỉ nằm trong văn bản mà còn nằm trong *tâm đón nhận* của người đọc. Và như vậy có nhiều cách đọc và cắt nghĩa tác phẩm và sẽ không có người đọc duy nhất đúng. Mỗi người đọc đồng thời cũng là người đồng sáng tạo ra tác phẩm, không phải chỉ với tư cách làm sống dậy tác phẩm trong cảm thụ mà còn phát hiện ý nghĩa mới và mối liên hệ chính thể tương ứng của nó. Việc nghiên cứu văn học phải

thể, về quyền lực ý chí trong sáng tạo nghệ thuật. Nghệ thuật hiện đại là nghệ thuật đa ngôn ngữ, đa phong cách. Vì vậy, không nên hiểu tính hiện đại là tính chất ngoại lai, tính chất phương Tây. Cần thấy: Truyền thống và hiện đại; hiện đại và truyền thống là hai mặt của bất kỳ một nền văn hoá, văn học dân tộc nào hôm nay. Đây là một cái nhìn mới mẻ, xác đáng, không rơi vào cực đoan một chiều.

Có không ít ý kiến khác nhau về vấn đề *Sáng tạo cái mới trong văn học dân tộc*. Theo Trần Đình Sử, *cái mới trong văn học là cái chưa từng có, cái được sáng tạo ra lần đầu có ý nghĩa đối với tiến bộ nói chung, là sự phát hiện vấn đề mới về con người và xã hội*. Cái mới gồm hai phạm vi: a- sáng tạo ra tác phẩm văn học mới; b- khám phá giá trị mới trong tác phẩm văn học truyền thống. Như vậy cái mới trong văn học không phải chỉ ở khu vực sáng tác, mà còn cần đến vai trò không thể thiếu của lý luận, phê bình văn học. Theo Trần Đình Sử nhiệm vụ cốt yếu của phê bình văn học: "Là sửa chữa, uốn nắn những cách hiểu hời hợt đối với sáng tạo văn học, đồng thời phát hiện cái mới, giải mã sáng tác mới (...) bắc được chiếc cầu từ sáng tác tới người đọc, phát huy vai trò thẩm định, hướng dẫn của phê bình văn học". Cũng theo nhà nghiên cứu, lý luận văn học nước ta cần phải vươn tới một hệ hình tư duy mới, hiện

hoá. Và chính cái nhìn này đã giúp ông có được những kết luận chính xác, được nhiều người thừa nhận. Kháng định *Địa vị của văn học cách mạng 1945-1975 trong văn học thế kỷ XX* là một bài viết quan trọng có ý nghĩa đánh giá, tổng kết, một tư trào văn học. Tác giả cho rằng, văn học cách mạng Việt Nam (1945-1975) không phải là thứ văn học hy sinh tính nghệ thuật, để phục vụ mục đích chính trị cách mạng, không phải là một bước "đứt gãy", một "bước lùi" trong tiến trình hiện đại hoá văn học dân tộc như ai đó đã quan niệm. Theo Trần Đình Sử, văn học cách mạng sau 1945 là một loại hình văn học khác. Đó là loại hình văn học theo xu hướng hiện thực xã hội chủ nghĩa, thẩm nhuần chất sử thi, gắn chặt với cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc; thể hiện tinh thần nhân dân và dân tộc, thẩm nhuần lý tính cách mạng và lý tưởng cách mạng. Có thể nói khi đánh giá về văn học cách mạng Việt Nam sau 1945 Trần Đình Sử đã có cái nhìn khách quan, khoa học, công bằng, vừa phê phán thái độ hạ thấp hoặc có ý định phủ nhận giá trị của văn học cách mạng, vừa không tán thành thái độ bốc đồng, "kiêu ngạo" để cao văn học cách mạng trong mọi trường hợp, trong khi sẵn sàng phê phán, phủ nhận các hiện tượng văn học khác.

Trong phần IV: *Phê bình văn học*, Trần Đình Sử đã trình bày những cảm

CẢM NHẬN VỀ VĂN HỌC VÀ THỜI GIAN

- Chuyên luận của TRẦN ĐÌNH SỬ - Nxb Văn học, 2001

NGUYỄN DUY BẮC

đại hơn. Điều đó không có nghĩa là vứt bỏ một hệ thống lý luận văn học này, thay thế lý luận văn học kia, mà là tham bác, tổng hợp để xây dựng một quan niệm lý luận sâu sắc, hoàn thiện, trên cơ sở khẳng định các nguyên lý đúng đắn của mỹ học nhân loại, có khả năng tiếp nhận mọi cái mới, có cơ sở khoa học.

Truyền thống văn hoá Việt Nam còn được Trần Đình Sử phát hiện ở một phương diện khác: Đó là tư tưởng tự do được thể hiện trong suốt trường kỳ văn học dân tộc. Phát hiện này của nhà nghiên cứu, một mặt làm phong phú thêm truyền thống văn hoá dân tộc, mặt khác là sự định chính cần thiết cho cách hiểu còn chịu ảnh hưởng một quan niệm nào đó của phương Tây khi xem văn học trung đại Việt Nam là thứ văn học "vô ngã", "phí ngã"...

Có thể nói, trong phần II của chuyên luận, nhà văn hoá Trần Đình Sử đã đưa ra được nhiều bình diện nghiên cứu mới. Tư tưởng nghiên cứu văn học trong mối tương quan với văn hoá được M.Bakhtin, D.S.Likhachev, M.Kagan... đề xuất đã được ông tiếp thu, phát triển một cách thuyết phục, có giá trị thực tiễn lâu dài.

Nhiều công trình nghiên cứu về *Văn học cách mạng sau năm 1945* đã xuất hiện trong mấy chục năm qua. Tuy nhiên gần đây vì những lý do nào đó người ta ít đề cập tới nền văn học này, ít tái bản những tác phẩm có giá trị của nó. Nhà nghiên cứu văn học Việt Nam hiện đại Trần Đình Sử đã góp thêm một tiếng nói mới nhằm khẳng định mạnh mẽ và cắt nghĩa đầy đủ hơn giai đoạn văn học này.

Khám phá sự thể hiện con người trong văn học Việt Nam sau 1945 là đóng góp đáng kể của Trần Đình Sử trong việc nghiên cứu văn học Việt Nam. Sự thành công của bài viết này không chỉ góp phần nhận chân chính xác đặc trưng của một giai đoạn văn học mà còn chỉ ra một hướng nghiên cứu đầy triển vọng và đầy sức sống. Quan niệm nghệ thuật về con người là một khái niệm hạt nhân của *Thi pháp học* đã được nhà nghiên cứu xác lập và lấy đó làm công cụ để khẳng định những thành tựu của văn học cách mạng sau 1945 như một quá trình không ngừng đổi mới, tự vươn lên mình.

Chính quan niệm về con người của mỗi thời đại văn học đem đến cho thời đại ấy một vẻ đẹp và một sắc thái nghệ thuật riêng. Do đó từ sự nghiên cứu con người trong văn học Việt Nam say 1945, Trần Đình Sử đã đi sâu tìm hiểu *Đặc trưng thẩm mỹ...* và *Ý thức văn hoá của văn học cách mạng Việt Nam sau 1945*. Hướng nghiên cứu của Trần Đình Sử một lần nữa xác định: Ông luôn nghiên cứu văn học trong tương quan với văn

nhân của mình về sáng tác của các nhà thơ, các nhà phê bình lớn của văn học Việt Nam hiện đại: Tố Hữu, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Nguyễn Tuân, Hoài Thanh... Thành tựu nghiên cứu về những tác giả lớn ấy không ít. Nhưng Trần Đình Sử vẫn có cái nhìn mới, kiến giải mới về đối tượng phê bình. Chẳng hạn, Trần Đình Sử nhận thấy *Chế Lan Viên - bản lĩnh một nhà thơ lớn*, là một trong số ít người đã sáng tạo ra một hệ thống mỹ học riêng.

Trong thời kỳ đổi mới, nhiều quan điểm lý luận nghệ thuật và sáng tác trước và sau cách mạng được nhìn nhận và xem xét lại cho công bằng, khách quan hơn. Quan niệm về nghệ thuật của Hoài Thanh trước cách mạng, trong một thời gian dài, chỉ được nhìn nhận như là những quan niệm sai lầm, phiến diện, có hai. Bằng sự phân tích, lý giải, bằng tư liệu mới, Trần Đình Sử đã có cái nhìn toàn diện, khách quan hơn về *Quan niệm văn học của Hoài Thanh*. Nhà nghiên cứu cho rằng tập hồi ký *Nhớ lại một thời của nhà thơ Tố Hữu* thuộc số không nhiều hồi ký cách mạng xuất hiện cuối thế kỷ XX của các nhà cách mạng đồng thời là nhà văn, nhà thơ. Tập hồi ký đã bao quát một chặng đường nửa thế kỷ hoạt động cách mạng và sáng tác thơ ca của nhà cách mạng nhà thơ Tố Hữu và đó cũng là những chặng đường quan trọng của cách mạng và văn học nước nhà. Những bài viết của Trần Đình Sử về những công trình khoa học của Nguyễn Đăng Mạnh, Hà Minh Đức... đều là những bài viết có lý, có tình. Ông trân trọng những cống hiến và khám phá của các nhà khoa học này. Đây cũng là thái độ chân thành của người có ý thức cao về nghề nghiệp.

Phần cuối của *Văn học và thời gian*, Trần Đình Sử trình bày *Về Văn học so sánh* và ứng dụng nghiên cứu so sánh các hiện tượng văn học tiêu biểu: *Truyện Kiều và văn hoá Trung Hoa, Nguyễn Dữ và tiên thoại Trung Hoa...* Những trang viết này cho thấy nghiên cứu văn học đòi hỏi một vốn văn hoá sâu rộng, một tư duy sắc sảo, luôn đổi mới, sáng tạo.

Tất nhiên không phải mọi kiến giải của Trần Đình Sử đều đã được hiểu và được chấp nhận ngay. Nói theo cách của ông, nó cần đến sự chất lọc của thời gian. Có những đoạn, dường như tác giả mới chỉ đưa ra ý tưởng mà chưa kịp luận giải sâu hơn. Nhưng chúng tôi tin rằng *Văn học và thời gian* là một công trình khoa học tâm huyết, mới mẻ, thể hiện khát vọng hiện đại hoá văn học Việt Nam, hiện đại hoá lý luận phê bình văn học một cách nhanh hơn, chân xác hơn, dân tộc hơn, trên những định hướng cơ bản của Đảng.■

KHI BỎ ĐI ANH VẮP PHẢI BÓNG MÌNH

- Đọc Điện luân vũ, thơ Từ Quốc Hoài - Nxb Đà Nẵng, 2000.

THANH THẢO

VÀ "bóng mình" ấy chính là Thơ. Lặng lẽ như chiếc bóng, và hơn chiếc bóng nhưng Thơ không cho anh từ bỏ dễ dàng những gì anh đã từng khát khao, đã từng tự hứa với lòng mình là sẽ theo đuổi nó đến tận cùng trời cuối đất. Chiếc - bóng - thơ theo anh, hay là anh theo nó? Từ Quốc Hoài muốn rằng mình theo chiếc bóng, hơn là tự tin nói chiếc bóng ấy theo mình. Nhưng trong đời có những lúc ta đi trong bóng râm, trong bóng tối, không ánh nắng, không ánh trăng, không cả ánh đèn. Những lúc ấy, thơ rời bỏ ta, hay ta đã bội bạc với thơ? Không dễ trả lời câu hỏi này. Đeo đuổi thơ từ mấy chục năm, qua những năm tháng chiến tranh, chiến trường, thơ ám cả vào những giấc ngủ chập chờn trong hầm tối, dưới tán cây rừng, giữa hai loạt pháo bầy, hai trận càn, thơ giáng mắc như chiếc vòng giăng giữa anh và căn nhà hoang trống mái, Từ Quốc Hoài biết mình không bao giờ bội bạc với thơ. Nhưng không phải lúc nào mình cũng làm được thơ, không phải lúc nào thơ cũng dễ dãi đến với mình. Cái số anh nó lận đận, không thăng quan tiến chức được như người ta, không biết chạy cò tiếp thị như người ta để có thể dán quanh thơ mình những nhãn này mắc nọ. Từ Quốc Hoài còn như lận đận cả trong từng bài thơ. Không bài thơ nào của anh có thể chảy một mạch suôn sẻ. Và tôi yêu những bài thơ anh chính ở cái ngấp ngứ, ở sự không mạch lạc ấy. Xin hãy đọc những dòng thơ văn xuôi này, và để nhớ về một quá khứ chưa xa:

"Thành phố thức dậy, chạm tay vào những dây phơi lam lũ mờ mờ, chạm tay trang nhật báo chấn động những dòng tin chiến sự. Và bom phá đổ bức tường in bóng tôi đợi em. Lửa thiêu những chiếc giường còn ấm hơi thở hạnh phúc. Nu cười trẻ con rắn thành thép... Và

trải tìm tôi tan vỡ. Không phải vì sức ép của lửa bom. Chúng tôi chia tay nhau, đau đớn như bao mối tình đầu tan vỡ..." (Họa sử). Đó là kỷ ức một thế hệ. Chúng tôi đã lớn lên, đã ra đi từ những bức tường đổ nát-bóng ấy, đi thẳng ra chiến trường. Nhưng phía sau tuổi trẻ chúng tôi, luôn luôn là kỷ ức, luôn luôn là chiếc-bóng-thơ khác khoải. Không phải ai trong chúng tôi cũng thành đạt. Nhiều người đã mất cả đời mình, và cùng với đời mình, là những câu thơ mình định viết, sẽ viết. Từ Quốc Hoài biết, mình vẫn còn may mắn hơn biết bao đồng đội của mình, khi đã đi qua chiến tranh mà còn sống, còn chiếc bóng thơ thỉnh thoảng đồng hành, còn một kỷ ức để có thể nhớ lại: "Làm sao có thể nhớ về cuộc chiến tranh với vài điều lật vạt" (Thời gian màu xanh). Nhưng với thơ, cuộc chiến tranh cứ trở đi trở lại với biết bao điều lật vạt, lật vạt như cái chết và cái sống, lật vạt như hộp nước chia nhau của tình đồng đội, lật vạt như "thành phố của một thời tuổi trẻ - dưới chân thêm dòng sông chảy qua - sóng tươi như máu" (Những hạnh phúc cảm trên tay). Tôi hiểu, trong những câu thơ thanh bình nhất của Từ Quốc Hoài, những ám ảnh của một thời chiến tranh vẫn chập chờn in chiếc bóng của nó lên. Và người làm thơ hiểu, đó chính là chiếc-bóng-thơ, nó cứ chực chờ đâu đó, để thỉnh thoảng hiện ra, thỉnh thoảng phả vào giấc ngủ trong thời bình. Cách đây chưa lâu, tôi có gặp một nhà văn cựu binh Mỹ, anh nói với tôi là trong suốt quãng đời còn lại của mình, chỉ có thể viết về những ám ảnh của chiến tranh. Tôi hỏi, anh đã ở Việt Nam bao lâu trong thời chiến tranh? Anh nói đã ở được hai năm. Hai năm cho một đời? Nên chẳng lạ gì, với một người đã ở năm năm chiến trường như Từ Quốc Hoài, người đó lại làm

thơ, thì chiếc bóng ám ảnh kia còn theo đuổi tới bao giờ? Và với những người làm thơ của thế hệ này, những từ ngữ như "nhân dân", "đồng đội", "hy sinh"... không chỉ là những kỷ niệm. Nó đã là máu thịt, nó là nỗi day dứt, và nhiều khi, là niềm ân hận: "Có bao giờ anh yêu nhân dân - như là anh đã nói? Có khi nào anh đã ngời ca-không thất lòng mình"? Những tự vấn như thế sẽ còn trở lại trong thơ Từ Quốc Hoài, một khi anh chưa thể từ bỏ thơ. Mà làm sao từ bỏ thơ cho được, dù anh đang sống trong một con hẻm khuất lấp nào đó giữa một thành phố mênh mông và xa lạ, nơi nhiều lúc trong một ngày, sẽ chỉ có thơ làm bạn với anh? "Những quả bóng đã trôi - những quả bóng vàng tươi như vầng trăng trôi trên mùa thu" - những quả bóng Thơ ấy trôi đi rồi lại về, trôi trên mùa thu rồi về với mùa xuân, mùa hạ. Người làm thơ nào biết kiên nhẫn, biết lặng lẽ, không để những thực danh và hư danh làm rối loạn lòng mình, sẽ tới lúc vớt được những quả - bóng - thơ ấy. Tôi tin vào sự bình tâm và lặng lẽ của Từ Quốc Hoài, tin ở tình yêu không ồn ào của anh với thơ. Với những câu thơ, những bài thơ, tất cả nhiều khi chỉ là may rủi. Nhưng nếu người làm thơ không biết chờ đợi, không biết nín lặng chiếc bóng của mình, thì cơ may lại càng muộn một. Khi viết về *Những con phố nhiễu bụi* chính Từ Quốc Hoài như tự hứa với mình, rằng đâu có lúc mình phải rời xa cái thành phố biển Qui Nhơn đầy bụi ấy, thì mình vẫn còn giữ lại "những giấc mơ toát mồ hôi trong gió nam - thấy mình làm vua, thấy mình làm giám đốc này nọ, thấy mình làm ăn may" - vâng, đâu có thấy mình làm ăn may đi chăng nữa, thì vẫn biết mình còn những câu thơ, còn giàu có và nghèo khổ vì những câu thơ.

"Hôm qua anh đóng vai nhà từ thiện ban phát của ăn cấp.

Hôm nay anh đóng vai kẻ ăn may gieo quả phúc" (Vô tư cổ non)

Đóng vai gì thì cũng đến lúc sẽ hiện nguyên hình trần trụi bản thân mình. Lúc ấy, sẽ là hạnh phúc nếu anh còn một chiếc bóng, một chiếc - bóng - thơ. ■

Quảng Ngãi 10-6-2001

THI DỌN VƯỜN VĂN

SÁCH GIÁO KHOA!

CÓ lẽ một trong nhiều nguyên nhân dẫn đến trình độ môn Văn và Tiếng Việt của học sinh yếu kém và các em không thích môn quốc văn là do sách giáo khoa còn "dở" quá. Qua bao nhiêu lần cải tiến cải cách mà sách giáo khoa vẫn còn những sai sót khá ấu trĩ về kiến thức. Xin dẫn ra vài ví dụ:

● "Bà con các dân tộc Êđê, Mônông từ các buôn, bản với trang phục ngày Tết rực rỡ... Trường đua là bãi đất trống bằng phẳng. Hàng trăm con voi xếp hàng ngang và những chàng quân voi trai trẻ và khỏe ngồi chễm chệ trên ngai voi chờ đợi. Đàn voi sẽ đi thi một chặng đường hàng chục cây số... bà con các dân tộc voi tay reo hò cổ vũ cho voi buôn mình, bản mình... Voi đi như vũ bão... Thỉnh thoảng chàng quân voi thúc chân vào bụng voi, voi lại rống lên, về phần chân..."

- Những câu trên là trích từ bài văn mẫu thể tưởng thuật in trong cuốn *Tập làm văn 7* do Nhà xuất bản Giáo dục vừa tái bản lần thứ 13 vào đầu năm 2001. Đọc xong ta có thể thấy ngay cả người viết lẫn người làm sách dạy học trò đều không biết gì về con voi và lễ đua voi cả: người quân voi (nài) phải ngồi ngay đầu voi và dùng móc sắt hoặc búa để điều khiển nó (tục ngữ có câu "người roi voi búa") chứ nó đâu có bé như con nghé để cuồi trên lưng và cho hai chân thúc vào hai bên hông nó được. Tây Nguyên chỉ có *buôn* và *làng* chứ làm gì có *bản*? Đua thì voi phải lồng lên mà chạy chứ đâu có đi bước một? (Voi vốn đi lại chậm chạp) và một cuộc đua voi thường chỉ diễn ra trên đoạn đường mấy trăm mét thôi!

● "Chiếc thoa với bức tờ mây (1)..."

Duyên này thì giữ vật này của chung (Truyện Kiều - Nguyễn Du)... (1) Chiếc thoa: đồ trang sức cái đầu của phụ nữ khi xưa. Khi Kiều nhận lời yêu Kim Trọng, nàng tặng Kim Trọng chiếc thoa, Kim Trọng tặng lại nàng chiếc khăn hồng: "Được lời như cởi tấm lòng - gửi kim thoa với khăn hồng trao tay".

- Trên đây là trích từ sách *Văn học lớp 10* do Nhà xuất bản Giáo dục vừa tái bản năm 2000. Chắc tác giả không đọc kỹ *Truyện Kiều*. Nguyễn Du chỉ để cho Kim Trọng tặng Kiều "xuyến vàng đôi chiếc khăn là một vuông" còn cảnh kim thoa là của Kiều bị vương vào cành đào ngoài vườn, chàng Kim bắt được và tìm có gặp gỡ, trao lại cho nàng để được làm quen, chứ Kiều đâu có tặng chàng kim thoa! ■

TRẦN HUY

ĐỌC CHU CẨM PHONG NGÀY HÀ NỘI NGẬP NƯỚC

NGUYỄN THỤY KHA

ĐẦU tháng 8 dương lịch, mưa sao dũ vậy. Cả Hà Nội lênh láng nước ngập. Chẳng đi được đến đâu. Ngồi đọc ngẫu nhiên "Nhật ký Chu Cẩm Phong". Hà Nội thì ngập nước, còn mình thì ngập trong quá vắng của một "Thời máu xanh".

Sáu năm trước, ngày kỷ niệm 20 năm giải phóng Quảng Nam - Đà Nẵng, tôi đã cùng Bùi Minh Quốc, Hồ Duy Lệ và Thanh Quế tới tháp hương trước mộ Chu Cẩm Phong tại nghĩa trang liệt sĩ Hội An và tới thăm má anh tại căn nhà anh đã từng trang trải ấu thơ. Ngày ấy, trước mộ Trần Tiến (tên thật của Chu Cẩm Phong), chẳng bao giờ tôi nghĩ tới lúc mình được biết cận kề về những ngày tháng chiến trường của nhà văn quả cảm này. Vậy mà giờ đây, "Nhật ký Chu Cẩm Phong" đang trước mặt tôi. Vậy mà giờ đây, tôi như đang nghe lời độc thoại từ dưới nấm mồ của một nhà văn liệt sĩ.

Đây là những lời chân thật nhất về những vùng đất Khu 5 ác liệt nhưng "Trung dũng kiên cường đi đầu diệt Mỹ". Không chỉ diệt Mỹ còn diệt cả bọn Đại Hàn (Nam Triều Tiên mà bây giờ gọi là Hàn Quốc) đánh thuê nhưng cực kỳ dã man. Cuốn nhật ký này mà dịch sang tiếng Anh thì chắc những người Hàn Quốc sẽ đọc được và sẽ hiểu họ phải làm gì với Việt Nam hôm nay.

Đây là những lời chân thật nhất về thiên nhiên và con người Khu 5 đầy mến thương và kỳ diệu. Sao ta thấy run rẩy như đang nằm trong mưa, trong gió, trong sương của những cánh rừng Trường Sơn thuần khiết nhưng đầy thương tích của bom đạn và chất độc màu da cam. Sao ta bỗng rung rung như đang sống cùng những người dân lành Quảng Ngãi, nghèo và sẽ chia đến từng lon gạo, đến từng góc lấm an toàn nơi biển dã.

Đây là những lời chân thật nhất về những đồng đội cùng đồng cam, cộng khổ, cùng sống và chiến đấu những năm tháng dữ dội nhất của đời người. Anh Tiến à! Chỉ sau ngày anh hy sinh (1-5-1971) có nửa tháng, anh Nguyễn Mỹ cũng hy sinh bên bờ sông Dakta - Trà My đó anh. Năm 1992, anh Vương Linh mất ở Nghĩa Bình. Năm 1995, cũng chỉ sau khi bọn này tới tháp hương cho anh chúng 20 ngày, anh Phan Tú cũng tạ thế ở Đà Nẵng. À! Mối rồi, tôi cùng

anh Nguyễn Ngọc đi một chuyến xuyên Việt rồi cùng quay trở về Đà Nẵng. Bữa ngồi uống cùng anh Phạm Phát, bọn tôi nhắc đến anh nhiều lắm. Trước khi ra Đà Nẵng, tôi có tới tuổi Lỗ Ô thăm Thu Bốn tại tư gia. Người hùng trong nhật ký của anh mới bị xuất huyết não, giờ đi lại khó khăn hung. Anh Tiến không bao giờ biết Nguyễn Thụy Kha, nhưng ngày anh hy sinh là ngày tôi bảo vệ luận án tốt nghiệp kỹ sư thông tin để rồi 4 tháng sau thành binh nhì bước trải qua Quảng Trị rồi Khu 5. Khi ấy, tôi đã đọc "Mặt biển, mặt trận" của anh.

Bây giờ đọc anh, tôi thực sự chìm đắm trong quá vắng Khu 5 thuở đó và cả hôm nay nữa, bởi vì tôi đã coi Khu 5 là quê hương thứ hai của tôi sau Hải Phòng từ bao giờ không biết nữa. Cảm ơn người lính nguy lương trí nào đó đã giữ lại cho cuộc đời những dòng nhật ký trân trọng của anh.

Bây giờ đọc anh, tôi thêm khẳng định về thế hệ chống Mỹ hệt như khi đọc Nhật ký Nguyễn Huy Tưởng viết từ 1930 đến tháng 7-1960, tôi tự tin hơn về suy nghĩ của mình về thế hệ liên chiến và thế hệ chống Pháp, hệt như khi đọc ghi chép Nguyễn Thi thì thêm hiểu về cách mạng miền Nam từ 1960 đến 1968.

Hà Nội ngập nước thì đã có tram bom bom hết công xuất chừng căng lắm là bốn ngày nữa sẽ hết ngập. Nhưng chúng tôi chìm trong quá vắng những năm tháng chiến trường của anh thì có cái gì giúp chúng tôi giải thoát được. Đọc văn anh sao thấy vừa ngọt ngào vừa đắng dốt. Vừa hạnh phúc vừa bất hạnh. Hình như sắp đến sinh nhật tuổi 60 của anh (12-8-1941 - 12-8-2001).

Chợt Phát - một cameraman cũ khôi (con rể nhà thơ Trần Lê Văn) ghé cửa. Nhìn cuốn nhật ký dày cộp của anh. Phát như trùng xuống. Phát đã có những trận chiến ở nhà thờ La Vang, đã đi tù ở Phú Quốc và được trao trả ở Lộc Ninh. Chợt chúng tôi nói về di chứng màu da cam. Anh Tiến à! Có những đứa con lính giải phóng bị đi tật nhưng không mù để vào trường khiếm thị Nguyễn Đình Chiểu, cũng không cầm diéc để vào trường thiếu năng Xã Đàn, nhưng cũng không thể vào trường của trẻ con lành lặn. Không biết ai sẽ dạy chúng nó biết đọc để đọc được Nhật ký của anh? ■

NHỮNG tảng đất thịt khô ròn quanh gốc đu đủ không phải tự nhiên mà có. Út Ngon đã âm thầm trốn vợ mấy đêm liền đi vác trôm vỏ. Năm 1978, an ninh còn rất nghiêm, thế mà dám ăn trôm, nghĩ cũng gan. Nhưng không gan là đại. Vườn riềng của Út Ngon vừa xấu lại vừa thấp trong khi đất rang trên cánh đồng bên cạnh thì cực kỳ hấp dẫn. Đất rang là đất ruộng lúa nứt nẻ sau mùa gặt, được lật lên bằng cuốc chia ba, chia năm rồi phơi nắng trắng xoá. Phơi càng khô càng tốt. Đất ấy vừa được tập thể hoá nên chẳng có chủ nào cụ thể đâu mà sợ. Cứ chuyển về vườn. Đất rồi lẫn vào đất ai mà phân biệt rạch ròi cho được. Có điều phải khẩn trương, vụ mới đã tới. Đội Thuỷ lợi sắp dẫn nước vào. Đất cả đồng sẽ ngấu ra thành bùn hết.

Đêm đầu tiên, vừa vác về một tảng thì con vện chạy ra ăng ăng mừng. Vợ hần cũng mở cửa nghiêng ngó. Hần hoảng hồn. Sợ bị lộ. Lộ thì hần bị đưa ra khỏi đội du kích mất. Rồi cái chức chủ nhiệm hợp tác xã du kiến nay mai cũng sẽ không bao giờ đến tay hần. Hần tái mặt. Nhưng vợ hần không hề thấy vì chung quanh đã có bóng đêm che chở. Hần kéo vợ vào nhà. Không nói chuyện bằng cái giọng ngọng ngịu bình thường nữa. Hần ra dấu. Ra dấu một cách nghiêm trọng. Rằng, hần đang thi hành một công tác của cấp trên, cần tuyệt đối bí mật. Gì chứ bí mật thì vợ hần bùm miệng ăm ừ ngay. Kinh nghiệm xương máu những năm chiến tranh trước đây đã dạy nàng như thế. Không thấy, không biết và không được hỏi gì nữa. Tuy nhiên để làm cho "công tác bí mật" có vẻ quan trọng thật sự, Út Ngon quay nhìn con chó vện rồi lắc đầu. Hần không biết cái lắc đầu đó có ý gì. Hần hiểu như một lệnh khẩn. Tối sau, một người được vợ vàng gọi đến bắt con vện. Đó là lão Say - người ăn thịt chó duy nhất trong làng thuở ấy. Lão vuốt ve, mon trớn rồi bắt ngờ trở mặt. Lão trói giật cánh con vện, bỏ vào bao tải rồi chôn sống không kịp kêu một tiếng. Con vện đã chết oan. Út Ngon thương vện lắm vì nó có tình lại đuổi chuột giỏi. Nhưng hần không dám thổ lộ, lòng hần vẫn canh cánh, sợ vợ biết hành động của mình. - Thì hãy làm vài cái chốt, chốt ngoài hai cái cửa ra vào nhà mình. Hần mỉm cười thực hiện. Đêm tiếp đó, sau khi hết sức làm cho vợ "vui vẻ" ngủ say, hần nhẹ nhàng đóng hết cửa, chốt ngoài một cách cẩn thận rồi âm thầm đi vác trôm đất.

Đến tối nay, đất đã được chất cao quanh hai gốc đu đủ. Những cây còn lại thì chưa có. Út Ngon định bỏ học bình dân, đợi trăng lên vác thêm vài chuyến. Hần đã học hết lớp 5 rồi. Không tới lớp tối nay thì tối khác, chứ đất rang thì hết cơ hội. Bỗng nhiên cái loa thông tin đầu ngõ ồm ồm phát lệnh họp toàn dân. Họp toàn dân thường quan trọng. Mọi sinh hoạt trong đêm của vùng quê như tập đoàn, thanh niên, phụ nữ, bổ túc văn hoá... đều phải ngưng để tham dự. Không biết đêm nay họp gì? Ai đó đã thấy hần vác trôm đất rồi mật báo để toàn dân họp kiểm điểm chẳng? Ý nghĩ ấy khiến hần thoáng bối rối. Nhưng, lại bình tĩnh ngay bởi có bóng đêm. Hần lấy cuốc, cố làm cho hai loại đất lẫn vào nhau. Khổ nỗi đất vườn nhà hần ăm, sậm màu còn đất rang mới vác về thì khô trắng. Hai màu này sẽ bị phát hiện khi trăng sáng. Mà cào lấy đất vườn phủ lên trên cũng không được! Đu đủ sẽ dút hết rễ cho mau chết à? Thôi, cần tác vô áy náy, cắt lá chuối khô phủ lên cho yên tâm. Nghĩ là làm, làm rồi sung sướng đứng ngắm. Cái khó là cái khôn. Thời buổi không có phân thì lấy đất tốt bón vào. Mai mới đu đủ sẽ đầy trái. Lúc đó tha hồ hái về để vợ ăn cho bổ ghét cái thằng Trí lùn. Từ lúc Út Ngon cưới được vợ, Trí lùn hay khiêu khích lắm. Mới đây, khi đi tắt qua lối mòn gần cửa sổ nhà Út Ngon, thấy đám đu đủ còi cọc, hần đã chửi mắng vô tội vạ.

- Cứ lo đu đủ hoài... yếu quá, chẳng có trái...

Câu phê bình thông thường thì tức làm gì. Đàng này hần giả bộ ngọng. Từng tiếng được bỏ phụ âm đầu, ậm ư

8.vn



Đất rang

Truyện ngắn của VÕ NGUYỄN

kiểu không dấu, theo giọng trầm xú Huế khiến tiếng đu đủ mang nghĩa khác. Chửi cha không bằng pha tiếng. Út Ngon ức lắm. Ừ, để coi. Tương lai tao sẽ khác. Tao là du kích. Tao là lao động giỏi. Rồi tao sẽ là chủ nhiệm. Mày sẽ trương mắt ếch mà bãi phục ông, Trí lùn ơi. Út Ngon mỉm cười đắc thắng trong ý nghĩ, rồi vội vã ra cổng, đi cho kịp cuộc họp. Bất thần - như cô thói quen - hần lập tức quay lại chốt ngoài từng cửa cẩn thận. Con vợ mình mấy nay cặp mắt cũng lúng liếng lắm. Không nên cho ra khỏi nhà ban đêm... Hần chạy.

Mộng Hương là con gái quê làm vợ Út Ngon chưa đầy một năm. Nàng không được trắng nhưng hết sức mặn mòi chắc chắn. Thuở nhỏ nhà nàng ở cạnh nhà Trí lùn. Hai đứa thường rủ nhau lên chơi trò vợ chồng trẻ con. Thế mà lớn lên không lấy được nhau! Bố Hương có lần bảo: "Thằng Trí lùn lùn quá! Lùn từ chân cẳng đến địa vị xã hội. Tuy nó có dạy bổ túc văn hoá nhưng chữ nghĩa bây giờ mất giá. Thua lao động cả... Còn Út Ngon, tuy nói không chuẩn nhưng là thành phần cơ bản. Từ đất đai mà lên. Có tiền đồ. Hơn nữa mẹ hần lại nghênh ngang. Nghênh ngang thì không ác độc với đâu con bao giờ. Như thế là sướng. Lấy được người yêu mình bao giờ cũng sung sướng về sau con à...". Mộng Hương rất có cảm tình với Trí lùn nhưng vẫn vắng lời bố. Lấy chồng rồi nàng thấy lời bố nói vậy mà đúng.

Út Ngon đi họp, Hương và mẹ chồng ngủ sớm. Bà nằm ở cái giường tre phía nhà dưới. Hương vào buồng riêng. Căn buồng bít bùng, thật ối ả. Lấy chồng đậm quen, một mình không ngủ được. Hương trở dậy xác chuối thêm cho heo. Ngon đèn dầu từ mù chẳng ảnh hưởng gì đến tốc độ xoèn xoẹt của con dao lợ Bén Ngọt. Loáng cái đã xong. Nàng định ra sân cho thoáng nhưng các cửa đều bị khóa ngoài - chống mình lại có công tác bí mật đây - Nàng nghĩ và hơi lo. Thỉnh thoảng mẹ chồng lại mê sảng ừ ừ những gì không rõ. Chợt buồn. Phải tìm việc gì làm mà đợi chồng để mẹ khỏi biết khi bất ngờ thức giấc? Không làm cũng phải đi tới đi lui. Nàng bụng đèn lên nhá trên nơi có bộ ván ngựa kê sát cửa sổ độc nhất trong nhà. Đó là chỗ những đêm quá nực nội vợ chồng

thường lên mẹ ra nằm. Hay lau bộ ván này cho sạch, đợi chồng về? Thế là với miếng giẻ ướt trong tay, Hương thông thả xoay những vòng tròn trên bộ ngựa...

Mới lau hơn một nửa, thì ngon gió khuya bất ngờ thổi tắt ánh đèn. Căn nhà tối om. Ngược lại ngoài trời lại sáng. Chao ơi, trắng. Khí mờ, khi tỏ đẹp quá. Hay cứ nằm yên đây chờ chồng, dùng đốt đèn mà cũng chẳng thém cất giẻ lau. Cứ đợi chồng về. Nàng im lặng nằm gác chân vào song cửa sổ. Chao ơi, mát. Gió khuya huu huu mát. Nàng cố dùng đúng hai chân lên để được gần cửa sổ. Hai ống quần vải mỏng tuột xuống. Gió. Gió càng vào sâu càng mát dữ...

Hành động kỳ lạ của Mộng Hương lọt hết vào tầm mắt chăm chú của Trí lùn. Hần đã nhìn ngoài cửa sổ từ trước lúc đèn tắt. Vì họp toàn dân nên lớp bỏ túc văn hoá do hần phụ trách cũng được nghỉ. Hần có ghé qua nơi họp dân, thấy có Út Ngon thế là điểm danh xong hần chuẩn. Hần chỉ muốn lên gặp Mộng Hương thăm cho đỡ nhớ thôi. Ai ngờ nàng nằm hấp dẫn quá nên hần rón rén lại gần. Thình lình hần thọc tay qua song sắt ồm lấy cặp chân Hương. Hương giật mình run bắn lên. Nhưng cũng kịp thời đưa tay bùm miệng. Phản xạ ấy mà. Nàng đã nhận ra Trí lùn. Càng phải giữ im lặng kéo bà mẹ trong nhà thức giấc. Được thế, Trí lùn buông nhẹ cuốn giáo án xuống đất rồi thọc tay còn lại vào bộ ván ngựa quờ quạng. Có lẽ hần đã sờ trúng miếng giẻ lau nên các ngón tay đều ướt.

Im lặng kéo dài khá lâu. Hai đứa đều cảm thấy búng búng khác xa với trò chơi trẻ con thuở trước. Lại như có một lực hút mạnh bắt Trí lùn cố nhón người lên. Nhón sao được! Đã bảo hần rất lùn mà. Khoảng cách từ bàn chân đến háng ngắn hơn từ mặt đất đến cửa sổ. Hần cố cõ, cố mãi. Thóp cả cái bụng bự ầu ầu khiến cho cái quần không có nịt tuột xuống mà vẫn không đến. Hương vẫn đuổi hai chân dựng ngược song sắt, móng dán chặt vào cửa sổ. Thế mà không biết từ bao giờ và tại sao lưng quần nàng lại vọt lên gần đầu gối?... Trí lùn đã dùng được chân lên cuốn giáo án. Có cao một tí nhưng chỗ cần nhau vẫn còn xa. Hần lơ lảo nhìn quanh. Có

vật gì lạ dưới đồng lá khô nơi gốc đu đủ? Hần buông tay chạy ra vạch lá. A, thì ra là đất. Đất cũng được. Hần ồm được hai cục quay trở lại chất ngay lên chỗ vừa dứng. Hương vẫn bất động im lặng. Hần rón rén. Đất rang có khác! Chắc là được việc. Trí lùn thầm mong đất đủ độ cứng lên. Chỗ phát ra sức hút của hai đứa đã gần được nhau. Chỉ tức mấy cây song sắt của sổ, chúng lẫn cần một cách khó chịu...

Phía nhà dưới, bà mẹ nằm lơ mơ. Con ngủ sâu đã qua. Bà nghe như có tiếng chếp miệng, tiếng hít hà ở đâu vọng lại. Hình như ai đó bị dút tay. Hay đâu bà xác chuối mà buồn ngủ để dao sắc cửa vào? Bà mở mắt. Tối om. Không phải. Xác chuối sao lại tắt đèn. Bà nhắm mắt lại, lơ mơ. Tiếng chuột rít lên từng chập hay tiếng thạch sùng tiếc của? Thấy kè. Nhà chỉ còn mấy lon gạo trong hũ. Hồi chiều bà đã cẩn thận lấy tấm thớt lớn dây lên rồi. Kệ nó. Có gì đâu con lo. Minh ngẩng ngẩng cứ ngủ đi cho khoẻ.

Trí lùn không chịu đứng yên. Toàn thân hần nhấp nhúm lộn. Kiểu này thì đá cũng phải vỡ chứ nói gì là đất. Và. Vô thật. "Phích". Tiếng phích này là do xương chậu của Trí lùn chạm vào mép cửa sổ. Hần đau đón ngả vật ra mà không dám nuốt soa. Phải yên lặng. Đúng lúc cần im lặng tuyệt đối như thế thì bà mẹ đột ngột lên tiếng:

- Hương ơi. Đậy lại hũ gạo. Chuột ăn hết con ơi!

Hương bối rối. Nàng chụp vội cái gì đó che vào chỗ kín. Phản xạ của phụ nữ ấy mà. Rồi thay, hay may thay cái gì đó lại là miếng giẻ lau. (Chú không phải là cây đèn dầu đâu nhé) một cảm giác ròn ròn chạy khắp người khiến các cơ quan thân thể nàng nhanh chóng trở lại trạng thái bình thường. Nàng rón rén kéo lưng quần và mò mẫm vào buồng yên lặng. Bà mẹ cũng nghe yên lặng. Minh nói mê chẳng? Tuổi già sao khổ thế? Bà tự dưng vật lấy mình rồi lại chìm vào giấc ngủ. Chỉ tội Trí lùn hần nằm bất động rất lâu mới vùng dậy bỏ chạy. Tiếng ồn ào của dân đi họp về đã nghe rất rõ. Trí lùn còn đau mà vẫn khôn.

Trước khi chạy còn cầm theo tập giáo án lem lức.

Út Ngon mở chốt đẩy cửa bước vào. Hần rất vui lại còn ọ ẹ ca bài gì không rõ:

- "Ất ả, ất ả... ất ả, ất ả"

Chẳng ai hiểu hần nói gì. Chỉ có hần đi họp về mới hiểu thôi. Đó là nội dung câu khẩu hiệu "Đất là tất cả", kêu gọi mọi người hiến đất lập hợp tác. Hần nhắc lại để chứng tỏ mình nắm rõ nội dung cuộc họp và mừng thầm cho việc trộm đất thành công. Hần ọ ẹ vài lần nữa khiến mẹ hần chú ý. Cái gì mà "Thật vất vả, thật vất vả"? Hay con mình thấy gạo rơi vãi đâu đó nên la toáng lên chứ gì. Bà buột miệng.

"Chuột, chuột đó, phá cả đêm..."

Hần không đáp lời mẹ mà vào buồng ôm Hương ngủ. Bà mẹ cũng không nói gì thêm.

Sáng. Hần ra thăm đu đủ, khi bước ngang cửa sổ hần giật mình thấy một đồng đất vỡ vụn. Ừ phải rồi: chuột đấy! Hồi hôm mẹ nhắc mà mình tưởng nói mê. Đất rang này ngon quá, chuột cũng ăn cắp về hang hương chỉ mình!

Rồi hần mỉm cười, bùm hai tay hốt đồng đất ấy đem bỏ vào gốc đu đủ. Lại tiếc, ước chỉ còn con vện!

Hơn 20 năm sau cánh đồng đất rang đó đã được khoán. Câu chuyện kể lại, ai cũng cười, nhưng có nhiều ý kiến khác nhau lắm.

Xin trích vài ý:

- Một nhà nông nghiệp: Đất muôn đời vẫn là đất. Chỉ khi quan hệ với đất không đẹp nó mới sinh ra thế!

- Một nhà sử học: Lịch sử thường lặp lại. Hiện tại cười quá khứ, làm sao để tương lai khỏi cười hiện tại. Đó là vấn đề.

- Một nhà văn hoá về hưu: Cui chùng nhiễm bệnh Sex làm hư hỏng con người.

Còn tôi? - Đánh giá và ý kiến là tùy của mỗi người. Chỉ xin kể cho thật trung thực để cùng ngắm nghĩ... Bởi, tôi cũng từ đất mà ra!

DỊCH GIẢ NGUYỄN ĐỨC THUẦN

như tôi được biết

NGỌC ĐIỂN

NGÀY 17 tháng Bảy năm 2001, vào hồi 17 giờ 20 phút dịch giả nổi tiếng Nguyễn Đức Thuần đã từ biệt chúng ta trở về cõi vĩnh hằng. Ông ra đi là một tổn thất lớn đối với gia đình, người thân, đối với bạn bè thân thích, với những người đã từng chiến đấu cùng ông bên chiến hào những năm kháng chiến chống Pháp, những bề bạn đã công tác và học tập cùng với ông ở Liên Xô, với những đồng nghiệp của ông trong các cơ quan thuộc Bộ Văn hoá, Tổng Công đoàn Lao động Việt Nam, với những độc giả đã từng biết đến ông qua những tác phẩm dịch nổi tiếng của nhiều nhà xuất bản. Và đặc biệt là nỗi tiếc thương đối với những độc giả của một số tờ báo lớn được ưa chuộng như tờ *Văn nghệ*, tờ *Lao động* v.v....

Là độc giả thường xuyên của báo *Văn nghệ*, tôi được biết ông qua những bản dịch về tình hình Liên Xô trước đây và nước Nga ngày nay trong những năm tháng sôi động chuyển từ một nước xã hội chủ nghĩa hàng đầu trong cuộc cải tổ đầy bi kịch, đến một Liên bang Nga đầy những thử nghiệm trong công cuộc phục hưng nền kinh tế - xã hội của nhiều "triều đại". Tuy chưa được gặp ông, song trong thâm tâm, tôi vô cùng thân phục ông bởi những thông tin sốt dẻo, thiết thực liên quan đến tình hình Liên bang Nga, Cuba, Trung Quốc, được đăng tải trên các trang báo qua các bản dịch của ông. Đó cũng là sự quan tâm của nhiều bạn đọc chúng ta. Tôi ước ao có một ngày nào đó được gặp gỡ và quen biết con người mình ngưỡng mộ.

Song cách đây khoảng 3 năm, một cuộc gặp gỡ thật tình cờ đã mang đến cho tôi một niềm phúc: Được gặp ông ngay tại thành phố biển Vũng Tàu, và điều quý giá nhất là được hiểu hơn về ông, về cuộc đời và sự đam mê dịch thuật của ông.

Hôm ấy là ngày Chủ nhật, ngày nghỉ. Tôi đi lang thang đến một quầy báo nằm trên đường Ba Cu, tìm mua tờ *Văn nghệ* số ra hàng tuần. Rất tiếc đến lượt tôi thì quầy báo không còn một tờ *Văn nghệ* nào nữa. Tôi đứng tần ngần một lúc thì có một bác già khoảng ngoài sáu mươi tuổi cũng đang cầm tờ *Văn nghệ* trên tay. Ông là một người không cao lắm, đôi mắt sáng, mái tóc đã ngả màu bạc. Như đoán được sự tiếc nuối của tôi, ông bước lại gần tôi và có ý muốn tặng lại tôi tờ *Văn nghệ* cuối cùng mà ông vừa mua từ quầy trước đó mấy phút.

Từ bữa đó chúng tôi quen nhau, một già, một trẻ. Rồi những lần gặp nhau sau này, khi thì tại nhà ông, bên ly trà Thái ấm nóng, khi thì trên ghế đá tại một quán cà phê nào đó ven bờ biển lúc chiều tà, tôi dần được biết thêm rất nhiều về ông - dịch giả Nguyễn Đức Thuần...

Có thể tóm tắt cuộc đời ông trong một câu thật ngắn gọn. Đó là cuộc đời của một người chiến sĩ dũng cảm, một người phiên dịch cần mẫn, và một dịch giả tài hoa.

Nguyễn Đức Thuần sinh ra trong những năm của cao trào Xô-viết Nghệ Tĩnh sôi động nhất, trong một gia đình giàu có truyền thống hiếu học. Cụ thân sinh ra ông từng là một nhà giáo. Người anh cả của ông chính là nhà thơ nổi tiếng Minh Huệ với bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ*, mà mỗi học sinh của nhiều thế hệ đều thuộc lòng từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Những năm thiếu thời của ông trôi qua trong những năm tháng đấu tranh của dân tộc giành chính quyền, độc lập tự do. Kháng chiến bùng nổ, ông tham gia cách mạng, vào bộ đội và là một chiến sĩ từng tham gia chiến dịch Điện Biên lịch sử.

Sau kháng chiến, cũng như bao người lính khác, ông trở về đời thường, tham gia vào cuộc cách mạng dân chủ, từng tham gia trong các đội cải cách ở nông thôn. Rồi ông được cử đi học ở Trường ngoại ngữ, Khoa tiếng Nga, ở Hà Nội. Từ đó cuộc đời ông, công việc của ông và sự đam mê dịch thuật của ông bắt đầu gắn bó với mảnh đất này.



Ra trường ông được phân công công tác về Bộ Văn hoá, làm phiên dịch tại trường Điện ảnh cho khoá diễn viên đầu tiên của nước ta. Ông đã từng công tác ở Ban đối ngoại Tổng Công đoàn Việt Nam, từng phiên dịch cho các đồng chí lãnh đạo cơ quan Tổng Công đoàn một số thời kỳ. Ông đã đi nhiều nước, làm phiên dịch cho phái đoàn ta tại Đại hội công đoàn các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu như Ba Lan, Bungari, Hungari, Cộng hòa dân chủ Đức.

Ông đi nhiều, đi xa, từng được gặp những nhân vật nổi tiếng của đất nước. Có thể nói, ông cũng là

một trong những số người biết được nhiều điều về nhân tình thế thái. Ông có nhiều bạn bè, người quen. Có nhiều người trong họ thành đạt và trở thành những quan chức nổi tiếng, giữ những trọng trách lớn.

Nhưng, rồi năm tháng qua đi, cũng như mọi người, ông về hưu sau nhiều năm làm việc và cống hiến. Nhưng sẽ chẳng có gì đáng nói nếu cuộc đời của ông chỉ có vậy.

Trong những năm công tác, ngoài thời gian làm việc ở cơ quan, Nguyễn Đức Thuần dành nhiều thời gian cho một dạng công việc mà ông say mê nhất - đó là dịch thuật - nghề "tay trái" của ông. Niềm đam mê ấy đã theo ông trong suốt cuộc đời. Ông có thể đọc và dịch mọi lúc, mọi nơi, cứ khi có thời giờ rảnh là ông ngồi vào bàn viết hoặc đánh máy các bản dịch. Thời bấy giờ, đối với ông cũng như các dịch giả khác, chiếc máy chữ là phương tiện hiện đại và tiện lợi nhất.

Tác phẩm dịch đầu tay của ông là *Cô gái Hiroshima* (Nhà xuất bản Văn học xuất bản năm 1962), *Sợi chỉ mỏng manh*, *Thăng Tâm năm Bốn tư* (Nhà xuất bản Lao động và Tiến bộ xuất bản trong những năm 1978, 1980). Ông cũng từng dịch cuốn *Thống soái Cutudóp* (Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, xuất bản năm 1964)...

Hầu như từ 1962 đến 1990, năm nào cũng đều có những tác phẩm dịch của ông được xuất bản. Cho đến nay ít nhất có khoảng 25 đầu sách đã được ông dịch và là ấn phẩm của các Nhà xuất bản lớn như *Thanh Niên*, *Công an nhân dân*, *Lao động*, *Văn học*, *Kim Đồng*, *Hải Phòng* v.v....

Ngoài dịch sách, ông còn là dịch giả quen thuộc của các bài báo được đăng tải trên các tờ báo lớn như *Văn nghệ*, *Lao động*, *An ninh thế giới*... Mảng đề tài mà ông quan tâm nhiều nhất là tình hình kinh tế xã hội, tình hình chính trị của nước Nga, cuộc đấu tranh trên chính trường giữa các nhân vật nổi tiếng. Bạn đọc báo *Văn nghệ* còn nhớ sự kiện chuyển thăm của Nguyên thủ đầu tiên của Liên bang Nga sang Việt Nam đầu năm nay: Vladimir Putin. Trước chuyến thăm này, dịch giả Nguyễn Đức Thuần là một trong những dịch giả có nhiều thông tin nhất về nguyên thủ trẻ tuổi này. Mỗi số báo hồi đó đều làm cho độc giả thấy hài lòng, họ như được hiểu rõ hơn về Putin trước chuyến thăm của ông.

Tuy đã nghỉ hưu, tuổi cao, nhưng ông vẫn hăng say với công tác dịch thuật. Ông làm việc ngày đêm, cả những lúc nghỉ trưa. Ông chỉ dừng bút khi căn bệnh cũ tái phát và đã kéo theo những biến chứng khó lường.

Ông đã đi trong niềm tiếc thương vô hạn của gia đình, cơ quan, bạn bè. Trong cuộc đời mình, ông đã kịp làm nhiều điều và để lại cho đời, cho độc giả những bản dịch giá trị. Tôi nghĩ, ông chưa được biết đến nhiều như các ông Cao Xuân Hạo, Thuý Toàn, Phạm Mạnh Hùng... là những dịch giả nổi tiếng qua các tác phẩm văn học Nga, văn học Xô-viết, ông không để lại những tác phẩm mang tính lý luận về dịch thuật... Song ông mãi mãi là một người thầy, một dịch giả được quý trọng trong lòng bạn đọc và người hâm mộ.

Xin thấp một nén nhang vĩnh biệt dịch giả NGUYỄN ĐỨC THUẦN. ■

BIẾT ĐẾN ĐÁU
NÓI ĐẾN ĐÁY

XEM LẠI MÌNH ĐỂ PHÁT TRIỂN

TẠ ĐÌNH VINH

(Tiếp theo kỳ trước)

3. Con số giá dầu:

VÀO khoảng năm 1972, giá dầu đột nhiên tăng, chủ yếu là do sự phối hợp điều chỉnh lượng sản xuất dầu của OPEC, và do những thay đổi về cơ cấu thị trường dầu thế giới. Điều này dẫn đến sự tái cơ cấu của rất nhiều ngành khác nhau. Các công ty trong các ngành sử dụng nhiều năng lượng phải tìm cách cắt giảm lượng tiêu thụ một cách triệt để. Giá xăng tăng chính là hồi chuông báo tử cho những chiếc xe hơi quá khổ của Mỹ, mà một số nước gọi là "những cỗ xe tăng Mỹ". Đây chính là nguyên nhân của sự tiến triển kỹ thuật không ngừng trong việc sử dụng nhiên liệu một cách có hiệu quả. Bằng nhiều con đường, nó đã giúp cho các nhà sản xuất ô tô Nhật Bản bắt đầu thâm nhập thị trường Mỹ, còn các nhà sản xuất ô tô Detroit thì vẫn nhón nhơ trong vài năm trời, và chỉ đến khi xuất hiện quá nhiều ô tô Nhật Bản trên đất Mỹ thì họ mới bắt đầu tiếp thu những kiến thức kinh tế một cách nghiêm túc. Người Châu Á và Châu Âu đã từ lâu quen với tình trạng giá nhiên liệu cao, nhưng người Mỹ lại hoàn toàn ngỡ ngàng trong trò chơi thiếu hụt nhiên liệu này. Việc điều chỉnh lượng sản xuất dầu đầu những năm 70 làm cho người Mỹ thấy rõ rằng họ không còn giữ vai trò lãnh đạo toàn bộ nền kinh tế thế giới.

Con số về giá dầu đẩy chi phí hàng không lên rất cao. Đồng thời nó tạo ra sự rối loạn trong ngành công nghiệp dầu của Mỹ, bởi vì các nước OPEC tiếp tục nâng giá của họ và rút bớt lượng cung cấp để cho các công ty dầu của Mỹ mất cân bằng. Khi giá dầu quá cao khiến cho việc khoan dầu ở Bắc Mỹ có thể thực hiện được thì OPEC lại tăng sản lượng sản xuất và đẩy giá xuống thấp để phá tan dự định này. Người Mỹ không ngớt than vãn, phàn nàn về sự phụ thuộc vào nguồn dầu của nước ngoài, nhưng chưa có một chính quyền nào của Washington thành công trong việc tạo ra một chính sách năng lượng quốc gia hữu hiệu.

4. Sự phát triển của nền kinh tế dịch vụ:

Tất cả các quốc gia công nghiệp phương Tây và Mỹ nói riêng, chuyển hướng sang nền kinh tế dịch vụ với một số lượng nhỏ nhân công làm việc trong lĩnh vực sản xuất. Sự phát triển của các tập đoàn xuyên quốc gia và toàn cầu đã làm gia tăng sự dịch chuyển những ngành tập trung sức lao động sang các nước thế giới thứ ba, nơi mà chi phí lao động thấp hơn. Đồng thời, các ngành dịch vụ như chăm sóc sức khỏe, thức ăn nhanh, du lịch và giải trí bùng lên nhanh chóng.

Sự đóng cửa hay củng cố của các nhà máy dẫn đến việc tái cơ cấu hàng loạt trong lực lượng lao động của Mỹ và cũng như của các nước công nghiệp hoá khác đang trải qua thời kỳ chuyển đổi. Thậm chí cả Nhật Bản, vốn trong những năm hậu chiến thu hút được ngành công nghiệp nặng bằng chi phí lao động thấp của mình, bấy giờ cũng bắt đầu không thể thu hút được các ngành sản xuất thép, vải và ô tô, khi mà mức sống của nước này tăng lên và giá lao động của nó không thể so sánh với các nước như Đài Loan, Hàn Quốc, Philippin, Indonesia, Trung Quốc và một số nước khác.

Các quốc gia như Mỹ thường đi theo hướng các dây chuyền sản xuất giá trị cao đòi hỏi công nghệ ngoại nhập và công nhân có tay nghề cao hơn. Nhật Bản đã và đang thực hiện sự chuyển dịch này và điều chỉnh lại nhu cầu về lực lượng lao động của mình.

5. Làn sóng về tuổi thọ:

Làn sóng về tuổi thọ chủ yếu diễn ra ở Mỹ, và một chứng mực nào đó, có thể nói nó xảy ra ở đa số các nước công nghiệp hoá cao. Đó là sự sụt giảm về tỷ lệ sinh trong chiến tranh và tuổi thọ tăng lên. Điều này tạo ra sự hụt hẫng mất cân đối trên đường cong dân số, mà hiện tại độ tuổi 30 cho tới 50 đang vượt quá mức. Cuộc bùng nổ về tỷ lệ trẻ em ở Mỹ sau chiến tranh và các hiện tượng dân số liên quan ở các nước khác đã tạo ra sự tái cơ cấu hoàn toàn nhu cầu về sản phẩm tiêu dùng và sự thay đổi thị hiếu sản phẩm của người tiêu dùng.

(Còn nữa)

O thị trấn người ta quen gọi Hai Trước là "Anh Hai ca sĩ" bởi anh có chân trong đội ca tài tử, thường tụ tập, sinh hoạt mỗi tháng một lần ở nhà khách Ủy ban và có lần đi dự liên hoan đơn ca tài tử trên tỉnh, anh đã đoạt được giải ba. Hai Trước mới gia nhập câu lạc bộ đơn ca tài tử ở thị trấn được hai năm nay, theo lời khuyên của các "đàn anh đàn chị" - nhưng họ đều nhỏ tuổi hơn anh - trong nghề, anh chuyên tập ca các bài Nam để khai thác triệt để ưu thế giọng ca buồn náo ruột của mình. Trong đêm mà nghe anh cất giọng, khỏi cần đèn dịch gì, cũng muốn dứt từng khúc ruột. Người hiểu chuyện cho rằng không chỉ là giọng ca mà Hai Trước còn hát với cả nỗi lòng u uất của mình.

Hai Trước hành nghề xe ôm. Lộ trình của anh là từ thị trấn ra ngã ba quốc lộ Một rồi trở lại. Ngày trúng mồi, anh có bốn, năm cuộc xe, còn "bết đem" cũng được một cuộc, lấy lại tiền xăng cho chiếc 67. Bà con khoái đi xe ôm của anh vì hai lẽ: một là tuổi tác anh tuy đã cao - năm nay anh vừa tròn sáu mươi, và vẫn còn tráng kiện - nên đáng tin cậy hơn đám trung niên, thanh niên; còn hai là, trên con đường hai chục cây số, anh sẵn sàng ca hát "quý khách" đang ngồi sau lưng mình một bản tài tử như Nam ai, Nam xuân... hoặc kể chuyện mình đi thi trên tỉnh lơ ngơ ra sao mà vẫn đoạt giải. Những anh em xe ôm khác chẳng ai ganh tỵ với anh vì họ tự biết họ không có tài ca hát như anh; mặt khác chính họ trong lúc chờ khách cũng thỉnh thoảng là khán giả bị giọng ca của anh mê hoặc. Có bữa, mấy anh em "ghiền" nghe giọng ca của anh, hùn tiền kiếm một góc quán gần đó vừa ngồi lại rai ba xì, vừa nghe "anh Hai ca sĩ" trở tài. Điều đáng tiếc và cũng là chỉ tiêu phấn đấu của Hai Trước là anh vẫn chưa đổi được chiếc 67 thành một chiếc xe khác thuộc đời mới hơn.

Chiều nay Hai Trước nghĩ chạy xe khi anh từ ngã ba quốc lộ Một chở khách về thị trấn, ghé nhà thì hay tin con Thanh Vân bị sốt. Chỉ nó, con Thanh Tâm tự động nghỉ học ở nhà để lo cho em. Tội nghiệp, con nhỏ chỉ mới có chín tuổi đầu mà đảm đang như một người lớn. Nó biết lấy khăn nhúng nước đắp lên trán cho em, biết nấu cháo hành dứt cho em ăn từng muỗng nhỏ. Hai Trước chở con đi khám bệnh tu ở nhà bác sĩ Hoà. Cậu bác sĩ trẻ khám sơ cho con bé và nói nó chỉ bị sốt do viêm họng, uống kháng sinh ít bữa sẽ khỏi. Hai Trước chở con về mà lòng không yên bởi hoài nghi cách khám của cậu bác sĩ. Trong lúc con Thanh Tâm nấu cơm chiều, anh ngồi đưa vông cho con em và ru nó ngủ bằng một bài ca mà anh đang tập, dự tính sẽ biểu diễn lấy ý kiến anh chị em trong buổi sinh hoạt của đội ca tài tử chiều mai...

Hoàng hôn vùng cao buồn tẻ dù nơi đây ngày nay đã là một thị trấn có nhà máy thủy điện, khác hẳn cái ngày Hai Trước đưa vợ đơn đến dựng một mái nhà tranh bên gốc mấy cây buồng già, dân cư thưa thớt, nhà này hú gọi chưa chắc nhà kia đã nghe. Khỉ, vượn, cây hương thỉnh thoảng lại xuất hiện ở trong nhà. Có hôm ra thăm ổ gà còn thấy cả một con rắn nằm quấn tròn sau khi chén nó chỉ một con gà xù sỏ nào đó. Hàng đêm, tiếng thác Trĩ An vắng xa xa nghe như tiếng nhạc rừng, như tiếng than thở cho một tình buồn của cặp trai gái trong câu chuyện cổ được lưu truyền. Ngày ấy, Hai Trước đã mừng biết bao khi hay tin vợ có bầu, rồi sinh cho anh con Thanh Tâm. Con Thanh Vân ra đời hai năm sau đó tuy không trùng ý anh muốn có thằng con trai, nhưng vẫn là niềm vui của cả gia đình. Đời vợ trước của anh coi như bỏ đi, được hai thằng con trai, một đứa con gái thì cô cũng như không. Đứa con trai lớn nghiêm nghị rồi bỏ nhà đi, chết mất xác ở đâu đó không ai hay biết. Hai đứa còn lại theo mẹ chung vượt biên đường biển hồi năm bảy tám, cũng chẳng nghe tin tức gì. Ở trại cải tạo về được hai năm, anh gặp, đùm bọc rồi lấy mà con Thanh Tâm, một cô gái bị gia đình vượt biên bỏ rơi nhỏ hơn anh gần mười lăm tuổi. Thời gian ấy, dầu đời sống vật chất không bằng bây giờ nhưng với anh vẫn cứ là hạnh phúc... Rồi bộ mặt thị trấn thay đổi dần khi công trình thủy điện hoàn thành. Những cây buồng dần biến mất. Những con thú rừng thoát khỏi sự săn bắt của con người thì bằng cách nào đó dạt về bờ bắc. Một cuộc sống bon chen từ thị trấn tràn tới. Hai Trước chạy theo nó không kịp trong khi vợ anh lại nôn nóng. Người phụ nữ hai con còn "mòn con mắt" không chịu an phận với của tiệm tạp hoá tại nhà, một ngày bán buôn kiếm cơm đôi ba bữa. Chỉ gom góp tiền bạc làm vốn đi buôn đường dài. Chẳng bao lâu chị thay đổi hẳn. Từ cách ăn mặc đến lời lẽ, đến cả cách cư xử với chồng con. Rồi một ngày nọ, lén thú nhĩ, Hai Trước lại mất vợ...

- Chào anh...
Khách đứng bên tấm bảng "có xe ôm" do Hai Trước tự vẽ lấy bằng sơn xanh trên tấm bảng ván ép đóng nơi cột điện.

Hai Trước bước ra, hơi ngỡ ngàng nhìn người đàn ông mặc áo khoác bằng da màu nâu, đeo túi xách nặng bên vai, mặt quần bò, và nhất là gương mặt chói nắng, râu quai nón giấu dưới vành mũ kết đỏ điểm dứa. "Chỉ thiếu trên tay hán một khẩu súng là thành tên cướp". Hai Trước nảy ngay ra ý nghĩ thâm độc mà không hiểu mình chỉ nghĩ vui hay nghĩ thật?

- Anh hỏi gì?
Khách chỉ tấm bảng:
- Anh chạy xe ôm à? Tôi muốn đi gấp tới Bà Hào, anh lấy giá bao nhiêu?

Hai Trước khựng lại một giây rồi trả lời:
- Anh thông cảm, con tôi đang bệnh, tôi không chạy.

Sự thất vọng hiện rõ trên gương mặt dữ dằn của khách. "Tay này cũng phải trên năm mươi, sức lực thì chắc chắn là hơn đứt mình rồi. Chỉ cần một cú đấm của hán là mình tiêu". Hai Trước ại trầm nghĩ.

Trong nhà, con Thanh Tâm nói vọng ra:
- Ba ơi! Vô ăn cơm!



Minh họa của NGÔ XUÂN KHÔI

Một chuyến xe ôm

Truyện ngắn của KHÔI VŨ

Hai Trước nhắc lại với khách:
- Anh thông cảm nha...
- Anh ơi... anh không giúp tôi được sao? Vậy ở đây còn ai chạy xe ôm nữa không hả anh?

Hai Trước chỉ cho khách tới nhà Sáu Đào mà anh biết chắc rằng Sáu cũng sẽ từ chối, rồi quay vào nhà với con gái... Chiều nay, con nhỏ Thanh Tâm cho ba nó ăn mắm ruốc với dưa leo, không có món canh nào cả. Chắc nó mãi lo cho em nên không chạy qua bên bà Tư bên chợ chễm hóm mua thức ăn.

- Ba ơi! Ngày mai cho con đi chơi Đầm Sen với lớp nha ba?
- Ai dẫn mấy con đi?
- Dạ, cô giáo con. Mà trường con đi đông lắm, lớp nào cũng được đi. Mỗi đứa đóng ba chục ngàn...

- Ba tưởng đi "chùa" chứ! Ba chục ngàn là mắc!
Hai Trước còn nghĩ: "Thế nào các thầy cô cũng phẩy phết trong đó" nhưng không nói ra.

- Vậy mình xin bớt, đóng hai chục ngàn thôi có được không ba?

Hai Trước mỉm cười trước câu hỏi hồn nhiên của con Thanh Tâm. Đang nghĩ một câu trả lời cho con thì anh lại nghe tiếng gọi ngoài hiên:

- Anh ơi...
Hai Trước nhìn ra. Người khách lúc nãy trở lại, vẻ mặt cầu khẩn khi đối diện với anh:

- Anh thử tình lại xem có thể giúp tôi được không. Tôi gặp mấy anh em chạy xe ôm ở xóm này rồi, ai cũng nói chỉ có anh là người có thể chạy đêm đường rừng... Anh cố gắng giúp tôi, bao nhiêu tiền tôi cũng trả...

- Đâu! Anh nói tôi nghe thử coi. Anh trả tôi được tối đa là bao nhiêu?

- Một trăm ngàn có được không anh?
Hai Trước xuất bật thốt lên một tiếng biểu lộ sự ngạc nhiên. "Giá cả phải chăng chỉ khoảng năm chục ngàn. Tay chơi đây! Nhưng mình sẽ nhận được trăm ngàn hay nhận được một nhát dao rồi mất luôn chiếc 67?". Hai Trước nghĩ vậy rồi khế lác dẫu:

- Nói thiệt, số tiền ấy không xứng để tôi phiêu lưu đâu...

Khách không hiểu ẩn ý của Hai Trước nên vẫn nài nỉ:

- Vậy thì... Một trăm ruồi, được không anh?
- Mà anh làm gì gấp dữ vậy? Nghỉ tạm đêm nay ở đây rồi sáng mai về cũng được kia mà!
- Không được đâu anh! Tôi cần về để kịp nhìn mặt mẹ tôi lần cuối...

- Cái gì? Bà già anh làm sao...?
- Tôi làm việc ở khu công nghiệp Biên Hoà, nhận được điện gọi về gấp vì mẹ tôi đang hấp hối...

Hai Trước rung lòng. Nếu đúng như thế...

- Anh nói... thiệt chứ?
- Trời ơi... tôi biết nói sao để anh tin bây giờ... À... đây rồi... - Khách móc túi tìm tờ điện báo đưa cho Hai Trước coi - Anh đọc đi, điện báo tôi về gấp... Sinh là tên tôi còn Hồng là tên cô em tôi...

Khi xe qua khỏi khu lâm trường bộ, lọt vô đường rừng, Hai Trước mới bắt đầu nghĩ khác. Lỡ ra cái giấy điện báo kia là giả thì sự thật ẩn giấu sau đó là gì? Ôi! Sao một con người luôn luôn hoài nghi như mình lại có thể mau tin người lạ đến vậy kia! Hai Trước thấm tự rủa.

Rừng thật sự đã lùi xa dòng sông hàng chục cây số về phía Bắc. Còn rừng hai bên con đường chỉ là rừng trống, cũng cách mặt đường hàng chục thước. Những bụi cây thấp chưa tới đầu người còn sót lại, làm chúng cho một cánh rừng ngày nào chưa xa lắm mà đã như cổ tích. Nhưng đâu tẻ như thế, những con thú nhỏ cũng đã tìm về gần dòng sông hơn. Nhiều lần chở khách trên con đường rừng này, Hai Trước đã bắt gặp những chú thỏ rừng, cây hương chạy băng qua.

Từ phía sau lưng Hai Trước, giọng của Sinh bốn chồn, tỏ mò mà khiến anh thấy lạnh gáy:

- Suốt đường đi liệu tất cả có khá như quãng này không anh hai?

"Hán hỏi thế để làm gì? Để biết có những đoạn xấu mà ra tay chăng?". Hai Trước nghĩ rồi hỏi ngược lại:

- Anh nói về nhìn mặt bà già lần cuối mà sao lại hỏi tôi như người ở phương xa mới tới đây vậy?

- Tôi xa gia đình mười năm rồi. Anh có muốn nghe chuyện của tôi không?

- Đâu, anh kể thử coi.

- Dao ấy, gia đình tôi cùng mấy người quen dọn tới vùng Bà Hào làm nghề rừng. Không diện dóm, không sách báo, vô rừng săn thú củ như ăn trộm, chặt cây thì lén lút trốn tránh kiếm lâm... Dào! Một người từng mặc áo lính chiến đấu ở chính vùng rừng này như tôi thì làm sao có thể chịu được tình cảnh ấy hả anh! Bởi thế tôi quyết định bỏ về Biên Hoà một mình mưu sinh lập nghiệp.

- Còn ông già anh?

- Ấy! Chính vì cái chết của bố tôi mà mẹ tôi cùng anh em tôi theo mấy người lối xóm rời quê cũ vô đây làm ăn...

- Từ đó anh không về thăm nhà lần nào sao?

- Có một lần. Đó là lần cô em gái tôi lấy chồng, cách nay sáu, bảy năm gì đó khi rừng còn chưa đến nỗi nào. Ở khu Bà Hào, xe chở gỗ còn xếp thành hàng dài. Khi ấy tôi đã tìm được việc làm ở khu công nghiệp và cưới vợ rồi...

- Anh có mấy đứa con?

Một tiếng cười nhẹ tênh sau gáy Hai Trước:
- Tôi và vợ tôi cùng bị vô sinh anh à...

Hai Trước muốn ngó lại để xem nét mặt của Sinh, nhưng anh dễ dàng tưởng tượng ra nhờ lời tâm sự tiếp theo của khách:

- ... Tôi là lính Trường Sơn vào miền Đông này anh à. Còn vợ tôi là giao liên giải phóng, hoạt động ở miền Tây. Tình cờ hai đứa tôi làm việc chung một nhà máy, thông cảm hoàn cảnh của nhau rồi thương yêu, rồi lấy nhau. Không có tiếng trẻ con trong nhà kể cũng buồn, nhưng biết sao được...

- Anh là con trai một phải không?

- Đâu! Anh muốn nói chuyện cần có con nối dõi phải không nào? Trái đất này có cả mấy tỉ người, thêm hay bớt một người thì có quan trọng gì hả anh...

Tự dưng Hai Trước thấy đồng cảm với Sinh. Anh thở dài nói:

- Tôi có hai đứa con thì lại là gái cả. Vợ tôi bỏ nhà đi mấy năm nay rồi. Ấy là tôi nói về cô vợ sau... Mà anh có muốn nghe chuyện của tôi không?

Hồi rồi Hai Trước mới nhận ra là mình đã lặp lại câu của Sinh hồi mình trước đó. Và anh cũng nhận ra thêm và trách mình sao lại thiếu đề dặt đến thế. Hoá ra hai người đàn ông đang ngồi trên chiếc 67 đã từng có thời gian cảm hứng đối địch với nhau và anh thuộc phe chiến bại. "Tốt nhất là đừng nói gì đến cái lý lịch cũ của mình...". Hai Trước quyết định thế khi nghe Sinh trả lời: "Anh kể đi. Chắc là vui vẻ hơn chuyện của tôi...". "Không! Buồn lắm!" Hai Trước đáp.

Trời sụp tối vừa lúc hai người tới một đoạn đường xấu. Hai Trước cho xe chạy chậm. Sau một đôi đường chuyện trò trái lòng mình, anh lại cảm thấy bất an. "Hán nói thật hay chỉ bịa chuyện để lấy lòng tin của mình và chờ cơ hội ra tay? Thối buổi này đầu thiếu kẻ lưu manh giả danh người ngay để làm bậy". Nghĩ như thế, Hai Trước lại thấy lạnh lạnh sau lưng. Mà cũng có thể Sinh chuẩn bị bắt đầu giờ trò khi anh ta nói:

- Làm ơn dừng xe một chút đi anh. Lúc ở ngã ba

(Xem tiếp trang 22)

(Tiếp theo kỳ trước)

LIÊN Xô đã lấy làm thương xót một cách chân thành, không chút giả tạo về việc Kennodi bị giết hại. Hãng truyền hình Trung ương đã truyền đi lễ an táng Tổng thống. Các báo đã đăng đầy đủ lời cáo phó. Nhiều người đã rơm nước mắt và xếp hàng dài ở Sứ quán Mỹ để kỷ vào sổ tang. Chính trong những ngày đau buồn đó, trong dư luận Liên Xô, mọi người đã đặc biệt thương tiếc tưởng nhớ vị Tổng thống đã quá cố. Sự đặc biệt đó có được là do có thiện chí, mặc dù trong quan hệ Xô-Mỹ trong thời kỳ Kennodi làm Tổng thống - nếu xem xét kỹ - hầu như không xảy ra điều gì đặc biệt lớn. Mọi thứ đều đã xảy ra như: cuộc khủng hoảng nghiêm trọng về Cuba, Hiệp định về cấm thử hạt nhân, tình hình căng thẳng xung quanh Tây Béc-lin và Hiệp định về Lào. Nói chung, quan hệ không được ổn định, luôn có dao động. Về những thu tử riêng giữa Kennodi và Khorútxốp thì ít điều được mọi người biết. Kênh liên lạc kín giữa hai vị ấy là vấn đề tuyệt mật.

Vậy gốc rễ của sự đau xót đặc biệt đó là ở đâu? Tôi nghĩ, cuộc khủng hoảng Cuba và tấn thảm kịch của cá nhân Kennodi đã giữ vai trò chính. Trong vòng một tuần, cuộc khủng hoảng nguy hiểm đó đã làm cho cả thế giới phải đứng ngấp nghe ở bờ vực thảm của chiến tranh và nhân dân hai nước ở trong tình trạng hết sức căng thẳng. Mọi người đều hoảng sợ. Sự kết thúc một cách an toàn cuộc khủng hoảng đó đã được mọi người đón nhận với sự thở phào nhẹ nhõm. Đồng thời, mọi người đã thấy rõ sự cần thiết tới mức sống còn là phải có quan hệ ổn định giữa Liên Xô và Mỹ, cho dù còn khác nhau về tư tưởng. Chính phủ hai nước cũng đã bắt đầu nhìn nhận các vấn đề đó một cách kỹ lưỡng hơn. Bài diễn văn của Kennodi tại Trường Đại học của Mỹ hồi tháng 6-1963, trong đó ông kêu gọi xem xét lại quan điểm về "Chiến tranh lạnh" đã thu hút được sự chú ý của nhiều người. Sau đó là việc ký kết hiệp định về việc cấm các cuộc thử hạt nhân và chuyển đi của Rascơ sang Liên Xô. Các cuộc nói chuyện về khả năng có cuộc gặp cấp cao Xô-Mỹ mới cũng đã bắt đầu. Tháng 10-1963 đã có một tuyên bố về việc Mỹ có ý định rút phần lớn trong tổng số 25 ngàn quân Mỹ lúc đó ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Tất cả những điều đó đã dần dần tạo ra một không khí chờ đợi từng bước sẽ có những chuyển biến tốt hơn. Chính việc ám sát Kennodi đã cắt đứt mọi sự chờ đợi đó một cách rất thô bạo, để lại một vết thương tâm lý sâu đậm trong tiềm thức của nhân dân hai nước, chưa kể đó là những tình cảm tự nhiên, rất con người, bởi vì người ta (nhất là ở Liên Xô) không muốn tin rằng vị Tổng thống trẻ, dễ thương đó bị chết trong khi còn đang tìm cách cải thiện tình hình quốc tế và quan hệ với Liên Xô. Ở Liên Xô có tin đồn dai dẳng rằng đó là âm mưu của các giới cực hữu có thể lực ở Mỹ và sự phối hợp với maphia, mà Osvandơ là công cụ của chúng. Đó cũng là kết luận ghi trong báo cáo mật của KGB được soạn thảo theo chỉ thị của Khorútxốp để gửi Chính phủ Liên Xô. "Mục đích của âm mưu là làm tăng thêm tính chất hiếu chiến và phản động trong chính sách của Mỹ".

Tôi cho rằng quan hệ giữa hai nước đã được cải thiện rõ rệt và nếu như cuộc gặp cấp cao mới năm 1964 đã diễn ra thì tình hình khả quan hơn. Cũng như Kennodi, Khorútxốp đã từng hy vọng có cuộc gặp gỡ đó, nhưng ông cũng như Tổng thống, không muốn lặp lại cuộc gặp không thành công tại Viên năm 1961. Đối với uy tín của cá nhân ông, một nhà hoạt động quốc gia, kết cục như thế là không thể chấp nhận được. Ông phải biểu dương được một kết quả nhất định tại cuộc gặp gỡ thứ hai, vì còn phải tính đến dư luận ở Liên Xô.

Do đó, ông đã chỉ thị ngầm cho Grômucô là phải từng bước chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ mới với Kennodi theo hướng đạt cho được kết quả tích cực. Grômucô cũng lại giao cho tôi thêm nhiệm vụ như thế để thực hiện trong một tương lai gần nhất.

Phải thấy rằng, việc Kennodi bị sát hại đã làm cho Khorútxốp và Grômucô bị rung động, bởi vì hai ông đã có sự hiểu biết lẫn nhau ở mức nhất định với Kennodi và đang có những hứa hẹn tốt về những hành động chung. Còn đối với Tổng thống mới thì mọi việc phải làm lại từ đầu.

Tất nhiên, khi đánh giá về kết quả của sự phát triển quan hệ Xô-Mỹ dưới thời Kennodi, trước tiên thể nào cũng có một vấn đề được đặt ra là: "Đặc điểm của sự
Số 32 (11 - 8 - 2001)



ĐẶC BIỆT TIN CẬY

- Vị Đại sứ Liên Xô ở Oasinhton
qua sáu đời Tổng thống Mỹ
Hồi ký của A. ĐÔBRUNHIN

phát triển quan hệ trong thời kỳ đó là gì và, nói chung, liệu có đặc điểm gì không?".

Phải công nhận rằng đường lối đối ngoại của Mỹ dưới thời Kennodi vẫn giữ nguyên những nét cơ bản của những năm trước, đó là đường lối đối đầu với Liên Xô. Đường lối đó sau này đã được các giới bảo thủ đứng ở đầu nguồn "Chiến tranh lạnh" tuyên truyền rất dữ dội. Họ là những kẻ chống lại một cách kiên quyết việc cải thiện quan hệ giữa hai nước.

Nhưng thời cuộc trên thế giới đã dần dần thay đổi. Cuối những năm 1950, Mỹ không còn là nước độc quyền về tên lửa hạt nhân. Trong tình hình đó, cuộc xung đột vũ trang trước hết sẽ đe dọa sự tồn tại về mặt quốc gia không những của Liên Xô, mà của cả Mỹ nữa. Sự hiểu biết về nguy cơ đó đã được thể hiện ở chỗ Tổng thống Kennodi dần dần phải thừa nhận những hiện thực khách quan đã được hình thành dưới dạng cân bằng về lực lượng tên lửa hạt nhân đã được xác lập giữa hai nước.

Xuất phát từ điều đó, Kennodi cho rằng điều quan trọng là phải kiến tạo được sự mở đầu có tính lịch cục trong quan hệ với Liên Xô nhằm ngăn chặn không để cho sự chống đối thường xuyên trở thành cuộc xung đột hạt nhân. Trong cuốn sách "Chiến lược hoà bình" của mình (được in trước khi ông lên làm Tổng thống), Kennodi đã viết: "Sự hợp tác của Liên Xô trong các lĩnh vực có cùng một lợi ích đã được lựa chọn phải nhằm vào mục tiêu đó".

Đó là thứ ngôn ngữ rất không bình thường đối với phía Mỹ trong lúc "Chiến tranh lạnh" đang còn gay gắt. Những lĩnh vực đó có thể là việc không phổ biến vũ khí hạt nhân, chấm dứt các cuộc thử hạt nhân và những vấn đề thuần túy thuộc về quan hệ song phương.

Trên quan điểm đó, Thủ tướng Liên Xô Khorútxốp, người phản biện chính của ông ta trong những năm đó, có thể sẽ ký (trên thực tế thì Khorútxốp đã chia sẻ quan điểm đó). Ban lãnh đạo Liên Xô tất nhiên là đã coi trọng việc lần đầu tiên sau chiến tranh, Oasinhton đã công nhận vai trò là cường quốc hạt nhân thế giới của Mátxcova. Không những thế, họ còn kêu gọi tìm ra những lĩnh vực trùng hợp về lợi ích. Như vậy là đã tiến gần tới "sự cùng tồn tại hoà bình" rồi.

Kennodi còn tiến xa hơn. Ông đã từng bước tung ra ý nghĩ về sự cần thiết phải duy trì hiện trạng về chính trị và chiến lược, khi mà mỗi bên đều phải tránh những hành động có thể dẫn tới những biến động lớn trong sự cân bằng lực lượng giữa Đông và Tây, gây tổn thất nghiêm trọng cho lợi ích cơ bản của phía đối phương. Kennodi đã nói lên điều đó trong cuộc gặp riêng với Khorútxốp tại Viên, cũng như với Micôian tại Oasinhton. Nguyên tắc đó, bản thân nó, xem ra thì không tồi, nhưng trong tình hình thực tế của chính sách lúc đó thì nó lại khó có thể thực hiện được. Mỹ đã tiếp tục làm tất cả những gì có thể để "kim hãm chủ nghĩa cộng sản". Liên Xô thì đấu tranh "chống chủ nghĩa đế quốc" và phấn đấu đưa những "ý tưởng của chủ nghĩa xã hội" đến tất cả những nơi nào có thể, bởi vì "tương lai là ở đó". Sự chống đối không dứt về tư tưởng giữa Liên Xô và Mỹ vẫn tiếp tục là trở ngại chính

trên con đường cải thiện một cách căn bản quan hệ giữa hai nước.

Và ở những khu vực có lợi ích sống còn như Châu Âu, cả hai nước đều không thể tiếp thu nguyên tắc duy trì hiện trạng một cách đơn giản được. Chính trong thời kỳ Kennodi làm Tổng thống, đã diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt xung quanh vấn đề Đức, đặc biệt là việc thay đổi quy chế của Tây Béc-lin. Vấn đề đó đã được Kennodi nhìn nhận khi ông nói chuyện với Khorútxốp và Micôian về hiện trạng. Nhưng ngay lúc đó, một thứ hiện trạng kiểu như thế đã không thích hợp đối với Mátxcova, vì Liên Xô đang chủ trương củng cố việc chia cắt nước Đức, đẩy các nước phương Tây ra khỏi Tây Béc-lin. Ý đồ của Khorútxốp đưa tên lửa hạt nhân vào Cuba cũng chứng tỏ rằng ông mong muốn thay đổi hiện trạng và thay đổi so sánh lực lượng chiến lược giữa hai nước.

Nói tóm lại, hiện trạng mới chỉ là "một phần".

Trong điều kiện của cuộc "Chiến tranh lạnh", cả Kennodi lẫn Khorútxốp đều khó có thể tách rời lĩnh vực quan hệ Xô-Mỹ ra khỏi các sự kiện khác, hoặc hoà cả hai mục tiêu cơ bản nhưng trái ngược nhau đã được đặt ra trong thời kỳ đó vào một đường lối chung của cả hai nước, nghĩa là vừa muốn hạn chế nguy cơ chiến tranh hạt nhân, tìm ra sự nhân nhượng, thoả hiệp, lại vừa tìm mọi cách mở rộng ảnh hưởng của mình trên quy mô toàn cầu. Tính chất mâu thuẫn đó trong quan hệ Xô-Mỹ đã phát huy tác dụng của nó trong một thời gian dài, dưới thời của nhiều nhà lãnh đạo, cả ở Cremlin lẫn Nhà Trắng.

Ở đây, những nét đặc trưng trong tình hình nội trị của cả hai nước đã giữ vai trò lớn, đôi khi là quyết định. Phải công nhận rằng, ở Liên Xô không có cuộc đấu tranh mạnh mẽ nào xung quanh các vấn đề quan hệ Xô-Mỹ. Đường lối hoà dịu nhìn chung vẫn được nhân dân trong nước ủng hộ.

Điều này lại không thể nói được về nước Mỹ. Sau cuộc khủng hoảng Cuba, sự phân hoá lực lượng trong xã hội Mỹ đã diễn ra khá mạnh. Những bất đồng công khai về các vấn đề chính sách đối ngoại và quan hệ với Liên Xô đã tăng lên. Cả hai nước vẫn tiếp tục tăng cường sức mạnh hạt nhân và sức mạnh quân sự nói chung. Các chiến dịch tuyên truyền không thân thiện đã thường xuyên bùng lên từ hai phía, nhất là vấn đề quyền con người và việc di cư của người Do Thái.

Tất cả những điều đó, ở chừng mực này hay chừng mực khác đã gây nhức nhối cho quan hệ Xô-Mỹ đến tận giữa những năm 1980, khi có những đột phá lớn về các hiệp định liên quan tới vũ khí hạt nhân và vũ khí thông thường, góp phần làm cho các quan hệ đó được ổn định ở mức nhất định.

Từ góc độ của ngày hôm nay, tức là của những năm 1990, ta bắt giác đi đến kết luận - nếu nói cho nó nhẹ bớt - về sự thiếu suy nghĩ trong hành động của các đại cường quốc, trước hết là Liên Xô và Mỹ và Chính phủ hai nước. Đã bao nhiêu tỷ tỷ đô-la và rúp đã bị cả hai nước chi dùng trong vòng 30 năm đó, biết bao nhiêu cuộc khủng hoảng kinh tế nguy hiểm đã trải qua kèm theo sự gia tăng nhanh chóng về tiềm lực tên lửa hạt nhân của cả hai nước để rồi cuối cùng, vào đầu năm 1993, giữa Mỹ và Nga lại ký được hiệp định có ý nghĩa sâu xa về việc tiếp tục giảm hai phần ba lực lượng tiến công chiến lược của họ, tức là trở lại bằng số lượng của thời kỳ Kennodi - Khorútxốp. Người ta tự hỏi, đã cần ngần ấy hy sinh, mất mát và hao tổn ngần ấy tiền của là nhằm mục đích gì, để rồi, sau khi đã trải qua cả một đoạn đường dài và tốn kém, lại trở về nơi mà họ đã xuất phát?

Rõ ràng, dưới thời Kennodi và Khorútxốp, không ít những cơ hội để rút ngắn con đường đó đã bị bỏ qua. Cũng có thể nói như thế về các năm tiếp theo, khi mà những tham vọng về tư tưởng có tính đế vương của cả hai nước, của những người nối tiếp nhau trị vì ở Cremlin và Nhà Trắng đã kìm hãm một cách có hiệu quả quá trình đó. Đã mất gần một phần ba thế kỷ hai bên mới thuyết phục được nhau về tính chất tội lỗi và chết người của cuộc "chiến tranh lạnh", về sự cần thiết phải chấm dứt cuộc chiến tranh đó và chuyển sang tìm kiếm sự hiểu biết lẫn nhau, sự hợp tác và tương tác.■

TRỊNH TRANG dịch

Do yêu cầu phải dành đất cho việc thông tin những vấn đề khác, sau số báo này, Văn nghệ tạm dừng đăng tải tư liệu nhiều kỳ ĐẶC BIỆT TIN CẬY. Hẹn tái ngộ với bạn đọc vào dịp tới.



Giả thuyết về sự bức tử - một đời
hỏi của thời cuộc?

NHƯNG năm gần đây trên báo chí xuất hiện nhiều giả thuyết khác nhau khẳng định đường như Xenia bị bức tử. Một số người cho rằng tại phòng số 5 khách sạn "International" (trước đây là Angleter) ở Xanh-Pê-téc-bua, nơi nhà thơ đến ở, lúc đầu ông bị đánh đập dã man làm gãy ba xương sườn, vỡ thận và gan, và sau đó bị treo cổ trong trạng thái bất tỉnh.

Giả thuyết thứ hai. Các hung thủ để Xenia xuống đi-văng và dùng báng súng lục nện vào trán, tạo thành một vết lõm, sau đó chúng quấn ông vào tấm thảm, định kéo ra ban-công để thả xuống và chôn đi. Nhưng khóa cửa bị kẹt, lúc bấy giờ chúng ngồi bù khú với nhau trong phòng, rồi kéo thì thể trở lại, cắt dây trói để đuổi thẳng tay phải lạnh công của nhà thơ và treo cổ ông (Quả thật, trong ảnh tay phải bị cong ở khớp khuỷu, trên đó có một vết thương).

Nữ thi sĩ N.Xidôrina còn đi xa hơn, khi tuyên bố rằng Xenia bị bắn. Nhưng bắn vào đâu thì bà không cho biết. Thật kỳ lạ, tất cả những giả thuyết khá mâu thuẫn với nhau này đều cùng dựa trên những tư liệu quen biết: biên bản khám xét nơi xảy ra tai nạn do giám sát viên khu vực thuộc phòng cảnh sát số 2 của thành phố Leningrad N.Gorbôp lập, biên bản pháp y khám nghiệm tử thi của giáo sư Giliarepxki, các bức ảnh và khuôn mặt đúc của nhà thơ sau khi chết. Cần phải nhấn mạnh rằng những người tình nguyện khám phá bí mật cái chết của Xenia chủ yếu là các nhà thơ, nhà báo, bác sĩ, nhà triết học, nhà giáo, thậm chí nhà sinh lý bệnh và dự thẩm viên. Nhưng lĩnh không có một chuyên gia pháp y hay hình pháp học nào.

Tất cả điều đó thúc giục Ủy ban Xenia toàn Nga yêu cầu Phòng giám định pháp y của Ủy ban bảo vệ sức khỏe Thủ đô Mátxcova thành lập một Ban điều tra nguyên nhân cái chết của nhà thơ. Về sau tham gia vào công việc này còn có các chuyên gia của Bộ y tế Liên bang Nga và các cơ quan khác, cũng như các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực pháp y.

Thực nghiệm điều tra.

Biên bản khám xét nơi xảy ra tai nạn do N.Gorbôp lập ra một cách sơ sài, với một trình độ nghiệp vụ rất thấp, không mô tả hiện trạng cụ thể phòng, ổ khóa, những biến đổi của tử thi...

Theo biên bản này, thì thể Xenia treo ngay dưới trần nhà - đây là một cái có cho nhiều nhà nghiên cứu nghi ngờ về việc nhà thơ tự tử, vì theo họ, chiều cao của trần nhà là 4-5 mét. Xenia

không thể tự vươn cao như vậy, bởi kích thước của cái đế bị đập đổ dưới chân ông là 1,5 mét, còn chiều cao của nhà thơ là 168cm.

Chỉ còn cách xác định chiều cao thực tế của trần nhà. Vấn đề này trở nên phức tạp vì khách sạn "Angleter" được xây dựng lại năm 1986. Tuy nhiên vẫn còn bức ảnh chụp căn phòng số 5 với dòng chữ ghi ở mặt sau: "Ngày 18-5-1926, phòng số 5, khách sạn "Angleter", nơi Xenia đã sống và qua đời". Bức ảnh được chụp qua cửa ra vào mở rộng, thấy rõ cái ống dẫn nước lộ suối đứng thẳng, nền nhà, tấm thảm lót sàn, một khoảng trần nhà, bàn viết, ngọn đèn, chiếc ghế, tủ đựng quần áo.

Bức ảnh được chuyển cho các nhà hình pháp học và bằng nghiệp vụ tính toán của mình, họ xác định được chiều cao của trần nhà không quá 352 cm!

Nhưng vẫn còn một chứng cứ "xác đáng" nữa của những người ủng hộ giả thuyết Xenia bị bức tử. Cụm dự thẩm viên E.Kholuxtalốp viết rằng không thể buộc sợi dây vào một cái ống đứng thẳng, dưới sức nặng của cơ thể nhất

nặng trình trích, tai ù đặc và một nỗi buồn chỉ tử. Nhưng cái chính là ngay từ giây đầu tiên đã muốn vút dây thông lưng và... không của quây được ngay cả ngón tay. Vấn đề ở chỗ, khi bị ngạt thở thì các cơ cũng kiệt sức. Ngay cả khi một người treo cổ trên tay nắm cửa, anh ta cũng không đuối thẳng được đầu gối, vì thể hình dạng dây thông lưng không có vai trò gì.

Giám định theo các khuôn mặt đúc.

Gây ra nhiều giả thuyết nhất là dòng chữ trong biên bản: "Ở giữa trán có một vết lõm dài 4 cm, rộng 1,5 cm". Chính giáo sư Giliarepxki đã giải thích nó là sự biến động khí áp trong hộp sọ lúc bị ngạt thở. Một số tác giả giải thích vết lõm là do nhà thơ bị đánh bằng báng súng lục, bàn là hay một vật nặng nào đó "với một lực khủng khiếp". Tiếp theo là những lời khẳng định rằng hộp sọ bị vỡ. Thậm chí họ còn thấy 20 gram máu não tràn ra qua vết nứt. Mà như vậy thì chắc chắn là nhà thơ bị chấn thương sọ não rồi!

Theo biên bản khám nghiệm tử thi

lọng đã thít chặt các bộ phận ở cổ. Ông có thể tự treo cổ ở độ cao trần nhà như vậy. Vật để thắt cổ là một sợi dây chú không phải đai buộc va-li. Không có những vết thương sâu ở tay. Trên trần nhà thơ là dấu hằn của ống nước. Có thể nói chắc chắn rằng trên cơ thể Xenia không có những dấu vết biểu hiện sự chống cự hay tự vệ. Đứng như kết luận của chuyên gia có kinh nghiệm Giliarepxki: "Xenia chết do ngạt thở bởi các cơ quan hô hấp bị thít chặt lúc treo cổ".

Xin lưu ý rằng các thực nghiệm được tiến hành với sự có mặt của công tố viên kiêm nhà hình pháp học thuộc Viện Kiểm sát tối cao Liên bang Nga V.Xôlôviốp (ông chính là người đã tham gia khám nghiệm các hộp sọ của gia đình Nga hoàng).

Nhà thơ "bị giết" bằng mọi giá.

Tuồng như trong vụ án Xenia đã có thể đặt dấu chấm hết. Nhưng các giả thuyết về một vụ giết thuê vẫn tiếp tục được nhân lên. Người ta kết tội khi thì Erlich, khi thì Ia. Blumkin (mặc dù vào những ngày đó ông ta không có mặt ở

KẾT LUẬN CỦA CÁC NHÀ CHUYÊN MÔN VỀ CÁI CHẾT CỦA X.XENIA

Nhà thơ Nga vĩ đại Xecgây Xenia qua đời cách đây đã 76 năm, nhưng từ đó đến nay có một câu hỏi luôn luôn đặt ra đối với các nhà nghiên cứu và tất cả những ai quan tâm tới thơ ca và cuộc đời Xenia: Nhà thơ tự nguyện từ bỏ cuộc sống hay ông bị bức tử? Trả lời câu hỏi đó là ý kiến của giáo sư Aléxandơ Maxlôp, chủ nhiệm bộ môn pháp y thuộc Học viện y khoa Mátxcova mang tên I.M.Xechenôp, một trong những thành viên của Ban điều tra nguyên nhân cái chết của Xenia, tác giả cuốn sách: "Cái chết không đặt dấu chấm hết".

định nó sẽ bị tuột xuống. Để khẳng định ý kiến của mình E.Kholuxtalốp đã nhắc lại thực nghiệm do các sinh viên Trường viết văn tiến hành tại khách sạn "Angleter" lúc nó còn nguyên vẹn: Sợi dây buộc vào cái ống thẳng đứng bị tuột xuống dưới bằng một cái giật tay.

Và mặc dù thực tiễn pháp lý chứng minh rằng có thể treo cổ không chỉ trên một cái ống tương tự, mà ngay cả trên tay nắm cửa, thành ghế, chúng tôi buộc phải làm các thí nghiệm đặc biệt: một người cao 169 cm lần lượt buộc những sợi dây bền dày từ 0,6 đến 1,0 cm vào những cái ống sơn màu dầu có đường kính khác nhau. Cuộn sợi dây từ 1 đến 6 vòng và thắt rất chặt bằng nhiều nút, anh ta cố kéo giật sợi dây xuống theo phương thẳng đứng nhưng vô hiệu. Mà đầu kia của sợi dây buộc một khối lượng nặng hơn 100kg.

Một số người tin chắc rằng Xenia bị treo cổ nhưng không phải bằng cái đai buộc va-li, họ cho rằng đai buộc va-li không thể thắt cổ chết. Có thể, trong trường hợp này là một sợi dây, và trong biên bản khám xét ghi rõ: "Khi cởi sợi dây ra khỏi thi thể...!". Trong biên bản pháp y khám nghiệm tử thi cũng viết rằng có một rãnh hằn rộng bằng đường kính chiếc lồng ngỗng - nghĩa là dù sao vẫn có một sợi dây. Chu vi của nó "đọc được" khi quan sát dưới kính hiển vi các bức ảnh của nhà thơ chụp trong nhà xác.

Liệu có thể thoát ra khỏi dây thông lưng?

Những người ủng hộ giả thuyết Xenia bị sát hại bản khoản rằng dây thông lưng không thít chặt toàn bộ bề mặt của cổ - rãnh hằn đi chệch từ dưới lên và không khép kín. Xin thưa, khi thắt cổ rãnh hằn luôn luôn như vậy, vì một đầu dây buộc vào cột, ở đây là ống nước, còn đầu kia bị kéo xuống bởi sức nặng của cơ thể, và vị trí này của cổ bị thắt mạnh nhất.

Nhưng liệu Xenia, như một số nhà nghiên cứu nhận xét, có thể thoát ra bất kỳ lúc nào khỏi dây thông lưng không? Xin trả lời là "không". Khi tìm hiểu hiện tượng ngạt thở, hai giáo sư pháp y, Minôvich ở Rumani và Photeikhoman ở Đức, đã tiến hành các thí nghiệm trên bản thân mình: các trợ lý đã treo cổ họ bằng một sợi dây dầy mềm, hơn nữa, Minôvich đã chịu đựng được gần 26 giây trong dây thông lưng! Các nhà khoa học cảm thấy đau khủng khiếp ở cổ, đầu

thì rõ ràng là xương sọ của Xenia không bị tổn thương và không có một vết nứt nào. Nhưng các "nhà điều tra" nghi ngờ tính trung thực của Giliarepxki. Lúc bấy giờ các nhà giám định pháp y buộc phải nghiên cứu 5 khuôn mặt đúc của Xenia sau khi chết và xác định được rằng vết lõm "hình vòng cung" chỉ sâu chừng 0,4 - 0,5 mm (đó chính là độ dày của da) và các xương sọ không bị tổn thương cơ học. Như vậy, ở đây chúng ta gặp phải dấu hằn của ống nước, vì cái nút của dây thông lưng nằm bên trái, còn đầu nằm bên phải nên lúc nhà thơ chết tràn tụy vào ống nước.

Sao lại có chuyện "chảy máu"?

Giả thuyết cho rằng lúc đầu Xenia bị cắt ven rồi sau đó đem treo cổ thường gặp ở nhiều người. Rõ ràng, khi khám xét hiện trường cảnh sát khu vực đã phát hiện ra một vết đứt trên tay phải, khoảng giữa khuỷu tay và bàn tay, và trên bàn tay trái có những vết xước. Kholuxtalốp nghi vấn: liệu có thể vừa cử động cánh tay vừa buộc dây vào ống nước và kéo đổ gỗ trong lúc "máu đang chảy" như vậy? Qua kính nghiệm thực tế, tôi có thể nói rằng khi ven, động mạch bị của người ta không thể làm được điều đó. Nhưng sao lại có chuyện "chảy máu" ở đây? Chính trong căn phòng người ta không phát hiện ra vết máu, và các biên bản cũng ghi rằng các vết thương đều rất nhẹ và không xuyên thủng da. Nghĩa là, ven của Xenia không bị của. Qua các nguồn khác nhau chúng ta biết rằng trong đêm 26 rạng ngày 27-12-1925 Xenia có làm thơ, nhưng không tìm thấy mực trong phòng nên đã quyết định viết thơ bằng máu và đã rạch tay mình. Các chuyên gia của chúng tôi đã xác định được nét chữ của Xenia và bài thơ tuyệt mệnh "Tạm biệt nhé, bạn ơi, tạm biệt" (*) được viết bằng một lượng máu... không quá 0,2 ml. Hơn nữa, trong biên bản người ta xác nhận rằng các bộ phận của cơ thể nhà thơ vẫn đầy máu.

Giả thuyết cho rằng hình như trước khi chết Xenia được cho ăn uống thoải mái cũng không có cơ sở. Khi xét nghiệm dạ dày nhà thơ chỉ tìm thấy 300 ml thức ăn và mùi cồn nhẹ. Qua hồi ức, chúng ta biết rằng khi đến Leningrad Xenia chỉ mua có 6 chai bia.

Bị ngạt thở như đã kết luận trước đây.

Vậy là, Xenia chết do bị ngạt thở - dưới sức nặng của cơ thể dây thông

Leningrad) đã gây ra cái chết của nhà thơ. Tuồng như bên cạnh khách sạn "Angleter" có một nhà tù, nơi Xenia bị đánh đập, tra tấn sau đó kéo lê dọc hành lang để dựng lên một vụ treo cổ giả. Nhưng cơ sở của giả thuyết đó là gì, nếu không phải là những xúc cảm?

Biến minh cho giả thuyết về việc nhà thơ bị sát hại, các tác giả cho rằng một khi Xenia đã viết "Người ta chờ anh về với sợi dây thắt cổ" thì nghĩa là bọn giết người có lý do tốt để nguy trang. Vâng, trong thơ Xenia đã nhiều lần vang lên motif chán đời, yếm thế. Có bằng chứng về việc trước đó ông đã định treo cổ. Nhưng tôi không nói tới khía cạnh tâm lý của con người quả là thiên tài này. Trong công việc của mình chúng tôi phải căn cứ vào các dữ kiện và loại bỏ bất cứ những cái "chắc có thể" nào.

Chúng ta đã quen với cái chết đến mức lúc nào cũng nhìn thấy máu. Nhưng có sao cứ phải tiếp tục "giết" Xenia bằng mọi giá như vậy, với những cụm từ "thủ tiêu", "tàn sát dã man của con trung thành của nước Nga"? Vì rằng ông đúng là một nhà thơ Nga, mà giáo hội, nói một cách nhẹ nhàng, không hoan nghênh việc tự tử. Thậm chí hiện nay có kẻ đề nghị khai quật thi thể nhà thơ: Giáo hội không phản đối, mặc dù trong một quốc gia văn minh vấn đề đó thường là do các cơ quan tư pháp quyết định. Và cái gì còn lại từ thi thể nhà thơ sau gần ấy năm trôi? Đã muộn rồi. Hãy để cho vong linh nhà thơ yên nghỉ!

Và về chúng tôi cuối cùng của những đồ vật theo giả thuyết Xenia bị sát hại. Nhìn vào bức ảnh Xenia sau khi chết, nữ thi sĩ Xidôrina viết: "Ở những người tự tử không có nét mặt như vậy". Nói chung, ở thi thể không có nét mặt, cho dù lúc sống mặt có bị biến dạng vì sợ hãi đến mức nào; sau khi chết các cơ trở về trạng thái yên tĩnh - từ đây mới có câu nói "an giấc ngàn thu". Nếu có thể xác định được nguyên nhân cái chết qua nét mặt thì có lẽ công việc của chúng tôi không cần thiết nữa. ■

TRẦN HẬU

(Theo Verxia, số 25, 10 - 16-6-2001)

(*) Bài thơ cô hai câu kết nổi tiếng: "Trong cuộc đời này chết không có gì là mới / Nhưng sống trên đời cũng chẳng mới gì hơn"

Lời cảnh báo: Đánh mất đi văn hoá nghệ thuật, nền văn minh sẽ quay trở lại sự man rợ :

"THỜI CHẤN" HAY SỰ KHÓ KHĂN CỦA NGHỆ THUẬT

TRONG thời gian ẩn cư, nhà văn đương đại nổi tiếng của Mỹ Kurt Vonnegut vẫn hết sức quan tâm lo lắng đến tiến độ của văn học. Trong tác phẩm gác bút của mình ông đã sử dụng bút pháp hài hước để mô tả hiện trạng chính của tiểu thuyết (*Thời chấn*, 1977). Đó chính là khu vườn văn học nghệ thuật của Mỹ, là toà lâu đài kỳ văn học nghệ thuật tượng trưng, là toà thánh cô độc. Nhân vật chính của tiểu thuyết mà nhà văn đặc tả là một ông già điên khùng. Tác phẩm được khắc hoạ nên thông qua việc miêu tả một cách hài hước "Thánh đường văn học" và trạng thái tinh thần, hành vi của các nhà văn, thể hiện sự xuống cấp của văn hoá nghệ thuật và văn hoá con người trong xã hội thương mại. Vonnegut đã khiến cho người đọc "tủ tin cho là thật" đối với câu chuyện của mình, từ đó thông qua việc tưởng tượng đến nguy cơ văn hoá bị ô nhiễm. Ông mô tả một cách thị giác hoá các khái niệm trừu tượng khiến cho người đọc không thể không chấp nhận sự hoang đường đang tồn tại.

Mở đầu tiểu thuyết, Vonnegut nhắc tới Hemingway và tác phẩm *"Ông già và biển cả"*. Ông khái quát lại câu chuyện: Một ngư dân Cuba 84 tuổi, ròng rã sau bao ngày không bắt được tí cá nào, cuối cùng đánh được một con cá cực lớn. Sau khi giết chết cá ông buộc bên mạn thuyền và chèo vào bờ, nhưng thuyền chưa tới bến thì con cá khổng lồ, chiến lợi phẩm vĩ đại của ông đã bị lũ cá mập rĩa hết thịt, chỉ còn tro khác bộ xương "Tôi hỏi cảm tưởng của một ngư dân về

câu chuyện này. Ông ta trả lời rằng nhân vật chính của tiểu thuyết thực ra là một kẻ ngốc, lẽ ra ông ta nên cất lấy những phần tốt nhất của con cá và cất nó vào tủ lạnh, phần còn lại mới để cho lũ cá mập chứ".

Vonnegut rất mau chóng sửa đổi được cách lý giải của ngư dân nọ: "Con cá mập xuất hiện trong đầu của Hemingway có thể là các nhà phê bình". Chúng ta chỉ cần cách nào để chứng thực rằng Hemingway (ít nhất là trong tiềm thức) phải chăng có suy nghĩ ấy. Nhưng đem *"Ông già và biển cả"* đặt trong cái khung khuôn định trước của Vonnegut mà đọc, thì không chỉ bản thân thấy khai mở thêm nhiều vấn đề mà còn cảm thấy như nó thực sự mới hoàn toàn. *"Ông già"* rõ ràng là nhà văn, trong cái nghịch cảnh của lũ cá mập, đương nhiên là phải có tranh đấu. Kết quả lao động mà ông dành được, đó là thành quả nghệ thuật tượng trưng - *Con cá*. Nó đã bị lũ "Cá mập" hung ác rĩa róc cho đến tận xương tủy. Hối đó cả khoảng thời gian dài Hemingway không xuất hiện bản tác phẩm nào tương tự, điều đó dẫn đến việc người ta công kích và nghị luận về ông đủ kiểu. Và vì thế trong tác phẩm tiểu thuyết đầy ắp không gian tưởng tượng và nhiều cách suy tưởng này của mình Vonnegut tha hồ biểu đạt mọi tư duy của riêng mình.

Trong lời tựa của cuốn sách này, Vonnegut nói: "Cái con cá to nhưng thối không thể ngủ được của tôi ấy được đặt tên là *THỜI CHẤN* (Chấn động thời gian)". Thực ra dùng cụm từ "Thối không thể ngủ được", tác giả đã quá khiếm

tốn. Hai bộ tiểu thuyết trước của ông là *"Râu xanh"* in năm 1987 và *"Lời nguyện"* in 1990 cũng khiến người ta hoài nghi y như với Hemingway, và cho rằng ông chẳng có tài cán gì cả. Mười năm sau khi in *"Chuông nguyện hồn ai"*, Hemingway cũng không cho ra đời tác phẩm mới nào cả. Mãi đến 1950 cuốn *"Qua sông vào rừng"* của ông lại nhận được sự rùng lẫm đậm của người đọc và sự đánh giá thấp của giới phê bình văn học.

Tình trạng của Vonnegut giống hệt như Hemingway. Nhưng tác phẩm ưu tú được công nhận như *"Tiếng tàn sát thứ năm"* hay *"Chiếc nôi của mèo"* đều là thành tựu của 20 năm trước. Sau khi cũng bị lũ "cá mập" tấn công dữ dội ông mới viết bộ tiểu thuyết này.

Vonnegut đã ngoài 70, vị "lão nhân" này một mình chèo chống con thuyền nhỏ cô độc, khó khăn gian khổ vượt qua đại dương - Một xã hội thương mại cạnh tranh bất chấp hết thảy. Nhưng tình thế mà ông đối diện càng thêm nguy hiểm chỉ vì không phải là con cá ngừ trước lũ cá mập nữa mà là sự uy hiếp của cả một xã hội đối với văn học nghệ thuật. Nguy cơ văn hoá trong ý thức của nhà văn, giống như đại dương gào thét, muốn nuốt chửng cả người lẫn thuyền. Nguy cơ mà từng cá nhân của mỗi người làm công tác nghệ thuật cảm thấy nằm trong phạm vi văn hoá "đối trụy, hiểm nguy" ở toàn xã hội. Và từ đó họ được kích thích hoá.

Sau khi xuất bản *"Thời chấn"*, trong một lần trả lời phỏng vấn Vonnegut nói: "Tôi không thể nào viết thêm một cuốn



库尔特·冯内古特

sách nào nữa, tôi khẳng định điều đó. Tôi đã chán ngán rồi". Vị tác gia này, người được vinh dự "bàn luận đến nhiều nhất" sau Hemingway ở Mỹ đã sáng tác 14 bộ tiểu thuyết dài, 4 tập truyện ngắn, tuý bút và 1 tập kịch bản, đều rất nổi tiếng. *"Thời chấn"* ra đời lập tức có tiếng vang dư luận. Tiếng khen như diều. Và Vonnegut xuất hiện, cùng với tiếng vỗ tay như sấm nổ, ông cảm tạ quan chúng và hạ màn. Điều này cũng nói lên rằng ông vô cùng trân trọng thanh danh nghệ thuật của bản thân. Do lượng phát hành khổng lồ của *"Thời chấn"* nên tác giả hoàn toàn có thể yên tâm để tuyên bố gác bút. Và cũng do sự thực "gác bút" này nên cuốn sách lại càng được người ta chú ý.

Trong cuộc sống văn học đầy thử thách và nhiều vấn đề nan giải hiện nay, Vonnegut đã đưa ra một sự khiêu chiến đối với văn học truyền thống, hay nói một cách khác đó là sự thách thức. Về ý nghĩa mà nói, *"Thời chấn"* chính là sản phẩm của hoàn cảnh văn hoá, vừa là bức khắc hoạ hoàn cảnh văn hoá.

TUẦN LINH dịch

(Theo báo Văn hoá thế giới 6-2001)

NHÀ VĂN PHÁP THỜI NAY

(Suy nghĩ của Nhà văn Antoine Compagnon, giáo sư văn học của trường Đại học Paris IV - Sorbonne)

Nếu như trước đây các tác phẩm văn học Pháp có rất nhiều độc giả thì ngày nay nó không còn được coi là cái "bầu" văn hoá nữa. Sự suy sụp này càng đáng lo lắng hơn khi xuất hiện Internet.



Antoine Compagnon

NẾU nhìn vào tên tuổi các nhà văn hàng đầu hoặc bảo ai đó kể tên một vài nhà văn lớn, hẳn là rất ít trong số những người có danh tiếng được kể ra còn sống. Các nhà văn giờ đây viết chỉ để giải trí. Vai trò xã hội của họ hiện nay rất mờ nhạt. Họ đã trở thành những người ca sĩ tạp diễn, chẳng muốn đi sâu vào một chủ đề nào nhất định.

Điều đáng ngạc nhiên nhất trong nền văn học Pháp đương đại là các vấn đề xã hội bức xúc ít được đề cập đến. Trước đây, một trong những chức năng của văn học là hướng độc giả tới các vấn đề quan trọng trong đời sống xã hội. Nay, người ta có cảm giác các nhà văn đang tỏ ra thận trọng. Họ phải chịu sức ép từ nhiều phía. Rất ít nhà văn Pháp có thể truyền tải vào các tác

phẩm của mình các chuẩn mực xã hội.

Ngày nay, vị trí của văn học đang bị suy giảm, nó ít có khả năng ảnh hưởng đến văn hoá. Tôi nói như vậy là không hề có thành kiến. Chúng ta đang sống trong một giai đoạn chuyển đổi: Văn học đã từng là lối vào được ưu tiên của nền văn hoá trong một thời gian dài. Điều này đã luôn đúng ngay cả khi điện ảnh và vô tuyến truyền hình ra đời. Nhưng giờ đây, tình hình đã đổi khác. Chúng ta đang chứng kiến những thay đổi lớn khi xuất hiện các phương tiện truyền thông mới, mà đặc biệt là mạng Internet.

Cùng với sự ra đời của mạng Internet, cách nhìn nhận nhà văn như một người có quyền đã trở nên lạc hậu. Khi Cách mạng Pháp thành công, quyền tác giả đã được luật pháp bảo vệ. Nhưng đạo luật này rất khó áp dụng đối với các phương tiện truyền thông mới. Ngày nay, người ta có thể sao chép mọi thứ, copy mọi thứ. Địa vị của một nhà văn bị giới trẻ coi là lực cản tự do ngôn luận, tự do thông tin. Giờ đây một nhà văn được nhìn nhận như một "người cung cấp ngôn từ". Một người cung cấp ngôn từ cũng có thể có độc giả của mình nhưng liệu đó có còn là một NHÀ VĂN theo đúng nghĩa của nó hay không? Chẳng thể chắc chắn rằng trên Internet, họ sẽ có được độc giả thực sự. Trước đây, điều làm nên một tác giả chính là bạn đọc. Nếu mỗi nhà văn trở thành độc giả của chính mình trên mạng Internet thì Internet sẽ trở thành một nhà xuất bản khổng lồ vì lợi ích của các tác giả. Điều này đồng nghĩa với việc ta đang quay lại cái điều mà suốt thế kỷ XX vừa qua ta đã cố tránh, đó là viết cho chính mình. Bây giờ người ta lại cho xuất bản những *Hối ức* của thế

hệ trước đã viết cho người thân ruột thịt. Tôi chẳng đọc cuốn nào và tôi không chắc rằng những người yêu văn học sẽ đọc chúng. Chính độc giả đã biến nhà văn thành những "người cung cấp ngôn từ".

Từ nền Cộng hoà thứ III, trường phái siêu thực kế thừa từ vai trò tiên phong vừa mang tính văn học vừa mang tính chính trị đã khiến ta thay đổi cách nhìn nhận về địa vị của nhà văn. Nhưng giờ đây nó chẳng có tính tiên phong văn học, hình ảnh của chính trị lại xuất hiện rất ít. Dù theo đảng phái nào, các nhà văn già vốn luôn đi sát phản ánh đời sống chính trị đã không còn nữa, các nhà văn trẻ thì chẳng quan tâm gì đến lĩnh vực này. Có thể nói cuốn *Các hạt cơ bản* (Les particules élémentaires) của Michel Houellebecq là một trong những cuốn hiếm hoi có đề cập đến những sự kiện hấp dẫn như sự chuyển biến của xã hội, sinh sản hữu tính... nhưng phong cách viết lại thiếu sức cuốn hút.

Hiện nay, rất nhiều nhà văn Pháp viết như thể chưa từng có một lịch sử văn học từ hàng trăm năm. Họ đoạn tuyệt với Nathalie Sarraute, Marguerite Duras và Marcel Proust. Mới đây, tôi có đọc *Những mảnh đời nhỏ nhoi* (Les vies minuscules) của Pierre Michon. Rất trau trốt nhưng hoàn toàn không phải là một tác phẩm văn học hiện đại. Nó được viết như thể Proust và tiểu thuyết mới chưa từng tồn tại vậy.

Thành công chớp nhoáng của một nhà văn là bằng chứng của một tác phẩm ít giá trị. Độc giả không hề ngây thơ nhầm lẫn về một sự thành công chớp nhoáng, cái đó chỉ để giải trí thôi. Người ta có thể đọc các tác phẩm trong khi nghĩ đó chỉ là thứ văn học công nghiệp, hay như Saint Beuve nói, đó là thứ văn học tiêu thụ, thứ văn học mà các tác giả chẳng quan tâm đến việc tác phẩm của mình có được đọc trong 10 năm tới hay không. Thế là chẳng còn người định hướng, chẳng có người cầm cờ cũng chẳng có những nhà văn tâm huyết với thời cuộc. Những nhiệm vụ này giờ đã bị lãng quên.■

NGÔ VŨ

(theo Lire)

vn.13

"Phú quý sính lễ nghĩa"

Ghi chép của NGUYỄN CÔNG VIỄN

Cả xã cả xóm, cả họ hàng đều cho cái chết của cụ tôi là kỳ dị! Sự kỳ dị ấy tuy theo ngẫu hứng của từng người. Kể nói ngang người nói dọc, lại có đứa độc mồm độc miệng bảo chết như thế là chết nhục! Lúc đầu anh em nhà cụ chẳng thèm chấp. Nhưng "miệng dân sông bể" cứ sao sao... Vậy nên, mặc dù là thằng cháu ngoại bốn đời, tôi vẫn cứ phải thay mặt ông bà mình thưa với bản dân thiên hạ thế này:

Cụ tôi sinh năm hai tám (1928), tuổi Mậu Thìn. Về với tiền tổ năm ngoài, năm Canh Thìn, thọ bảy ba tuổi; thuộc lớp người xưa nay hiếm, hết chỗ chôn! Ngặt vì đường đời vất vưởng, các kính sinh ra cụ nghèo tới mức nhà nhất gian nhị mái, quần mảnh vá mảnh chằng, quanh năm cơm sắn độn ngô, chỉ chiếu ba mươi Tết mới thấy mặt miếng thịt. Có năm lạ bụng, ăn vào đi tổng tang; hơn chả bỏ hao. Nhưng khi cụ tôi mười chín đôi mươi thì cảnh ấy không còn nữa. Cảm giác thêm một mùi cơm thời niên thiếu cứ đeo đẳng cụ hoài. Cụ thường bảo con cháu: "Ăn bát cơm dẻo nhớ nẻo đoạn đời". Càng ngẫm cụ càng ơn cái thời dân chủ. Cụ tôi sinh hạ được ba ông hai bà. Ông cả sinh năm bốn tám (1948) bà út sinh năm năm tám (1958). Các ông bà tôi đều thuộc thế hệ "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào", nhưng không trực tiếp cầm súng mà là cầm bút bên Âu Tây, khi đất nước thanh bình mới trở về và bây giờ đều là "ông nọ bà kia" nơi thành phố, hải cảng, xa nơi chôn nhau cắt rốn.

Các cụ ta xưa có câu "Trẻ cây cha, già cây con". Vậy nên từ ngày cụ bà tôi mất, hơn chục năm nay, cụ ông bỏ quê đi theo con cháu. Các ông tôi chia nhau nuôi cụ như nhà quê chia *phen* trâu; chỉ có khác không phải đất mũi đi trả như trâu chân trâu cày.

Mỗi *phen* của cụ tôi một đến hai tháng, khi cụ mạnh chân khỏe tay, lau cho con cháu được gian của gian nhà thì mỗi *phen* hai tháng. Khi vắng đầu râu trán, mỗi tháng một *phen*. Mà chia *phen* cũng chỉ chia cho ba ông, còn hai bà tôi là phận gái nên chỉ đóng quà, viên thuốc, chén thang. Chúng tôi ở quê muốn đi thăm cụ cứ phải phôn lên xem ngày ấy tháng ấy cụ đến *phen* ai!

Cụ tôi đi với các ông nhưng không bán đất bán nhà ở quê. Nhà cụ tôi có mặt tiền giáp đường liên tỉnh dài mười ngũ chín gang, rộng ba gang hai chục ngũ. (Mỗi ngũ mười gang, mỗi gang hai mươi phân tây). Có thể làm được năm cơ ngơi mặt tiền bốn mét, đóng vàng đồng bạc chú có chơi đâu. Chính vì lẽ đó mà mấy bà con gái cụ tôi không trong diện chia *phen* nuôi cụ. Đã bao lần bà cháu cả gọi ý cụ tôi bán quách cho xong. Cụ tôi chỉ cười, cái cười mang nhiều hàm ý của người già. Ấy vậy mà bà cháu cả chả hiểu gì. Về sau cụ tôi phải nhân công bằng cách rí tai người làng lên thăm rằng:

"Ai ơi giữ lấy tuổi già"

"Của nhà mà bán ắt là trắng tay!"

Nghe cụ tôi ồm ồm vậy, bà cháu cả điên lên, bà thách đố ông chồng: "Đấy rồi xem, bỏ chết để chả không rom!". Ông cả tôi im thin thít. Thế có cù lẩn không chứ!

Đùng cái, tháng Giêng năm ngoài cụ tôi đổ bệnh. Không phải các bà cháu mong cụ tôi sớm quy liên đầu nhà. Bởi vì, ngoài việc thuốc thang tẩm bổ cho cụ, các bà còn mời thầy pháp tới xem ngày sống tháng chết và chém vía cho ngài. Thấy pháp hươ hươ ngon nhang lên không trung, tay bấm đốt, môi lầm nhảm rồi bắt thần tẩm được con tà. Thấy dùng phép bùa trói nó vào hòm đá, lấy roi đầu quất vun vút một hồi. Lúc lâu nó khai qua miệng thấy: "Thất nguyệt nhị thiên lai tiên vấn!". Nghĩa là cụ tôi sẽ về vấn an tiên tổ vào tháng bảy năm hai ngàn. Mắt bà cháu cả sáng lên. Nhưng khi thấy bảo cụ tôi phải nằm liệt giường, thối tha ra dơ sấu, bảy tháng liền thì mặt bà nhợt nhạt như tà ma lấy mất hồn. Mà bà khiếp cũng là phải. Vì khách của ông bà tôi đều thuộc diện kẻ sang người trọng. Lại nữa, ở



thành phố nhà tầng san sát, hơi hướng ấy thoát đâu? Chỉ còn cách "thăng hoa" vào quần áo gia chủ thì bà khiếp cũng là lẽ đương nhiên.

Chắc vậy nên bà về ngon ngọt với tôi. Bà bảo tôi rước cụ về trông nom đám tang. Tôi không ngại. Ket nổi mình chỉ là đứa cháu ngoại bốn đời, nhờ đó sơ suất gì biết ăn nói với các ông các bà tôi sao. Còn bà, bà lại nghĩ tôi ngại cách khác. Bà đánh mắt về phía mảnh đất mặt tiền, ồm ồm rằng: "Trông nom cụ, sau này "qua" đó, cụ phú hộ cho! Tôi thừa hiểu từ "qua" của bà; qua có thể là đi qua. Vả lại, tôi đâu có hám của giờ ời, nhưng bỏ vào sự ồm ồm của bà lúc này e không tiện nên đành ngoan ngoãn rước cụ về.

Nấu nướng, thuốc thang, thay quần, giặt giũ cho cụ cũng đơn giản. Chỉ có điều tôi phải gác nghề đờm đó, bầy chim sang một bên, vì đêm đêm phải túc trực bên cụ. Cụ tôi nằm liệt giường từ tháng giêng, vẫn ăn uống nói năng bình thường. Đến đầu tháng bảy ngài cầm khẩu, mắt nhắm nghiền, răng cắn chặt môi không sao bốn cháo loãng, sữa siếc gì được. Tôi hoảng quá vội phôn lên mời ông bà tôi về.

Xuống xe, ngoài các ông tôi là cả một đoàn thể tử, trai gái đầu rể, cháu chất nội ngoại và ông thầy pháp hồi đầu năm... Sau khi niệm thần chú, tay bắt quyết và bấm đốt thấy bảo mệnh cụ tôi đã hết. Ngày giờ, tháng năm cụ đi đều xấu lắm. Cụ trưởng họ bao đóng pháp quảng xiên không tin được. Thấy thưa với cụ: "Ơn hay không là tuý gia chủ. Còn theo sách nhà pháp chúng tôi thì năm nay cụ bảy ba tuổi là phạm vào cung Hợi, cung của trùng tang (?) nghĩa là sau cụ còn dậm người nữa. Chẳng những vậy mà theo số tử vi của cụ, cụ sẽ đi vào ngày mai, ngày Mão giờ Sửu của tháng Bảy. Cả hai đều là Hắc Đạo, chẳng được cái nhập mộ nào!".

Có ai đó chép miệng: "Thật về chuyên!". Thấy bảo: "Thì tuý gia chủ, đây không ép. Vả lại, ngay sách cũng đã dạy "Linh tại ngã, bất linh tại ngã (Thiên ở mình, không thiên cũng ở mình) kia mà. Vậy tôi xin kiếu!".

Bà cháu cả hoảng quá, phải thưa gửi mãi thấy mới chịu ở lại. Khi mọi người trong họ đã không còn ai bàn ra tính vào nữa, nhà thấy mới dạy: "Người ta ai cũng có số, ông Nam Tào đã xóa tên là hết chốn bụi trần. Muốn tránh giờ Hắc Đạo để hồn nhập mộ được chỉ còn cách đưa bình oxy về để cụ ở lại với cháu con qua giờ Sửu (tức ba giờ sáng mai). Qua giờ đó sẽ rút ống oxy ra để cụ đi vào giờ Hoàng Đạo...".

Thấy vừa dứt lời thì đồng hồ điểm mười hai tiếng, đó là lúc chính Ngọ của ngày Dần, sắp sang giờ Hoàng Đạo. Thấy bảo phải tranh thủ giờ tốt ấy làm các thủ tục cho người hấp hối. Theo hướng dẫn của thầy, con cháu dời cụ sang gian bên, đầu hướng về đông. Hỏi cụ có thương con cháu, làng xóm không? Cụ gật gật. Có dặn dò gì không? Cụ lác lác. Thấy bảo con cháu làm gấp một mâm cơm cúng tiên tổ, xin tổ tiên cho đặt thụy hiệu (tức tên hèm, tên cúng cơm) cho cụ. Khi tổ tiên cho phép qua mồm thấy, thấy hỏi cụ có nhận tên hèm ấy không? Cụ cười cười.

Cũng từ lúc ấy, bà gái út ngồi lì bên cụ, bố ai dám rút ống thở qua bình oxy để cụ đi vào giờ Hoàng Đạo như đã định. Thế là cụ thở hắt ra đúng giờ Hắc Đạo. Cả nhà oà khóc thảm thiết; nửa thương nhớ cụ nửa sợ trùng tang. Ai cũng nom nớp sợ thần Tô Hồ Đổ Mỏ, nghe nói thần Tô Hồ Đổ Mỏ là con qua vàng chuyên rĩa từng miếng thịt của hồn người chết. Đau quá, hồn không chịu được nên phải về bắt con cả. Đến lượt con cả lại bị quạ rĩa. Cứ thế và cứ thế, hết trai đến gái, hết con đến cháu, hết nội đến ngoại. Khiếp! Khiếp là thần hồn nát thần tính, người rớt nát người bạo, chứ xưa nay chưa có đám nào chết đến đám người.

Tuy vậy mọi người đều cho rằng "có thờ có thiêng, có kiêng có lành" và để vong hồn người quá cố khỏi vất vưởng, bà cháu cả bảo phải làm ma cho cụ đứng

theo Thọ Mai gia lễ. Cụ trưởng họ bĩu môi, ý chừng bảo việc gì phải theo bên Tàu. Thấy pháp thưa với cụ, Thọ Mai gia lễ là của ta, chứ có Tàu Tây gì đâu. Tác giả của gia lễ ấy là cụ Hồ Sĩ Tân, hiệu Thọ Mai, quê Nghệ An, đỗ tiến sĩ nửa đầu thế kỷ mười tám, chứ xa xôi gì đâu. Nghe thấy dẫn vậy, hai cánh mũi bà cháu cả pháp phồng, cười toe toét...

Khách của ông bà tôi vừa sang trọng vừa ở rải rác khắp Bắc Nam và Âu Tây nữa nên không thể an táng cụ tôi trong ngày một ngày hai, ít nhất cũng phải bốn năm ngày để kẻ sang người hèn đều được về bái vọng. Lý như vậy xem chừng cũng phải, nhưng ở nông thôn thiếu gì những tay "cánh búa", có đứa củ bồ bồ: "Bái vọng cái gì, có mà bái cái phong bì thì có!". Bà cả nghe tím mặt, nhưng rồi bà chép miệng cho qua. Đàng nào thì cụ tôi cũng chỉ chết có một lần; Tội gì...

Với ý nghĩ ấy, bà bỏ ngoài tai tất cả điều ông tiếng ve. Bà lập chương trình tang lễ như mấy tay sinh viên kẻ ô cho ma trần. Cái gì cần trước cái gì cần sau; cái gì phục vụ cho ý đồ của bà thì khó mấy cũng làm, cái gì rườm rà khoa trương mất công tốn của thì cho qua. Chẳng hạn, cũng là quay ca-mê-ra nhưng ống kính phải xoáy vào những người đến viếng có phong bì. Ai đến với ganh ruợu coi trâu thì bỏ. Đồ khâm liệm là thứ ở trong ván, bà học lời di chúc của cụ Nguyễn Khuyến ngày xưa, nghĩa là không kể gì xấu tốt, kín chân tay đầu gót là được. Nhưng ngoài quan tài phải vẽ rồng vẽ phượng để "chiếu" với khách đường xa. Khăn tang phải là nhung lụa, màu tươi. Từ một đến ba đời khăn trắng, bốn đời khăn vàng, năm đời khăn đỏ không phân biệt nội ngoại (điều này bà tuân theo, khác hẳn Thọ Mai). Còn những việc khác củ sách mà làm.

Bà tôi cho mua tất cả mèo to mèo nhỏ, mèo mẹ mèo con trong xóm với giá bất kỳ và cho bán tổng bán làng đi nơi xa với giá rẻ mạt, tránh cụ tôi ngồi dậy lườm nguyệt con cháu. Vẫn chưa yên lòng, sợ những thằng đều cẳng vút mèo vào gia đình, bà còn nhờ thầy pháp trái chiếu xuống đất đặt cụ tôi xuống đó với thâm thuy rằng, người ta từ đất sinh ra lại về với đất, nhưng cái chính là tránh hiện tượng "quỷ nhập tràng".

Để con cháu, họ hàng, làng xóm yên trí cụ tôi đã đi thật, thầy pháp cho dỡ mái nhà và trực tiếp treo lên nóc nhà hú hồn cụ tôi ba hồi; mỗi hồi bảy tiếng với hy vọng trong muôn một cụ tôi chưa muốn trút bỏ bụi trần. Bà cháu cả họ tôi nguyệt thấy một cái rõ dài, bùng cầu. "Vê!". Bà tất tuổi cho thành lập ban tang lễ như bao đám tang lễ khác. Chỉ có điều những tiểu ban hệ trọng bà đều cử người thân tin vào làm "tham mưu" cho trưởng tiểu ban.

Bà đón người đến viếng theo tiêu thức sang hèn. Người chễm chệ trên taxi, tiếp đây ăn đó. Người cưỡi xe máy, tiếp đó ăn đây. Người xe đạp, đi bộ, tiếp ăn chung chỗ. Hết taxi đến xe đạp, đến xe máy. Người về taxi tiền bằng taxi, người về xe máy tiền bằng xe máy, người xe đạp, đi bộ tiền nửa vời...

Khách vào viếng, nhạc bát âm tấu cho bi ai, ca-mê-ra phải thu được tất cả những người trong đoàn và xoáy vào mấy chữ trên phong bì, đặc biệt là những phong bì có chữ nửa Tây nửa ta vì chắc chắn trong ấy sẽ có đồng Mác, đồng Đô... Khách viếng xong phong bì không bóc ngay như nhiều đám khác mà cho vào hòm; hòm được khoá bằng khoá Âu Tây có tay mát lạnh như tiền túc trực. Mỗi ngày thay ba, bốn lần hòm, để phòng kẻ giam cuộm mất.

Mặc dù cụ tôi đi vào tuần Ngâu, trời đã mát, bà vẫn cho chõ về hai máy phát điện đời mới và mấy chục cái quạt xịn. Máy và quạt đều có "sơ cua".

Bà tôi cho đặt một trạm tiếp sóng của Mobiphon. Trạm ấy do cô thư ký của bà túc trực. Việc tiếp khách trên tầng mây đều qua cô thư ký này. Từ trạm ấy bà cho "nối sóng" qua hai máy khác. Một máy qua chỗ

NHÀN ĐÀM

BÀN VỀ CHỮ "LIÊM"

ÔNG VĂN TÙNG

viếng để khách xa có thể "viếng" cụ qua sóng điện. Lời viếng của khách được tăng âm, phóng qua loa nên và có nhạc bát âm làm nền. Một mấy khác qua bà để khi cần bà có thể cầm ơn cảm huệ người ở đầu sóng bên kia. Có những lúc bà đang vật vã kêu khóc cụ tôi qua nền nhạc của anh thổi kèn mà có khách trên sóng của Mobiphon, bà tôi tươi tỉnh như hoa hậu trong phim! Cảnh ấy rơi vào mắt mấy tay ương ngang, chúng thì thầm nhau: "Thật giống như người khóc thuê!". Một tay cười ngật ngèo rồi đọc câu thơ của ai đó rằng:

"Khóc thuê mỗi thất là tài

Cái tâm trùm ở bên ngoài cái khăn!".

Cả bọn cười hô hố. Thật chả ra thể thống gì.

Đã sang ngày thứ ba kể từ lúc phát tang mà vẫn chưa làm lễ an táng cho cụ tôi được. Vì khi kiểm phong bì thấy còn nhiều người chưa được về viếng cụ. Bà to nhỏ với thầy pháp. Thấy bảo còn phải chờ một ngày nữa mới có ngày lành giờ tốt. Đến ngày thứ tư, một người trong xóm đánh cầu: "Việc để tang họ đương ba tháng, lảng giêng ba ngày", chúng tôi đã hết tang cụ mà vẫn chưa được đưa ma! Thật chưa cả mặt. Bởi vậy, chiều hôm đó buộc phải đưa cụ ra đồng.

Quái lại, lúc viếng thì "lưu thủy" đến vậy mà lúc đưa cụ tôi về cội vịnh hằng lại đi như ma đuổi. Nhưng được cái làng trên xóm dưới đi tiễn cụ không thiếu một nhà nào. Khi từ biệt cụ, ai cũng đi quanh mộ một vòng và ai cũng ném một hòn đất vào nơi cụ yên nghỉ. Khi về, mọi người đều xin kiếu cổ bản, trừ những ai phải trả nghĩa miệng.

Xem chừng khách của các ông bà tôi vẫn còn tiếp tục về. Khi về ai cũng muốn được gửi nỗi tiếc thương của mình qua chiếc phong bì nên bà tôi thua với thầy pháp nên làm "lễ tế Ngu" cho cụ. Cụ trưởng họ bữu mới: "Nước Ngu ở đời Xuân Thu bên Tàu cách đây ba bốn ngàn năm, học làm gì". Thấy pháp thua với cụ: "Ngu là yên. Tế Ngu là tế yên theo Thọ Mai gia lễ đấy cụ ạ". Cụ trưởng họ à à, nhưng xem chừng vẫn còn ầm ục. Mà cũng chả cú gì cụ, ngay thấy pháp cũng ớn. Năm sáu ngày phục tang mệt lử lử mà chưa ngủ thấy đóng công đóng xá đầu cả. Bà tôi cứ nản nỉ nhờ thấy nói cho họ đương thấy được sự cần thiết phải lễ tam Ngu để khách khứa của bà được chia sẻ nỗi niềm với tang chủ. Khi bà ghé tai thấy "chẳng tiền thì hậu" mắt thấy rang rõ hẳn lên. Theo thấy, con người ta đang ăn ăn làm làm nơi đương thế này về cội của ông bà thì hồn còn lạc lõng nơi âm khí nặng nề nên phải tế lễ cho yên. Bất luận tang ma giàu nghèo, sang hèn đều làm lễ tế Ngu. Đó là lễ khi đưa linh vị về nhà. Nhưng thường thì "vô sự vô sách thần cũng bắt trách" nên có nhà tế trước, có nhà tế sau đưa tang, lại có nhà đợi ba ngày tế thể. Còn theo bài bản, khi rước linh vị về gặp ngày "nhu" (tức ngày Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý) thì tế thêm một lần nữa gọi là "tế tái Ngu"; nếu gặp ngày "cương" (tức ngày Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm) thì phải lễ thêm hai lần là tái Ngu và tam Ngu. Với cụ đây lễ thêm hai lần nữa cũng được thôi, không sao, vì tôi đã chọn được chỗ đất "duỡng thi" cho cụ. Nơi ấy vì khuẩn hiếu khí, yếm khí đều bị huỷ diệt và ngay đến thần Tô Hồ Đỗ Mỗ cũng chẳng dám bén mảng! Song "phú quý sinh lễ nghĩa", tang chủ đã muốn tôi cũng không ngại!

Thấy nói lờm lờ vậy, bà tôi cũng lờm lờ theo. Thế là lễ tái Ngu kéo thêm một ngày, tam Ngu thêm một ngày. Khi ấy đường làng đã không còn một bóng xe, trên không trung không còn một làn sóng đập vào máy di động của bà, bà tôi mới cho dừng.

Sau khi làm bữa cơm đạm bạc, bà cho gọi mấy anh che rạp, dao thớt, khói um và cảm ơn suông trong họ ngoài làng, bà cho đóng chặt cửa kiểm tra phong bì hơn một ngày mới xong, vì phải nhờ ca-mê-ra làm chúng cho các phong bì để sau này các cô chủ không còn ai "ô hay ô hĩa" gì nữa. Phong bì của khách các chú, các cô trả các cô các chủ để sau này viếng lại hay không là tùy quan hệ dưới trên, ngang dọc của mỗi người. Tiền chi phí cho đám tang chia đều cho các con của cụ, không phân biệt trai gái, dâu rể theo quan điểm "con nào cũng là con".

Khi không còn ai thắc mắc gì, bà đánh mắt ra đám đất mới tiền giầu cái cười ma mĩnh... Chẳng biết bà trả công cho thầy pháp được bao nhiêu mà khi thấy ra về chả thèm chào hỏi ai lấy một câu. Thấy còn lên ra tha ma rút mấy ông bùa trên mộ cụ tôi vút xuống vũng trâu đầm. Tôi thua với bà, bà cười nhạt: "Làm gì có hồn ma nhập mộ, làm gì có Tô Hồ mà trùng tang. Chết là hết!".

Mà đúng là hết thật. Từ ấy tới nay bà chả nói gì đến công tôi trông nom cụ sáu bảy tháng trời. Một lần tôi gọi ý xa, bà bảo: "Rời cụ hộ cho". Phù hộ đầu chả biết, chủ trông nom cụ từng ấy tháng trời tôi cũng đâm bệnh, ốm một trận rụng tóc, suýt chết. May nhờ được Hội nông dân tập thể cho vay hai triệu đồng với lãi suất thấp để thuốc thang nên gần đây mới gượng dậy được.

Đầu năm hai ngàn lẻ một này, bà bán cả khu đất mặt tiền và mấy gian nhà ấy cho tay thầu khoán ở huyện bên. Khi ông chủ bà cô rõ cho tay thầu khoán người ra. Lúc đó mọi người mới "giải mã" được cái cười ma quái của bà dâu cả trước lúc "hạ màn" tang của cụ tôi.■

GẦN đây, đọc báo thấy đăng chuyện một *Bí thư Tỉnh uỷ gần dân*. Rồi mấy bài khác viết tỏ ý hưởng ứng và nhân đó, phát biểu thêm về khát vọng quê nhà có được một ông quan thanh liêm. Ấy là "Đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ mới" của Nghệ An. Ông Trương Đình Tuyển! Thành ngữ Hán - Việt có câu: "Bách văn bất như nhất kiến" ta cũng có câu "trăm nghe không bằng một thấy" - Hoặc "muốn xem bụt thì lên tận chùa". Xưa nay tiếng đồn sai lạc không ít. Hoặc nói như Lỗ Tấn: "Ở đây, là hạt thóc, sang kia, thành hạt ngô, và sang nơi khác, thành kẻ giết người". Phải nghe bằng cả hai tai. Tóm lại, phải "mục sở thị". Với ý tưởng đó, nhân về làm giỗ ông cụ thân sinh vào ngày 21 tháng 5 Âm lịch, tôi về quê, tiện thể tìm đến thăm ông Bí thư, nói là thăm, nhưng kỳ tình là để xem có đúng như lời đồn đại hay chỉ mấy anh nhạc sĩ phổ nhạc, quay băng thơ của mấy ông Giám đốc.

Tôi theo cái lối nhỏ đến chỗ cái buồng nơi trước đây anh Hồ Phi Phục trưởng ban Dân vận ở, và có người thò đầu ra ngoài cửa sổ hỏi vọng xuống:

- Anh Tùng đấy hả?

Tôi bước lên thang gác, ông Tuyển bước ra cửa nói ngay:

- Không phải bỏ dép. Ai muốn bỏ dép cho mát chân thì bỏ, còn tôi, không cần ai bỏ dép.

Trước mắt tôi là một người rất bình thường như có vẻ mặt phong trần dầu dãi với những đường nét khỏe khoắn và rắn chắc, áo quần bình thường như đang làm cơm hoặc nấu rau muống để luộc. Phòng ở, làm việc, tiếp khách quá sơ sài, một cái bàn, một bộ sa lông đệm mướt, góc phòng dựng chiếc xe đạp, và xa hơn một tí, cánh cửa vào phòng trong có cái nôi com điện. Thế là không ai là chủ không ai là khách, không ai là quan, không ai là dân. Cứ như bạn cũ đến nhà riêng thăm nhau, chuyện trò hết sự thoải mái. Tôi kể những giai thoại nghe được trong các quán nước về ông. Ông Tuyển cười: "Cũng đang phấn đấu được như thế. Không biết có được không?" "Hỏi về gia đình, ông cho biết ở cả Hà Nội, một mình ông vào đây, nấu lấy ăn, mà cũng không ăn gì nhiều, nên rất dễ tự phục vụ. Tôi hỏi về chuyện Tết vừa qua ông "đưa nộp lên Trung ương hơn một tỷ đồng người ta đến biểu". Ông cười: "Làm gì có chuyện đó". Trước khi nghỉ Tết, tôi có nói trong cuộc họp là Tết này không ai đến chỗ tôi. Nói xong tôi về Hà Nội ngay. Người ta thù dật cho thêm mâm muối dầy. Còn chuyện đi chợ mua cam, mua cá có bị hớt mấy lạng thì cũng không biết nữa". Tôi hết sức chú ý đến tác phong của ông. Ông có pha trà, có rót rượu, nhưng hình như cả chủ lẫn khách không ham, mà chỉ thì nhai nhai nuốt thôi. Ông hút com dừ hơn cả tôi và điều tôi nhận thấy rất rõ từ con người đến lời ăn tiếng nói cử chỉ hành động của ông rất

riêng và nhất quán: Không chút gì về là quan, không chút gì tỏ ra khiêm tốn, không giữ gìn né tránh, không phân nân trách móc kêu ca. Hoàn toàn là một con người của đời thường. Vì vậy tôi nói thẳng ra mục đích chuyến thăm viếng này. Ông cười coi đó cũng là chuyện tò mò bình thường. Chuyện trò mỗi lúc một thân mật rồi lo quanh dẫn đến chuyện sơ sác. Chuyện lịch sử các triều đại của vua chúa, chuyện lịch sử trung - gian của các đại tiểu quan lại đặc biệt là những tác thần tiếng nhơ còn để lại muôn đời phỉ nhổ.

Nào Triệu Cao đời Tần, nào Đồng Trác, Vương Mãng đời Hán, nào An Lộc Sơn đời Đường, nào Cao Cầu, Tấn Cối đời Tống, nào Lưu Can, Ngụy Trung Hiền đời Minh, nào Hoà Thân, An Đức Hải, Lý Liên Anh đời Thanh. Tôi cố kể tóm tắt những số liệu hết sức cụ thể về tội ác, tài sản, vợ con và những hành động đối bại ngoài sức tưởng tượng nói của chúng. Mà lạ lùng nhất là đa số trong lũ chúng đều là hoạn quan, tâm lý của lũ lại giống trái tư nhiên đó cũng rất giống nhau: nịnh hót, hèn hạ, tàn bạo, tham lam, quái ác đến cực đoan, không từ một thủ đoạn nào không làm, mưu mô thâm độc xảo quyệt đến ma quỷ cũng khó lường, miễn là vợ vệt, vợ vệt đến tận cùng sự thỏa mãn lòng tham vô bờ của chúng. Dưới tay chúng không biết bao nhiêu trung thần lương tướng rường cột của xã tắc chết hết sức bị thảm phan thấy, xé xác, lăng trì, đóng nỏ từ hậu môn lên đầu và cuối cùng là... muốn giết cả vua đoạt ngôi báu, đẩy triều đình vào chốn diệt vong. Và oái oăm thay, tất cả lũ chúng cùng đi đến một kết cục như nhau, thân bị diệt, tài sản bị sung công, vợ con (đứa nào cũng rất nhiều vợ (?) và nhiều con (??)) bị đầy đi biên ải. Tài sản của chúng nhiều đến mức các hoàng đế cũng phải kinh hoàng. Năm 1966 khi khai quật mộ Lý Liên Anh thấy trong quan tài có 56 thứ báu vật gồm kim cương, kiếm ngọc thạch đời Hán và những viên đá quý còn to hơn viên đá nam trên vương miện của nữ hoàng Anh Quốc.

Không hiểu vì tư liệu, hay vì giọng nói của tôi mà ông ngồi lặng ngắt chăm chú nghe, thỉnh thoảng gọi ý như khuyến khích động viên, mẫu thuốc lá trong chiếc gạt tàn mỗi lúc một dầy thêm. Cuối cùng, ông thở dài lẩm bầm: "Buồn thật! Chúng làm như thế để làm gì nhỉ?" Bởi vì chúng là những con thú - Tôi nói - Con thú có bao giờ tự hỏi chúng làm như thế để làm gì đâu! Thế rồi câu chuyện đi đến một đề tài muôn thuở là "tham nhũng" và "liêm khiết" của những người có chức có quyền. Kẻ tham nhũng biết tham nhũng là xấu vẫn cứ làm, người liêm khiết biết là thật, thậm chí bị cả những tai họa diệt thân tru di cả tam hoặc cứu thế mà họ vẫn không hề biến chất. Đời nào cũng có. Đó là trận giao phong triển miên bất phân thắng bại giữa thiện và ác. Đến đây, tôi có thể hiểu hết tâm can của con người tôi muốn gặp, bền mạnh dạn nói:

- Bà con quê mình kể chuyện về anh như kể về một người thân, yêu quý và hồn nhiên như kể về những giai thoại đẹp.

- Không biết tôi có làm được như họ mong không.

Ông Tuyển nhắc lại cái câu nói như tự hỏi mình, tôi tiếp ngay:

- Đó là một sự nghiệp! Không kếm bất kỳ một sự nghiệp nào. Bởi vậy rất khó. Người Nghệ đánh giá rất cao việc làm đầy khó khăn của anh. Số đông thì vui mừng. Vui mừng vì có một ông quan liêm khiết nhưng cũng rất lo lắng. Lo lắng vì cái thế cuối lên lung cạp. Một là phát cao ngọn cờ chống tham nhũng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Hai là... Ông Tuyển cười về đây suy nghĩ. Tôi nói tiếp như một lời bàn:

- Xưa nay không thiếu những con người liêm khiết thượng dân, "dân lập đến thờ". Nhưng liêm khiết theo kiểu cũ chỉ mới là Tiểu Thiện, một người liêm khiết mà chín người tham nhũng chỉ là tấm gương phản diện, bị cô lập. Không giải quyết được vấn đề gì. Thiện hạ "đục" cả, một mình ta "trong" thiên hạ ngủ" cả một mình ta "tỉnh" chỉ là đơn độc mà thôi. Sao cho tất cả đều liêm khiết, tất cả không ai tham nhũng mới là Đại Thiện. Muốn thế, anh phải mạnh, phải có lực lượng làm hậu thuẫn vô cùng hùng hậu. Bởi vậy muốn Đại Thiện, con người đó phải Đại Dũng. "Mãnh hổ bất địch quần hồ". Một con hổ dù mạnh đến mấy cũng không sao chống nổi đàn cáo đủ muôn hình muôn vẻ, có đủ mưu ma chước quỷ tấn công. Không kể bất kỳ lúc nào và bất kỳ thủ đoạn gì. Chỉ có Đại Dũng không cũng chưa đủ, vô ý một chút là sắp bầy ngay! Lại còn phải là Đại Trí nữa mới được. Tham nhũng là kẻ thù bên trong, là một đục của cơ thể, vô hình vô ảnh, là đạn bọc đường, là trường kỳ chiến đấu. Phật giáo có câu đại ý nói: "Con sư tử chết không phải vì đối thủ mà chết vì con trùng độc trong lòng nó". Một đất đủ hùng cường đến mấy cũng bị suy vì vì những tên tham nhũng. Chống tham nhũng là cả một sự nghiệp của toàn dân. Sức một người không làm nổi!

- Đúng thế! Ông Tuyển gật đầu tán thành và nhấn mạnh thêm - Sức một người không làm được và cũng không phải một lúc mà xong. Ở đây cũng có người đã nói: "Ông Tuyển đang bồi nhọ dân xứ Nghệ". Thật là một câu nói điển hình! Tôi vụt đứng lên:

- Rất logic! Thế mới không lạ! Không một nhân tố mới nào mà lại không có sự cải cách. Nhưng biết rằng bước đầu anh đã gây được một phong cách sống mới của cán bộ các cấp trong tỉnh. Tôi tin một trăm phần trăm rằng vị nào cũng mong được sống liêm khiết, trong sạch, đường hoàng, dân yêu dân mến, khẩu phục tâm phục. Chỉ vì chưa có ngọn cờ đầy thôi. Không Tú nói: "Thượng bất chính hạ tắc loạn". Tỉnh nhà đã có người đứng đầu rang người tấm gương liêm khiết, có lý nào cấp dưới làm càn! Dân thì không phải nói: Mong quan liêm như trời hạn mong mưa. Được lòng dân thì thế nào, mất lòng dân thì ra sao hân anh biết gấp trăm ngàn lần tôi. Lại nữa, nhà lý học uyên thâm đời Tống nói về Kinh Dịch như sau: "Dịch Kinh lạc thông tứ quái, nhất vị tế chi, viết: Thời" (Sáu mươi tư quẻ trong Kinh Dịch, quẻ nào cũng có một chữ: Thời). Việc nêu cao tấm gương liêm khiết vào lúc này là rất hợp thời. Trước mặt anh có Nghị quyết Đại hội Trung ương Đảng khóa IX, có Ban Chấp Hành mới, có bước ngoặt lịch sử mới, sau lưng anh có bao nhiêu cán bộ dưới quyền khao khát được sống liêm khiết, lại có nhân dân ủng hộ. Việc làm của anh là "Thuận kỳ tự nhiên" hợp với lịch sử, hợp với lẽ trời, hợp với lòng người. Đó chẳng phải là thời cơ tốt hay sao?

Ông Tuyển cũng đứng lên, ông vui quá. Hai người vô tình cùng bước quanh phòng. Tôi bỗng thấy mình quá buồn cười, vì quá nhiệt tình, quá háng say mà quên mất mình chỉ là một thảo dân, dưới cả phổ thường dân vì tò mò muốn tận mắt xem bụt, khi không bỗng biến thành một "mưu sĩ con", không mới mà đến, không thỉnh giáo mà cũng lăm lăm, và lại chuyện trò cũng đã quá lâu, bèn ngồi xuống ghế, chuyển sang chuyện khác cho thoải mái hơn:

- Nghe anh em văn nghệ nói anh làm thơ cũng khá. Ông Tuyển như biết ý tôi liền gật đầu nói:

- Tôi có làm. Đọc anh nghe ba bài nhé. Dĩ nhiên tôi vui lòng, và chuẩn bị sẵn những lời sẽ nói ý như với những ông có quyền có chức sinh làm thơ khác. Và anh đọc ba bài. Đọc xong, anh lặng ngắt chờ đợi. Còn tôi, tôi cũng lặng ngắt. Cho đến hai ba phút - Và tôi nói, nói như đồng tụng nhất định:

- Thú thực, với ai thì tôi khen chê đái bôi cho qua chuyện. Nhưng với anh, tôi nói thực: Trước khi anh đọc, tôi chuẩn bị sẵn: Một là khuyên anh nên toàn tâm toàn ý lãnh đạo tỉnh nhà, quan quan liêm khiết dân dân yên ổn, nhà nhà ấm no, còn làm thơ thì nên để phần người khác. Nhưng "ba bữa của Trình Giáo Kim" vừa rồi, anh thừa sức vượt xa một số người gọi là nhà thơ có danh có phận, có tập nọ tập kia. Mừng anh!

Nói xong, tôi đứng lên. Còn bao nhiêu điều đáng nói, nhưng đêm đã quá khuya. Ông Tuyển cũng đứng lên nói:

- Về hưu rồi, tôi sẽ in một tập thơ. Nói xong, chợt nhớ ra điều gì, ông chạy vào buồng trong lấy ra bốn gói thuốc lá biếu tôi.

Ông tiễn tôi ra ngoài cổng và đứng trông theo. Thành phố Vinh đã về khuya. Đêm dịu mát đầu đó trong thành phố vẫn còn sáng điện, bầu trời trong trẻo, tit tạt trên cao xa với một vài ngôi sao đang nhấp nháy...■

Hà Nội 3-8-2001

vn.15

(Tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG TÁM: KINH TẾ ĐÃ GIỎI, NGOẠI GIAO CŨNG TÀI

TRONG hai ngày 23 và 24 tháng 6 năm 1989, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc triệu tập Hội nghị Toàn thể lần thứ 4 khoá 13. Về danh chính ngôn thuận Đặng Tiểu Bình không phải Trung ương uỷ viên, làm cách nào mà ông có thể phát biểu với Hội nghị, để giải quyết vấn đề này Bộ Chính trị đã họp phiên mở rộng từ ngày 19 đến 21 tháng 6 và mời Đặng tới nơi chuyện. Trong bài nói của mình, Đặng Tiểu Bình đưa ra nội dung then chốt "kiên trì kết hợp giữa kinh tế kế hoạch và kinh tế thị trường"... Tháng 6 năm 1991 nhân kỷ niệm lần thứ 70 ngày thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc, du luận lại lên tiếng phê phán "quan niệm cải cách mở cửa của giai cấp tư sản", Đặng Tiểu Bình không thể nhìn nhận được nữa và vì vậy ông quyết định tuân thủ phương Nam, thị sát tình hình Quảng Châu, Thâm Quyến cải cách thế nào, ông tuyên bố thẳng thừng, phải kiên trì đường lối Đại hội 13, ai phủ định ắt sẽ bị hạ bệ. Về ngoại giao quốc tế, ông Đặng cũng gặp khó khăn, nhiều cuộc viếng thăm bang giao giữa Trung Quốc và các nước đã phải huỷ bỏ kế hoạch bàn định từ trước. Còn trong gia đình, con cái nói xa nói gần, rằng ba bỏ ra tâm huyết mười năm dựng lên ngọn cờ cải cách, mà nay cơ nghiệp bắt đầu tụt hậu, thụt lùi, rằng ba mở cửa mà có ai dám vào đầu, cho nên cục diện thế này ba không thay đổi không được, Đặng Tiểu Bình lắng nghe và trong đầu óc ông đã hình dung ra một người, đó là Chu Dung Cơ.

Quan sát tình hình phát triển kinh tế ở Thượng Hải mấy năm qua, Đặng Tiểu Bình nhận thấy Chu Dung Cơ là người "hiểu kinh tế"; biết làm việc, "chỉ vi thực", hơn nữa Chu mới là người có khả năng phá vỡ cái thế cô độc về ngoại giao lúc bấy giờ của Trung Quốc. Đặng quyết định đưa Chu vào vòng quyết sách thượng tầng của Đảng, và quả nhiên báo chí nước ngoài liên ca tụng Chu Dung Cơ đã có thái độ sáng suốt đối với sự kiện "móng 4 tháng 6", họ cũng cho rằng Chu là người trợ thủ do Đặng để bạt. Nhưng không ai phân tích được nguyên nhân vì sao Đặng Tiểu Bình lại trọng dụng "lão Hưu phái" mà mãi tới 20 năm sau mới phục hồi Đặng tịch, và còn là người "sáng suốt anh minh" trong sự kiện dẹp bạo loạn hồi đó. Nếu nói rằng Chu Dung Cơ từng làm thư ký cho Đặng Tiểu Bình nên được ông đề cử thì thật chẳng thuyết phục chút nào, bởi trước đó là Hồ Diệu Bang, sau nữa Triệu Tử Dương và hiện nay có anh em họ Dương, quan hệ của bốn người này với Đặng còn mật thiết hơn nhiều, mà Đặng vẫn đánh giá họ là "mềm về chính trị".

Từ sau sự kiện "móng 4 tháng 6", Chu Dung Cơ ngày một hồng lên trên chính trường Trung Quốc, báo giới nước ngoài, nhất là những tờ báo mà Trung Quốc gán cho "phản động" đã mấy lần dấy lên "cơn sốt Chu Dung Cơ". Tuy nhiên bình luận gia nghi ngờ liệu Chu Dung Cơ có trở thành "Goóc-ba-chốp của Trung Quốc" hay không, nhưng lý lịch "Hưu phái" và câu nói "Chân tướng của nó cuối cùng rồi sẽ được sáng tỏ" khiến người ta yên tâm về chính trị, ông là người "cởi mở". Đặng Tiểu Bình không phải không biết điều này và ông quyết định lợi dụng du luận báo chí nước ngoài đánh giá Chu là "Goóc" để phá cái thế cô độc lúc bấy giờ của Trung Quốc trên trường quốc tế... Năm 1985, nhà báo nổi tiếng là Lục Khanh thường lui tới Trung Nam Hải trò chuyện với Hồ Diệu Bang, khi còn đương chức Tổng Bí thư, câu chuyện của họ liên quan đến các vấn đề vũ lực đối với Đài



Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân (trái) đang trao đổi với Thủ tướng Chu Dung Cơ tại một phiên họp Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc

CHU DUNG CƠ không phải huyền thoại

THÁI NGUYỄN BẠCH LIÊN biên dịch

Theo tác phẩm *Chu Dung Cơ truyện* của Cao Tân và Hà Tấn (T.Q.)
- Nxb Tân Tân Văn Tùng thư, 1993,
Bản tiếng Việt do Nxb Công an Nhân dân xuất bản.

Loan, công trạng của Mao Trạch Đông, nhân sự Trung ương, tự do báo chí, và nhân quyền ở Trung Quốc v.v... Sau đó, Lục Khanh đem những điều ghi chép vừa nêu viết thành bài đăng tải trên các báo nước ngoài, ca ngợi Hồ Diệu Bang là người cấp tiến, cởi mở, khá là rộng rãi một thời với độc giả ngoại quốc, còn bản thân Hồ Diệu Bang thì nếm đủ mùi cay đắng. Hồ Diệu Bang bị hạ bệ và người ta quy kết ông cái tội tiết lộ bí mật quốc gia cho kỹ giả phản động ở Mĩ ngoại và nghe lời Lục Khanh đã cố tình công kích các Uỷ viên Bộ Chính trị và Ban Bí thư. Lục Khanh hay tin và muốn phần hồi hận vì vô tình mà hãm hại Hồ lão... Nhớ bài học xưa, các bình luận gia vừa ca tụng Chu Dung Cơ là nhà cải cách, tư tưởng khai thông, nhưng cũng vừa lo ngại biệt hiệu "Goóc" sẽ là cái cớ để phái tả công kích ông, trực tiếp ảnh hưởng đến hoàn lộ của ông, thậm chí có thể cản ngang tiến độ chính trị rất hứa hẹn của Chu Dung Cơ. Song tình thế đã thay đổi, không ngờ ba chữ "Goóc-ba-chốp" mà báo giới quốc tế gán cho Chu Dung Cơ lại khiến ông nặng ký hơn đối với Đặng Tiểu Bình. Đặng hiểu rất rõ, muốn xoá tan thành kiến về sự kiện "móng 4 tháng 6", thì không có cách nào khác là phải tìm một nhân vật mà phương Tây cho là "khai minh, cởi mở" và không phụ trách chỉ huy giải quyết vụ việc hồi năm 1989 để giao thiệp quốc tế.

Còn Chu Dung Cơ có thật sự là cởi mở, có trở thành "Goóc" hay không thì chắc chắn Đặng Tiểu Bình đã xem xét rồi. Đặng yên tâm vì Giang Trạch Dân và Lý Bằng đều "cứng" về chính trị, chứ không "mềm" như Hồ Diệu Bang và Triệu Tử Dương đã để xảy ra sự kiện "móng 4 tháng 6", còn giờ đây Đặng cần là cần người "cứng" về kinh tế. Chu Dung Cơ lên Trung ương có thể phát huy sở trường của mình là "hiểu kinh tế", là "Goóc", còn sở đoản đã có Giang - Lý bổ sung, Đặng Tiểu Bình đặc ý với chủ trương đó và sang Đại hội 14, ông có cả hai tay đều "cứng".

Đặng Tiểu Bình bắt đầu sử dụng tài cán ngoại giao của Chu Dung Cơ từ kế hoạch phát triển Phố Đông. Tháng 4 năm 1990, Trung ương chuẩn y kế hoạch ngày 3 tháng 5 năm đó, Chu thân

hành chủ trì nghi thức treo biển cho hai cơ quan Văn phòng khai phát Phố Đông và Phòng Nghiên cứu Quy hoạch khu mới Phố Đông, sau đó ông dẫn đầu đoàn đại biểu kinh tế Thượng Hải đi thăm Hương Cảng và Singapore, vừa marketing vừa đầu tư vào Phố Đông, vừa cải thiện quan hệ quốc tế cho Trung Quốc. Dân Hương Cảng chưa hết bàng hoàng về sự kiện Thiên An Môn mới xảy ra năm ngoái, lại thêm nỗi lo cái hạn 1997 sắp tới nay mai, nhưng đối với chuyển viếng thăm công khai và chính thức của Chu Dung Cơ, một con người tư tưởng khai thông, hiểu biết kinh tế, thì hoàn toàn không có gì ác ý, hơn thế nữa là rất kính trọng bởi người ta nghe đồn rằng, Chu Dung Cơ sẽ lên Bắc Kinh để chủ trì công việc của Chính phủ Trung ương. Chu Dung Cơ phát biểu khâm phục tán dương sự phát triển của Hương Cảng, ông nói: "Thời kỳ 1949 rất nhiều người Thượng Hải đã đến Hương Cảng sinh sống làm ăn góp phần thúc đẩy kinh tế ở đây phồn vinh, còn nay, 1990 - chúng tôi mong muốn đồng bào Hương Cảng sẽ trở lại Thượng Hải, giúp nó phát triển tiến lên". Ngày cuối cùng ở Hương Cảng, Chu Dung Cơ dùng điểm tâm sáng tại Câu lạc bộ kỹ giả ngoại quốc và gặp gỡ nhiều nhà báo nước ngoài thường trú ở Hương Cảng, ông khuyến khích hãy viết các bài phê bình, ông nói: "Sự phê bình của báo chí là rất quan trọng, tôi đã từng cho đăng lại những bài phê bình đó trên báo của Thượng Hải". Năm 1989, Hương Cảng là nơi hết sức ủng hộ học sinh sinh viên Trung Quốc gây rối phản đối Chính phủ và về sau trở thành vùng đất dung thân cho những ai trốn chạy khỏi Đại lục, vì vậy các quan chức cảnh tả ở Bắc Kinh xem Hương Cảng là "căn cứ tiền đồn chống Cộng", khiến bầu không khí chính trị Hương Cảng một dạo khá ngột ngạt, nhưng Chu Dung Cơ thì khác, ông thổ lộ: "Cho dù Hương Cảng là căn cứ gì đi nữa, tôi vẫn muốn đến thăm". Những lời nói chân tình đó đã để lại ấn tượng đẹp đẽ trong lòng đồng bào Hương Cảng, và kế hoạch giới thiệu Phố Đông cũng tiến hành rất thuận lợi, người ta mong hai hay ba năm nữa khi Phố Đông xây dựng xong cơ sở hạ tầng sẽ được đến đó để khảo sát đầu tư. Chuyển

thăm Hương Cảng của Chu Dung Cơ quả như Đặng Tiểu Bình dự kiến, buộc Mĩ phải xem lại chủ trương đình huỷ bỏ chính sách tối huệ quốc mậu dịch với Trung Quốc, người Mĩ nhận ra một điều, Trung Quốc và Hương Cảng có chung lập trường, quan hệ đôi bên nhu mỗi với rằng. Toàn bộ hoạt động của Chu Dung Cơ ở Hương Cảng đều được Tân Hoa xã phản ánh trong bản tin "thăm khảo nội bộ", khiến các vị thuộc phái cứng rắn ở Trung ương tức giận, có người tâu lên Đặng Tiểu Bình và Bộ Chính trị rằng, Chu Dung Cơ phát biểu ở Hương Cảng không nhất trí với tinh thần của Trung ương, nhất là vấn đề về sự kiện "móng 4 tháng 6", Chu Dung Cơ chẳng những không phản ứng với biệt hiệu "Goóc" do báo chí nước ngoài gán cho, mà ngược lại còn rất đặc ý. Giang Trạch Dân truyền đạt những ý kiến đó cho Chu Dung Cơ, Chu phản bác ngay: "Tôi nghĩ, không phải là tôi có vấn đề về lập trường chính trị, mà ngược lại, những đồng chí đề xuất các ý kiến vừa nêu mới là có vấn đề. Cho đến hôm nay đã có kết luận gì về cuộc dẹp loạn "móng 4 tháng 6" chưa, là tốt hay xấu, là đúng hay sai, nếu giả sử thừa nhận là tốt, là đúng thì phải biểu dương, tôi rất khiêm tốn, không tranh công, không tự thành tích vào cho mình, có sao lại nói rằng tôi sợ trách nhiệm". Giang Trạch Dân nghe xong, im lặng và không nói lời nào.

Chu Dung Cơ tiếp tục lên đường đi Singapore tham gia hội thảo phát triển mậu dịch giữa hai nước và gặp gỡ Lý Quang Diệu. Tại đây, Chu Dung Cơ đã nhìn thấy "mô hình Châu Á" - chính trị độc quyền cộng với tự do hoá kinh tế - đang đi tới thành công, ông tự tin hơn về những gì sẽ áp dụng ở Trung Quốc. Trước tết Tân Mùi (1991), Đặng Tiểu Bình về Thượng Hải trú đông và đã nghe Chu Dung Cơ báo cáo tỉ mỉ các kinh nghiệm thành công của Singapore, Đặng rất vui và căn dặn Chu hãy học thật kỹ môn kinh tế học trị quốc của Lý Quang Diệu, ông còn bảo Chu báo cáo với Giang Trạch Dân và Kiều Thạch về kinh nghiệm Chính phủ thanh niên Singapore, vì vậy mà hồi ấy Trung Quốc lên "cơn sốt" tham quan khảo sát "đất nước Sư tử".

Tháng 7 năm 1990, Chu Dung Cơ dẫn đầu đoàn đại biểu Thị trưởng Trung Quốc sang thăm nước Mỹ, bao gồm các thị trưởng Thượng Hải, Vũ Hán, Trùng Khánh, Thái Nguyên, Hợp Phì, Ninh Ba, cùng đi chuyển đó còn có các học giả Thượng Hải mà theo Chu cũng gọi là một đoàn thể hân hoan. Sau sự kiện "móng 4 tháng 6" du luận trong như ngoài nước đều cho rằng, "mùa đông" đang đến với trí thức Trung Quốc, vì vậy lần này sang thăm Mĩ bên cạnh nhà chính trị, Thị trưởng còn có các học giả, điều này chứng tỏ là Chu là con người thân dân, trọng nghĩa, tư tưởng cởi mở. Tuy vậy chỉ là đoàn "quan địa phương", nhưng hoạt động của họ ở Mĩ đã đủ sức thuyết phục, đại biểu cho Trung ương, Chính phủ Trung Quốc xúc tiến sự hiểu biết của đôi bên và xoá bỏ những ngộ nhận. Ở Mĩ, Chu trưởng đoàn từng phát biểu: "Tôi được biết tại đây đang thịnh hành các cơn "sốt Liên Xô", "sốt Đông Âu" và "rét Trung Quốc", nhưng dù nóng hay lạnh cũng không thể làm suy giảm quan hệ Trung - Mĩ, bởi quan hệ giữa hai nước chúng ta có một ý nghĩa chiến lược quan trọng đối với quốc tế". Chu Dung Cơ kêu gọi Chính phủ Mĩ hãy huỷ bỏ chính sách chế tài kinh tế đối với Trung Quốc, khôi phục giao lưu thương mại mậu dịch, như vậy sẽ có lợi cho đôi bên. Chu Dung Cơ đã mạnh dạn mời các nghị sĩ Mĩ sang thăm Thượng Hải để tham dự một cuộc thảo luận "ba ngày ba đêm" về vấn đề nhân quyền đang nóng bỏng nhất, Chu miêu tả "hiện trạng" Thượng Hải cho người Mĩ biết rất công khai: "Từ sau 1989 đến nay, thành phố chúng tôi bắt

hơn 1.000 người can tội tham ô bao gồm cả cấp cục trưởng, nhưng chỉ có mấy chục học giả từng chỉ huy, tổ chức học sinh gây rối mà thôi, ai trước đây mang án nay đã được điều tra sáng tỏ thì miễn khỏi tố và lần lượt phóng thích, trong đó số sinh viên chưa tới mười em". Chu Dung Cơ trở về nước và "con sói họ Chu" bắt đầu xuất hiện ở Mỹ.

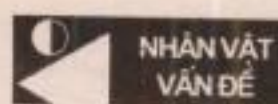
Chu Dung Cơ vui vẻ trả lời các câu hỏi của nhà báo tại sân bay Hồng Kiều ngay khi ông vừa đặt chân xuống Thượng Hải: "Tuy vẫn còn nhiều ngộ nhận đối với Trung Quốc chúng ta, nhưng tôi đã cảm nhận được tình hữu nghị nồng hậu của nhân dân Mỹ, chuyến viếng thăm có kết quả tốt, chuyện ngày xưa không đời nào, cả đời bên nhau nhìn tới tương lai".

Những ngày ở Mỹ, khi trao đổi với Tổng biên tập tạp chí *Quan điểm toàn cầu* của Los Angeles, Chu Dung Cơ trình bày rõ ràng tình hình cải cách kinh tế Trung Quốc, báo chí phương Tây vì vậy nhìn ông không chỉ là một Thị trưởng thành phố mà cao hơn như người phát ngôn đối ngoại về công cuộc cải cách kinh tế nước này, báo giới đánh giá ông "thân ở Thượng Hải, nhưng lòng trải bốn phương, khắp trong cả nước". Đặng Tiểu Bình rất phấn khởi lúc nghe báo cáo về Chu Dung Cơ, ông cảm thán nói lại với thư ký: "Chu Dung Cơ câu nào ra câu đó, thật là nhân tài hiếm có".

Chính trị là một cuộc giao tranh về thực lực, muốn thành công phải biết tạo thế, nhờ thế mà lực có thể tăng lên gấp bội, nghĩa là muốn đạt được mục tiêu chỉ dựa mỗi lực vẫn chưa đủ. Chu Dung Cơ, như mọi người đều biết, không phải một nhân vật có bề dày công trạng, cũng chẳng là anh hùng đột xuất, mới vài năm thôi từ cán bộ trung cấp, nhà lãnh đạo coi mở, bí quyết chính cũng nhờ sự tạo thế. Khác với Mao Trạch Đông, tạo thế theo kiểu truyền thống cung đình đạt tới đỉnh cao thương tăng, Chu Dung Cơ có khuynh hướng hiện đại, diễn đàn và báo chí. Khác với nhiều vị lãnh đạo thường cho rằng "vì chính bất tại đa ngôn" (ngậm miệng ăn tiền), Chu Dung Cơ lại thông qua báo chí mà truyền đạt chính kiến và xây dựng hình tượng. Ngoài ra, Chu Dung Cơ ưa hóm hỉnh, hàm tiếu, trào lộng, năm 1993 tại cuộc họp báo ở Canada, một nhà báo hỏi Chu về tình hình sức khỏe của Lý Bằng, ông trả lời: "Thủ tướng Lý Bằng của chúng tôi đã mạnh khỏe, nhưng các bác sĩ yêu cầu ông ta phải nghỉ ngơi một thời gian nữa, tình hình nhân sự ở Trung Quốc không vì vậy mà có sự biến động. Tôi mong sau khi Lý Thủ tướng trở lại làm việc thì các bác sĩ cũng cho tôi được nghỉ ngơi như vậy". Mọi người cười ồ lên bởi câu nói hàm súc, vui vui và "ý tại ngôn ngoại". Nhưng cũng có lần Chu Dung Cơ bị hiểu lầm vì sự ví von của mình, khi họp với cán bộ Hồ Nam, ông "đùa", không được làm dụng vốn liếng phát triển nông nghiệp, làm tổn hại đến lợi ích của nông dân, ai phạm tội, tôi "chặt đầu". Nào ngờ "Nông dân nhất báo" đảng nguyên văn, một số báo Hương Cảng y sao "Chu Dung Cơ chặt đầu" và dư luận xôn xao về nhân quyền ở Trung Quốc.

Là nhà cải cách trong Đảng, Chu Dung Cơ phải học cách chống đỡ những đòn đá kích cũng như sự dụ dỗ từ hai phía tả và hữu, thoả mãn yêu cầu của cả hai, Đặng Tiểu Bình đã được tôn là "chính trị cân bằng đại sư" và Chu mới chỉ mức môn đệ, nhưng "cách chơi" đã tỏ ra độc đáo sáng tạo, nhờ đó mà ông tạo thế, nhân lên gấp bội phần lực sẵn có của mình.

(Còn nữa)



Gs. Ts. NGUYỄN CHUNG TÚ: "Cần khai thác triệt để sự đầu tư của nước ngoài"

PHAN HOÀNG

Từ một cậu bé mồ côi hiếu học, Nguyễn Chung Tú đã vượt qua bao chông gai, bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ Vật lý Quốc gia Pháp hạng tối danh dự năm 1960, trở thành một trong những nhà vật lý tiên phong của Việt Nam trong thế kỷ XX. Ông từng là Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Sài Gòn, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Dân lập Hùng Vương ở Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1994, Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Chung Tú được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo Ưu tú.

- Thưa Giáo sư, do tình hình kinh tế khó khăn sau chiến tranh, một thời gian dài các ngành khoa học nước ta trong đó có ngành vật lý phải ưu tiên cho công tác nghiên cứu ứng dụng, ít chú trọng nghiên cứu lý thuyết. Là nhà vật lý lý thuyết nhiều kinh nghiệm, Giáo sư có quan điểm thế nào về vấn đề này?

- Đúng về phương diện văn minh thì nghiên cứu lý thuyết có giá trị hơn nghiên cứu ứng dụng. Những nhà khoa học đoạt giải Nobel Vật lý, Hoá học, Y học, đều là tác giả các công trình lý thuyết, góp phần thúc đẩy nền văn minh nhân loại tiến lên. Tuy nhiên, nghiên cứu lý thuyết không trực tiếp làm ra của cải vật chất, nhất là trong điều kiện đất nước vừa bước ra khỏi chiến tranh. Mà đầu chỉ nước ta, chính hai nước Đức và Nhật thua trận trong Chiến tranh thế giới thứ hai, đã dốc toàn lực cho nghiên cứu ứng dụng để vực dậy "bà cường quốc" phát triển mạnh nhất thế giới.

- Đối với nước ta, theo Giáo sư, nên nghiên cứu ứng dụng theo hướng nào?

- Tôi nghĩ cần lợi dụng và khai thác triệt để sự đầu tư của nước ngoài. Họ có thiết bị hiện đại, có chuyên viên lành nghề. Chúng ta phải hợp đồng với họ, gửi tới họ những kỹ sư, những cử nhân khoa học ứng dụng để soạn luận án Tiến sĩ kỹ sư. Các cường quốc như Nhật, Pháp, Thụy Sĩ, Đức cũng từng sử dụng biện pháp này. Chẳng hạn, Mỹ đầu tư cho một chi nhánh của Bell Telephone ở Zurich, đến năm 1986 thì Muller người Thụy Sĩ và Bednoz người Đức đã phát minh ra chất gốm Bala CuO siêu dẫn ở 35K, rồi đoạt giải Nobel Vật lý năm 1987.

- Thưa Giáo sư, vì sao sau ngày 30-4-1975 Giáo sư vẫn ở lại Sài Gòn, trong lúc không ít trí thức ở miền Nam đã bỏ nước ra đi? Vào thời điểm tế nhị đó, Giáo sư có tin mình sẽ đứng vững và tiếp tục cống hiến cho đất nước trên lĩnh vực khoa học, giáo dục khi chế độ chính trị hoàn toàn thay đổi?

- Tôi vốn sinh ra ở Hà Nội, lại đã chọn Sài Gòn làm quê hương thứ hai. Mà, quê hương thì bao giờ cũng đẹp nhất. "Nam quốc sơn hà, Nam dân cư". Thế thì tại sao tôi lại đi? Trong vòng năm năm sống và học tập ở phương Tây, lòng tôi lúc nào cũng da diết nhớ quê hương, tâm trí tôi lúc nào cũng bị hút về chốn cũ. Cho nên mười lăm năm sau, tôi không đủ can đảm để "thử nghiệm" thêm một lần nữa! Tôi hoạt động khoa học tự nhiên và giáo dục, là lĩnh vực mà tất cả các chế độ trên thế giới có một "thân chung". Một người giảng dạy và nghiên cứu vật lý như tôi có thể liên tục hoạt động, không bị chi phối bởi các chế độ chính trị khác nhau. Và hơn nữa, khi được nghiên cứu và giảng dạy ở Việt Nam thì có cơ hội cống hiến trực tiếp cho các thế hệ sinh viên nước nhà - hình ảnh của chính mình mấy chục năm trước.

- Vâng, đó cũng chính là niềm hạnh phúc của những người làm khoa học chân chính. Giới trí thức Việt Nam tự hào có những nhân cách không chạy theo tiền bạc, danh vọng mà luôn sẵn sàng phục vụ Tổ quốc vô điều kiện. Trong đời mình, có khi nào Giáo sư đối mặt với nỗi thất vọng cùng cực?

- Sự thất vọng khó đến với một người quyết tâm dành trọn đời mình cho khoa học giáo dục. Tôi tự hào đã góp phần đào tạo nên nhiều thế hệ sinh viên có ích cho đất nước lẫn nhân loại. Kể từ năm 1962, tôi đã hướng dẫn thành công



Gs. Ts. NGUYỄN CHUNG TÚ

bảy luận án Tiến sĩ đệ tam cấp và hơn hai mươi luận văn tốt nghiệp đại học. Học trò tôi bây giờ nhiều người đã trở thành những nhà khoa học danh tiếng, như Giáo sư Tiến sĩ Chu Phạm Ngọc Sơn, Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Đình Ngọc, Giáo sư Tiến sĩ Trần Ngọc Chung (Viện đại học Maidson, Hoa Kỳ), Giáo sư Tiến sĩ Cao Xuân An (Viện đại học Paris 13), Tiến sĩ Trần Đình Sơn (Trung tâm nguyên tử Saclay, Pháp)...

- Có khi nào Giáo sư cảm thấy luyến tiếc điều gì về đời mình không?

- Tiếc chẳng là thời gian trôi nhanh quá, sức vóc không còn trẻ để có thể cống hiến cho xã hội nhiều hơn nữa. Tôi rất tâm đắc hai câu thơ của Nguyễn Du trong truyện Kiều:

Trời còn để có hôm nay

Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời.

- Một nhà trí thức chân chính, theo Giáo sư, phải như thế nào?

- Một trí thức chân chính phải hội tụ bốn tiêu chuẩn: đạo đức, khoa học, quốc văn, ngoại ngữ.

- Giáo sư nghĩ gì về nền giáo dục nước ta hiện nay? Những đổi mới của nền giáo dục trong suốt thời gian qua có thực sự đã là động lực cho giáo dục phát triển?

- Từ cuối năm 2002 đến nay, chúng ta đã có một khung giáo dục ba cột dọc. Cột giữa là hệ thống phổ thông và tổng hợp. Cột bên phải là hệ thống các trường chuyên ngành. Cột bên trái là hệ thống các trường bán công, dân lập. Bảy hướng hoạt động gồm: Toán-Lý, Toán-Lý-Hoá, Toán-Lý-Hoá-Sinh, Toán-Kinh tế, Xã hội - Kinh tế - Pháp luật, Lịch sử, Ngoại ngữ.

- Sinh viên ngày nay so với thời của Giáo sư có điều gì tiến bộ?

- Lứa trẻ ngày nay rõ ràng tinh khôn hơn thế hệ chúng tôi nhiều. Một phần nhờ các phương tiện thông tin hiện đại rất phong phú, chất lượng ngày càng cao: từ sách báo, phát thanh, truyền hình, phim ảnh, thể thao, điện tin, điện thoại cho đến video, tin học, fax. Có điều lứa trẻ bây giờ dục dục nhiều khi lờ lờ.

- Có lẽ vì vậy mà sự phấn chí ở lứa trẻ bây giờ cũng ngày càng đáng báo động, thưa Giáo sư?

- Có thể do cuộc sống bây giờ gặp phải nhiều khó khăn, nhất là trong tình trạng dân số gia tăng đến chóng mặt. Cách đây sáu mươi năm, nước ta mới mười tám triệu người, nay đã vượt mức bảy mươi triệu. Do đó trong thời buổi kinh tế thị trường, muốn thành đạt thì không cách nào khác hơn là phải học. Mà ở đời, cái chi cần hơn cái trí. Sự cần cù, siêng năng, kiên nhẫn, chịu khổ chịu khó có thể bù đắp cho sự thiếu thông minh. Ba trăm năm trước, nhà thơ ngụ ngôn La Fontaine đã cho ta bài học sâu sắc về hình ảnh thành công của con rùa và con kiến, trong khi con thỏ và con ve sáu kiêu ngạo thì thất bại!

Tôi cũng khó ngờ một nhà khoa học, một nhà giáo chuẩn tắc như Nguyễn Chung Tú lại hết sức say mê truyện trinh thám. Có thể truyện trinh thám vốn lý kỳ bí hiểm liên quan đến ngành vật lý cũng đầy bí hiểm lý kỳ mà ông dành cả đời học tập nghiên cứu? Từ Thế Lữ đến Georges Simenon, từ Lan Khai đến Erle S. Gardner, Agatha Christie, vị Giáo sư già tỏ ra khá sành. Và không chỉ văn chương trinh thám, mà ông còn am tường đến từng nhân vật, từng sự kiện, từng khúc mắc của lịch sử cổ kim đông tây. Chẳng những biết, mà ông còn lý giải bằng nhãn quan không kém phần thuyết phục. Một sức học, một vốn tri thức văn hoá, một nhân cách không phải một sớm một chiều có được. ■

Mật đắng

sản. Còn thú rừng, chim muông cũng không tránh khỏi bị tiêu diệt. Gỗ cũng bị đốn, còn thú rừng cũng chẳng có bao nhiêu. Rồi quay lại chuyện con gấu ngựa đang được ông Toàn nuôi, theo ông già Lầu, con gấu chẳng khác gì kho của, mỗi lần lấy mật bán được bạc triệu, mà nuôi nó không tốn kém là mấy. Cho nó ăn lá, ăn củ... có khi quên rồi cho nó cơm cũng ăn như con chó con mèo. Tại cửa ga, ông Toàn còn dặn dò hai ông già miền núi cố gắng tìm mua cho ông một con nữa để nó có đôi có bạn, và thế nào hai ông cũng về chơi khi tiến hành lấy mật lần đầu.

Từ ngày có con gấu ngựa nuôi trong nhà, ông Toàn ít đi đâu xa và ở lại qua đêm. Ngày ngày ông thăm bệnh cho ai đến nhà nhờ ông xem mạch, nhưng số lượng mỗi ngày chỉ hạn chế từ bảy, tám người, thường buổi sáng đông hơn, buổi chiều chỉ có một hai người, họ ở xa nên ông không nỡ hẹn ngày mai.

Sau ông Lầu đi rồi con gấu bỏ ăn, nó không thấy con người ông Lầu với bộ quần áo chàm và cái mũ nỉ đen mà nó từng quen mùi mỗi lần cho nó ăn uống. Cái thú lá rừng, củ ở nương rẫy nó quen ăn bấy giờ không còn nữa. Mùi lá từ mấy người con, cháu, người thân ông Toàn đứng quanh cái chuồng sắt cũng làm nó khó chịu. Con gấu liếm vào cái cũi nhốt mình, những thanh sắt hôi mùi sơn cũng khác mùi gỗ quen thuộc càng làm nó bức mình, hơn nữa nhiệt độ ở đây sao mà nó khó chịu hơn ở vùng hồ con gấu đã quen sống.

Ông Toàn cũng nhận ra điều đó và để mua chuộc, dụ dỗ con gấu ông tăng phần ăn bằng những chén mật ong thú thật đắt tiền. Ngửi mùi mật ong, gấu ta tươi tỉnh đến liếm cái máng nhôm ông Toàn dùng cho khẩu phần đặc biệt này. Thấy nó ăn ngon lành ông Toàn vui lắm. Ông Toàn chăm sóc gấu còn hơn chăm sóc cháu nội. Con gấu ngựa từ cũng nó cũng chịu đi vào quy củ. Có lẽ nó cũng suy nghĩ chẳng làm gì được trước cái chuồng với những thanh sắt rắn chắc, bằng sức mạnh của đôi tay, nó cũng biết là rất cứng.

Và lại ngày ngày được liếm mật ong, thức ăn mà họ hàng tiên tổ của loài gấu ngựa gấu chó rất thích, như một thú đặc ân của rừng, con gấu ngày một lớn lên và thích nghi dần. Ngoài mật ong, ông Toàn còn cho nó ăn những thứ mà ở rừng không thể có, chẳng hạn như một cái kẹo, rồi ông phết mật ong vào bánh mì, nó ăn cũng ngon lành. Nhưng nó thật sự thích thú là khi được ăn củ sắn củ mài, những loại củ mà khi còn tự do ở rừng hay thời kỳ ở nhà ông Lầu nó đã ăn. Ăn xong nó nằm thừ người mơ màng, cái hương vị rừng trở dậy trở về trong con người của nó. Thế là nó nằm dài mấy ngày bỏ ăn, cho dù là mật ong

thú thật.

Ông Toàn đâu biết con gấu ngựa chẳng đau bệnh gì, hay nói đúng hơn nó mắc bệnh nhớ rừng. Nhớ những bữa đi ăn trộm sắn trên rẫy của đồng bào dân tộc, những chẹn nếp trên nương khi mùa lúa chín, nhớ những lần phát hiện ra tổ mật ong cao trên cành cây đại thụ, gấu ta ung dung trèo lên, đàn ong hàng ngàn con bị vỡ tổ bay ra rào rào. Mặc, gấu ta cứ ngồi vậy mà liếm mật, liếm đến say mê khoái chí cho đến khi không tự chủ được như kẻ say rượu, gấu ta rơi bịch từ độ cao tổ mật ong xuống mặt đất từ 15 đến 20 mét hoặc hơn nữa mà vẫn vô tư. Nếu là con người thịt nát xương tan. Nhưng gấu thì không, nó rơi xuống đất và cứ vậy nằm nguyên trạng. Cho đến khi nó tỉnh dậy, cũng như con người ngủ dậy thôi. Các cụ già miền núi nghĩ rằng: mỗi con vật sống giữa rừng được trời cho một đặc ân để tồn tại. Nếu con người không tàn phá rừng, rừng càng ngày càng tươi xanh, cây cối đại ngàn thì thú rừng củ thể mà phát triển sinh sôi nảy nở gấp nhiều lần. Không dễ dàng gì mà tiêu diệt lẫn nhau. Hồ có vương quốc riêng, tuy là chúa Sơn lâm nhưng làm gì được heo một, cũng như mang nai là loại dễ bị săn đuổi cũng có đất sống. Chỉ có con người khi đã tàn phá rừng thì cũng tiêu diệt luôn thú rừng.

Nhờ có mật mà gấu có ngã cao đến đâu cũng tự lành nơi phần da thịt trực tiếp đụng vào đất đá, nghĩa là gấu tự chữa bệnh cho gấu bằng loại mật của mình. Vì lẽ đó mật gấu vô cùng hấp dẫn con người. Mật gấu chữa bệnh, xương gấu nấu cao cũng chữa bệnh làm cho con người khỏe mạnh hơn, da gấu thuộc lên may túi, may áo, may mũ tốt lắm, chống lạnh tuyệt vời. Các bác sĩ thú y, *nhân dân, "lực cơ" hạn xét giống hần* rằng con gấu này không đau ốm gì đâu.

Riêng bác sĩ Đào nói nửa đùa nửa thật: Con gì mà ở có một mình thì vui làm sao được, con gấu này nhớ rừng xanh núi đỏ, nhớ gấu cái nên nó buồn và nằm vậy thôi.

Đêm nằm ông Toàn nghiệm ra lời nói tay thấy thuốc chữa trâu bò có lý. Cái thuốc ông ở rừng tuy không cách ly hẳn với bên ngoài, nhưng người dân tộc ở địa phương ngôn ngữ bất đồng, buồn thui ruột. Sau này quen dần và nhờ biết được tiếng của nhau, ông Toàn học tiếng dân tộc, ông dạy cho họ nói tiếng phổ thông, từ đó đỡ nhớ nhà.

Thu đi được nửa tháng thì có hồi âm. Anh Nông Văn Lành báo tin cho ông Toàn biết bố anh đã chết trong khi đi săn. Người bán ông Lạ chết cũng là người trong bản. Đêm ấy hai ông đi săn,

chúng nửa đêm họ phát hiện vết chân thú rừng còn mới lồi qua suối cạn, họ bắn với nhau một người ngồi đón lõng, một người đi theo vết chân. Họ quy ước với ông Lạ chỉ ngồi yên nơi sau hòn đá mờ cỏi. Ngồi được gần một giờ ông Lạ thêm thuốc đến gốc cây kín gió bật máy lửa, điều thuốc đang cháy được nửa chừng thì có tiếng súng nổ. Những mảnh chì rĩa của kíp mạnh bắn không xa, ông Lạ lãnh đủ. Máu chảy quá nhiều, khi ông Ma Văn Tin vác về tới bản thì ông Lạ đã già từ dương thế. Công an xã giải Ma Văn Tin lên công an huyện, ông đi như kẻ mộng du. Ông khai với công an mình chỉ biết đó là gấu, mà quả thật với bộ áo chàm ban đêm đen nhem, cái mũ nỉ cũng đen. Ông Tin có thể ngộ nhận mà nhầm. Nhưng lại có người bảo là ma gấu hai ông Lạ đó, bởi ông đã bắn quá nhiều gấu, nay ma gấu trả thù đó cũng là *luật của rừng*. Người ngư phủ chết vì sông nước kinh ngư, thì ông đi săn có thể chết vì thú rừng, vì đạn vì tên độc... Sinh nghề tử nghiệp mà lại...!

Ông Toàn choáng váng thương cho ông bạn dân tộc già gần bó từ thời trai trẻ cho đến nay. Không lên thăm được, ông đốt một bó hương hướng mật về trời bác mà khấn:

"Bác Nông Văn Lạ ơi! Tôi đau đớn khi nhận thư con trai bác cho biết hung tin. Bác sống khôn chết thiêng phù hộ cho con cháu bạn bầu ăn ra làm được..."

Ông lay mấy lay bằng quơ giữa trời và đổ xuống đất một cút rượu thật ngon, thú rượu mà có dịp hai ông gặp nhau là *đồng...* Ông còn nhớ, có lần ông Lạ vác về cái chén sành rất đẹp:

- Cái lẩu này hợp với bụng miêng

Mười ngày sau cái tin ông Lạ chết, ông nhận được chính cái thư ông gởi cho Triệu Sinh Lầu, phong bì đã nhàu nhũ: "Người nhận không có ở xã". Vậy là ông già Lầu đã đi cư tự do vào một mảnh rừng nào đó ở Tây Nguyên rồi.

Nghe nói ở trên Hoà Bình có những gia đình giàu lên nhờ nuôi hươu, nuôi gấu lấy mật, ông Toàn lại đi ngược lên đường số 6. Là một người đầy quyết tâm, ông đi như vậy gần tuần lễ, bà vợ than phiền: "Để số tiền ấy đi mua vài cái mật gấu mà nằm cho khoẻ xác ông ạ". Ông cười và trách vợ cặn nghì.

Nhưng người bày cho ông lấy mật từ con gấu lại là một bệnh nhân đến tìm ông chữa bệnh, đúng là ở đời có những ngẫu nhiên đầy thú vị. Người bệnh sau khi thấy con gấu và biết được bản khoản của ông lang đã mách cho ông có một bác sĩ làm được việc này khá

thành thạo, anh ta đã lấy mật nhiều con gấu. Nhưng cái giá ban đầu thì có đắt, còn lần sau thì giảm dần. Anh ta cho rằng vì lấy lần đầu vừa công phu vừa nguy hiểm cho tính mạng. Ông ta mời anh bác sĩ ấy đến giúp, còn giá cả thì tùy hai bên, nhưng anh ta nói lại lần nữa là giá có đắt.

- Cũng được, ông cứ mời anh bác sĩ đến cho tôi, miễn là anh ta làm được việc.

Ông Toàn nói như vậy với người bệnh, mà cũng là người ông ít nhiều biết ơn như cái chuyện ơn huệ mối lái vậy.

Bác sĩ Phòng đi xe máy chở người giới thiệu đến nhà ông Toàn vào một buổi chiều chủ nhật. Họ làm quen nhau bằng cái bắt tay và nụ cười thân thiện. Con gấu lim dim mắt như chẳng thèm để ý một ai. Ông Toàn thúc nó, vỗ về bằng những lời dịu ngọt như chai mật ong đang cầm trong tay.

- Con gấu của bác sau khi lấy mật được rồi nó sẽ khoẻ hơn những con gấu mà cháu đã lấy lần đầu ở nhà khác.

Bác sĩ Phòng nói như vậy làm ông Toàn vui ra mặt.

- Còn về giá thì hơi đắt, bác thông cảm vì đây là lần đầu với con gấu lạ, cháu phải nhờ đến công an.

- Sao lại phải nhờ đến công an?

- Bởi công an họ mới có roi điện chuyên dụng, vừa độ để khuất phục chủ gấu nằm yên, sau đó cháu mới bắt tay. Với số tiền mấy triệu đó cháu phải chia lại cho anh ta. Vẫn biết là cái mật lấy được chưa chắc đã bán được ngang cái giá đó, song lần sau công lấy mật chỉ là món tiền bồi dưỡng thôi.

Ông Toàn chấp nhận giá cả và hẹn ngày bác sĩ Phòng trở lại.

Con gấu mắt lim dim, nó đang khoái cảm vì vừa ăn mật ong xong, tuy còn thèm nhưng cũng biết khẩu phần có vậy. Hôm nay hình như mật có nhiều hơn, nó *chỉ* biết là mờ thôi.

Con gấu chỉ rùng mình lên khi roi điện đi vào da thịt. Nó nằm yên, giật giật toàn thân. Bác sĩ Phòng nhanh chóng phồng mũi tên vào nơi nhạy cảm, sau đó thì nghe tim, động tác tiếp theo là đưa ống tiêm đặc biệt vào túi mật, một thứ nước gọi là mật được rút ra đầy ống hút, sau đó bác sĩ Phòng cho vào cái bong bóng đã chuẩn bị kỹ. Người cầm roi điện vẫn sẵn sàng, nếu con gấu có phản ứng gì thì can thiệp kịp thời. Nhưng trời Phật mọi việc đã suôn sẻ. Điều kỳ lạ là con gấu ngựa tỉnh dậy khá nhanh, đúng khi hai người vừa ra khỏi chuồng, cánh cửa sắt vừa bập khoá, và cài thêm cái chốt an toàn. Nó đứng dậy xù lông nhìn người bác sĩ và người cầm roi điện. Ấn tượng của nó là cái roi và áo trắng vừa phải của bác sĩ Phòng, nó như nhập tâm hai hiện vật đó vào khu não trung ương rồi lần ra nằm.

- Vậy là an toàn, bác yên tâm, cứ thế, đến kỳ lấy mật được tôi sẽ đến.

Ông Toàn mở kết lói ra đúng một triệu rưỡi, toàn tiền có mệnh giá năm mươi ngàn, trao cho bác sĩ Phòng. Bác sĩ Phòng đếm mười tờ trao cho ông đi roi điện và cười:

- Anh nhận cho, không có trấn áp bạo lực là không xong, lần sau lại mời anh tham gia.

Sau ba lần lấy mật từ trong máu thịt con gấu ngựa, ông Toàn, bác sĩ Phòng và người dùng roi điện đã tạo thành một trục tay ba, như một tam giác đều, một tam giác đều và vui vẻ, nhưng về kinh tế thì không đều được. Ông Toàn ngày càng có đồng con bệnh và mật gấu nâng ông lên bậc ông lang giỏi, số tiền khám chữa bệnh... đem lại kinh tế cho gia đình ông. Bác sĩ Phòng cứ vụ nào lấy mật xong là đưa vào kết bạc bả củ nhân hoá, phụ trách xét nghiệm, phó giám đốc Thuý Hà. Cái bệnh viện tư này



Nhà văn TRẦN KIM TRẮC : "Viết bằng ký ức trong cuộc chiến"

NGUYỄN TỶ



Nhà
văn
Trần
Kim
Trắc

Trần Kim Trắc là nhà văn khá đặc biệt trong làng văn Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung. Từ truyện ngắn *Cái lu* được Hội Văn nghệ Cửu Long xây dựng thành kịch sau đó đạt luôn giải Ba - Giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam - 1954. Bẵng đi một thời gian dài, trên văn đàn độc giả không còn thấy một Trần Kim Trắc đâu cả. Đúng 40 năm sau, Trần Kim Trắc xuất hiện trở lại với truyện ngắn *Ông Thiêm Thủ* và được giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam - 1995. Từ đó đến nay ông lặng lẽ làm công việc viết văn như con ong chắt lọc hương hoa để trả lại cho đời.

TRẦN Kim Trắc sinh ngày 14 tháng 6 năm 1929 tại xã Hương Hoà Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang - Mỹ Tho. Tham gia cách mạng từ khi hơn 16 tuổi, vì chiến tranh nên gây gở đường học. Cha là một giáo viên nên việc giáo dục con cái rất nghiêm khắc theo cách vừa học văn hoá vừa lao động. Cho con đi vào những hoạt động lao động từ nhỏ vừa học vừa chơi. Bởi ông là một hướng đạo sinh, cho con đi lười cá, săn bắn... Đại để là làm mọi chuyện trong nhà từ nấu nướng đến đi cắm trại... Đặc biệt ông không cho con tách rời nông thôn. Trần Kim Trắc thừa hưởng rất nhiều ở gia đình và nhà trường nhưng vì chiến tranh đành phải xếp bút nghiên lên đường chiến đấu. Ông đi hoạt động bí mật giữa các anh em ban Văn nghệ Tiền Giang, sau làm liên lạc, hoạt động bí mật rồi bị lộ, bị địch bắt. Ở tù ba tháng được cha bảo lãnh, ông ra tù chỉ một tuần lễ liền dọt vô chiến khu, rồi sau đó cha ông cũng vào chiến khu và cả gia đình đều tham gia kháng chiến. Lúc trong chiến khu ông làm ở Ban tuyên truyền lưu động khu VIII, khi ấy, nhà thơ Bảo Định Giang làm trưởng ban.

Rồi ông đi bộ đội, trong biên chế tiểu đoàn 307. Ông nói : "Có lẽ tôi học được nhiều nhất là ở thời kỳ này. Vì theo tôi *giáo dục là trường học và văn học là trường đời*, mỗi trường đời đều có những đoạn mâu thuẫn nhau. Trường học chỉ vượt vũ môn rồi lãnh bằng cấp còn trường đời ngày nào cũng là vũ môn để vượt qua".

P.V. : Con đường đi đến sáng tác văn học của ông có nhiều trắc trở. Do cuộc sống hay vì lý do nào khác ?

Nhà văn Trần Kim Trắc : Năm 1954, tôi tập kết ra Bắc, công tác tại phòng Văn nghệ Quân đội. Tôi có một số khuyết điểm nên nêu tính về công lao thì đó là "cộng cốc". Tôi phiêu bạt lang thang làm đủ mọi nghề để kiếm sống như thợ sơn trắng (bây giờ gọi là làm tặc, nhưng thời đó là khai thác gỗ), phu bốc vác, làm ruộng, chế biến thực phẩm, cuối cùng làm nghề nuôi ong. Nhưng lòng lại dằn lòng là tại mình cũng như Phật nói : *Bé khổ ta không qua ai* qua nhưng nhờ "bé khổ" ấy tôi học thêm rất nhiều trong suốt quá trình kiếm sống, kiếm yêu... Mỗi sự cố trên trường đời đều là những đề tài rất bổ ích cho "nghệ thuật" văn sau này, mà cái đó mình chỉ là thu ký nhìn rồi ghi lại. Đó là cái học

thư nhất của tôi. Còn cái học thứ hai là đọc. Lúc ở Văn nghệ Quân đội được các "anh lớn" gieo cho mình những ý tưởng làm sao để viết văn cho tốt. Các anh Thanh Tịnh, Từ Bích Hoàng, Vũ Cao, Trần Dần, kể cả Nguyễn Ngọc Tấn (Nguyễn Thi) đã gieo cho tôi một cái vốn. Như nhà văn Thanh Tịnh nhắc nhở tôi *Khi đọc một tác phẩm của một tác giả nào đó nên đọc hết tác phẩm của tác giả đó rồi mới sang tác giả khác*. Khi ở rừng kiếm sống tôi may mắn gặp nhà tôi, bà là Việt kiều về nước nhưng có cái khác là người về nước thường mang quà cáp, của cải... nhưng nhà tôi lại mang về cho tôi một rương sách đủ các văn hào nổi tiếng thế giới, những tác giả được đưa vào nhà trường để dạy. Tôi đọc hết tất cả nhưng khi đọc tôi không nằm đọc mà ngồi đọc, cái này do cha và thầy giáo tôi chỉ dạy. Đó - tôi đến với văn học như thế. Nếu ai đó cấm nhà văn có khoa học tính và sản xuất có nghệ sĩ tính thì nhà văn khó thành công. Cuộc sống hàng ngày quanh ta liên quan đến chữ nghĩa văn chương. Tôi bắt đầu viết lại cũng bằng thức giục giã những ký ức mà tôi đã trải qua. Viết trong tự do không bị ràng buộc vì tôi sản xuất sống là nuôi ong và viết văn.

- Ông có nhận xét gì về tình hình văn học hiện nay ?

Văn học ngày nay nhìn chung có hai khuynh hướng. Một là *xây dựng nhân vật lý tưởng và xây dựng nhân vật tự nhiên*. Xây dựng nhân vật lý tưởng là phải như thế - ý muốn chủ quan của tác giả và xây dựng nhân vật tự nhiên - là như thế, thế giới tự nhiên. Tôi chọn ở giữa một tỷ nhưng nặng về khuynh hướng thứ hai. Nghĩa là viết theo thế giới khách quan, không lạm dụng cái chủ quan của mình mà nhồi nhét nhân vật theo ý tưởng của nhà văn. Văn học là phản ánh cuộc sống, khi phản ánh nó như cái gương trong suốt và chính xác. Nhà văn phản ánh hiện thực cuộc sống để bạn đọc qua tác phẩm tự soi rọi và tự hoàn thiện bản thân mình. Văn học không thể làm được chuyện "đắt tay" mà chỉ gợi ý cho bạn đọc thấy như thế nào đó mà người ta chọn lấy. Văn học có vai trò phản ánh tâm lý con người. Tâm lý thì rất đa dạng như những con số tự nhiên từ 0 đến 9 mà khi kết hợp lại thì thành ra không biết bao nhiêu nghìn vạn con số. Hành động con người có thể giống nhau nhưng tâm lý diễn biến thì vô cùng. Nhà văn chỉ xoay vào hành động thì dù hành động đó có hấp dẫn đến mấy đi nữa thì nhà văn đem ra phản ánh cũng thua phim ảnh đem ra thể hiện trên sân khấu và truyền hình. Văn học sản xuất ra hai mẫu nhân vật thời Cocomây là "anh hùng cái thế", "tài không đơm tuổi" và viết theo thế giới con người - thế giới tự nhiên của Raccin cũng như nhân hình hoá của Laphôngten rồi tới hiện thực của Banzac. Nói tóm lại cuộc đời là một nỗi buồn - tất xấu - như câu, nếu nhà văn kết hợp lại sẽ thành muôn mặt và là nền tảng để cuộc sống phát triển. Nhà văn phải có cái nhìn theo kiểu ấy, khi mở được cửa rồi thì để tài nhiều lắm, viết hoài không hết bởi vì cái đó mới phong phú. Viết văn là làm cho độc giả vui. Nhà văn phải khéo léo "núp" vào cái vui, buồn ấy để mà thể hiện lý tưởng của mình. Muốn vậy nhà văn phải nhìn đời bằng nhiều góc độ và rà soát lại để chọn một mà thực sự gốc độ đó ở đâu, nó ở ngay trong đầu nhà văn, muốn cái đầu đó phong phú thì nhà văn đứng buồng mình vào những chỗ nào nhất định. Bác Hồ bảo : *Nguyên tắc quá mất việc*. Nhưng khi tự mình lãnh đạo mình làm văn học thì có khi tự đóng vào khung nguyên tắc làm sai mất lời Bác dạy. Có nghĩa là hơi rộng lượng một tí khi vận dụng nguyên tắc... Nếu như viết theo ý chủ quan, nhà văn có khi bị "mất lòng" với độc giả nhưng thắng quá lại mất việc. Theo tôi nhiều anh em nhà văn hiện nay còn đang lẩn quẩn trong đó, chưa thoát khỏi được ý chủ quan của mình nhưng lại không có ai rầy ai, ai trách ai vì thời này là tự do văn học nhất, không ai kiểm chế nhà văn mà chính nhà văn tự kiểm chế. Môtíp các kiểu, các tât của nhà văn là như thế này khó sửa. Để nhà văn làm thế nào cho đúng thì hãy để công chúng phán xét. Cũng như châm ngôn là sợi dây dắt ngựa, có khi hợp trong thời đó mà đem áp dụng thời kinh tế thị trường thì hỏng việc, trật lất.

Phục vụ chân thiện mỹ, dù nhà văn phấn đấu mãi vẫn không bao giờ với tới hết được.

- Văn học là phản ánh hiện thực nhưng dường như văn chương phản ánh toàn diện đời sống có những yếu tố tình dục ở ta lại bị "dị ứng" khiến cho người đọc quen với những cảm giác bình thường. Còn với ông ?

Có những vấn đề không nên viết chăng ? Theo tôi viết tất tần tật. Sinh hoạt tình dục là một phần quan trọng làm nên cái hạnh phúc của con người trong cuộc sống đời thường vì nó thực hiện thiên chức cao cả và thiêng liêng nhất là sự duy trì nòi giống. Marquez trong *Trăm năm cô đơn*, Doxtioevski..., viết về văn đề tế nhị này lại được độc giả thích thú. Vấn đề là viết như thế nào mà thôi. Theo tôi nhà văn phản ánh và viết được tất cả qua cách thể hiện và cái tâm của mình.

Trong truyện ngắn *Mấy sông cùng lội*, Trần Kim Trắc khéo léo viết về người lính trong cái thời ba que, hơm đời khi thực hiện chuyển ấy : Cuối mình ấy mà ! Cuối cái miệng tia liạ này nè ! Đến lúc đó, vào cuộc rồi mà cái miệng vẫn chưa chịu kéo da non, nào là chẳng lúc nào thôi nhớ em... nào là... cho đến khi bàn tay trần từ bên dưới đưa lên, đầu ngón bị cái miệng giả mồm lại, biết nằng nói gì không?... "Anh đừng nói nữa ! Im đi để mà hưởng..." Trong những trang viết xoay quanh về đề tài người lính, văn Trần Kim Trắc miêu tả đúng cái chân đời thường. Trong Ông Thiêm Thủ giọng văn rất hóm hỉnh, lí lắc, tung tưng và đầy hình tượng : Họ là những người bình thường, gặp thời cuộc bất bình thường phải cầm súng đánh giặc. Họ mang cuộc đời thường của họ vào binh ngũ : "kiếm ăn", "kiếm yêu" và "kiếm giặc mà đánh". Chính "kiếm ăn" bổ dợt mới gặp bao mối tình nảy nở giữa làng quê bao cô gái thôn quê với tình yêu cũng giản dị như đời thường của họ. Trong *Mấy sông cùng lội*, Trần Kim Trắc viết : Vậy là thua rồi, tự nhiên thắng tà đạo, thua dứt đuôi con nòng nọc rồi. Cậu nói đúng ! Đứng đó ! Tình trường oái oăm hơn chiến trường ! Lúc ấy có trời giúp cũng không tự nhiên được như lúc làm vào trận mạc. Vậy lúc đó cậu làm sao ? Thì im đi ! Để mà hưởng chứ làm sao nữa ? Văn ông lí lắc theo kiểu Nam Bộ, tung tưng vì trong cái tung tưng có hơi thoải mái gian - đó là lối viết mang đậm chất nhất trong tư duy ngôn ngữ mà ông muốn gợi đến bạn đọc khi nhân chân chuyển yêu của bộ đội. Chính vì thế Trần Kim Trắc thành công hơn cả trong tất cả truyện ngắn là viết về thời đã qua. Như ông nói theo Banzac là : Đời thường là kịch tính nhất.

Từ già ông trong hơn hai giờ đồng hồ bàn luận chuyện văn - chuyện đời giữa ngôi nhà nằm trên đường Nguyễn Thị Minh Khai ồn ào tiếng cối xe, tiếng cười nói nhưng ông vẫn viết, viết bất cứ nơi đâu và vào bất cứ lúc nào. Theo tôi được biết với riêng ông là người không nói nhiều về mình, nhất là chuyện đời tư. Ông tâm sự : Chuyện riêng tư viết không hết đầu, mà viết không hết đâm ra nói dối và bây giờ một cách mất lòng người nhất là người ta thuê viết hồi ký. Viết hồi ký là kể thành tích, cái đẹp, cái tốt cho chính mình nên chuyện riêng tư không bao giờ tiết lộ. Tró lại Bác Hồ, Bác nói : Con người mỗi ngày rửa mặt một lần nghĩa là phải tự phê bình. Tôi quen tâm thường trong cuộc sống tự do. Nhưng như trong văn học phải biết kéo "xuống" chứ không phải "hạ", còn nói quá, lý tưởng hoá mà không kiểm chế, tự đề cao thì...

Con người trong nhà văn Trần Kim Trắc - chàng trai tiểu đoàn 307 nổi tiếng năm xưa nay tóc và mi bạc trắng nhưng vẫn cần mẫn viết để trả nợ đời. Nợ của người cầm bút đối với cuộc đời, nợ với bản thân và xã hội. Đến nay ông đã có nhiều truyện ngắn : *Cái lu* (1954), Ông Thiêm Thủ (1994), Con cá bắt làm (1995), Hoàng đế uớt long bào (1996), Học trò già (1997), Trăng đẹp mình trăng (1997), Con trai ông tướng (1998), Chuyện nàng Mimô (1999), Truyện ngắn Trần Kim Trắc (1999) Văn hoá đám giỗ - Tạp văn v.v... Xin cảm ơn ông - người luôn trân trọng với nghề khi vẽ nên những bức tranh bằng con chữ về hình tượng người lính qua hai cuộc chiến đấu kiên cường của dân tộc.■

ngày một khá lên, do thời buổi xe máy ngày một nhiều, mua bằng nhiều nguồn, tất nhiên có nguồn nhập lậu... nên tai nạn có ngày không có chỗ nằm, nhẹ thì cũng mất gấu xoa bóp, nặng thì mổ, cua, đục. Bệnh viện làm không xuể và doanh thu ngày một tăng.

Riêng con gấu ngựa, dần dần nó cũng biết được cái chu kỳ khổ nạn của nó. Nó lờ mờ thấy cái áo trắng và cái roi điện là nó sợ, sợ và căm ghét, căm ghét theo bản năng của thú rừng. Đến lần lấy mật thú năm, vào ngày 23 tháng 2 năm

một nghìn chín trăm...X, ông Toàn khai như vậy, người dùng roi điện bắn việc gì đó nên bác sĩ Phòng đến một mình. Ông Toàn có ý ngăn ngại nhưng bác sĩ cười bảo ông Toàn: Yên tâm, anh ta đã bày cho tôi và để thời mà.

Mình nguyên nhân dẫn đến cái chết của bác sĩ Phòng là ở khâu khác. Khi chuẩn bị ra đi bác sĩ đã cho thuốc vào xi lanh đúng liều lượng như những lần trước. Ông ta để giữa bàn, bỗng có điện thoại, bác sĩ vào phòng gọi điện. Câu chuyện dẫn đến đồng dài mà ngắn

máy thì không được. Cậu con trai đi đâu về thấy xi ranh thì lập làm thấy thuốc, cậu ta bơm thuốc ra. Khi nghe tiếng động, bác sĩ nói:

- Văn hả, đừng nghịch nhè!

Văn sợ bố mắng đã hút vào xi ranh nước lọc. Bác sĩ Phòng đâu có biết cậu con trai đã nghịch như vậy!

Như thường lệ khi con gấu thấy cây roi điện đi vào da thịt, nó nằm lăn ngay, bác sĩ với chích ống thuốc - nước lọc cho nó. Con gấu ngựa vẫn nằm im re. Cho đến khi mũi kim rút mật được đâm

vào người thì nó đau đớn và tỉnh queo đứng vụt dậy. Sự việc xảy ra quá nhanh chóng như một tia chớp, bác sĩ Phòng người bẽ bết máu nằm sóng soài. Ông Toàn đang cầm cái bơm xe đạp cho một người nào đó mượn chưa kịp đưa, ông chỉ vào con gấu và như một phản xạ nó tưởng đó là cái roi điện nên nằm xuống nền chuồng. Họ lôi được bác sĩ ra và gọi xe cấp cứu. Nhưng mọi việc đã quá muộn!■

Huế tháng 6-2000

N.L.

vn.19

BẠN ĐỌC VỚI VĂN NGHỆ

DÂN TRÍ

NHÂN đọc bài *Quốc thể* của tác giả Nguyễn Lân Dũng đăng trên tuần báo *Văn nghệ* số ra gần đây, tôi rất tâm đắc với các ý kiến của tác giả nêu ra. Qua nội dung bài báo, tôi đã thấy thâm ý của tác giả đang trăn trở về "dân trí" của nước mình và "ngựa mặt than trời" không biết đến bao giờ dân ta mới đạt được những điều như ở các nước khác.

Nhưng rồi trộm nghĩ, với những hiện tượng mà tác giả bài báo nêu ra, chưa hẳn là do "dân trí" của chúng ta chưa cao, ý thức của chúng ta chưa có, mà có lẽ một phần còn là do "quan tri", tôi phải dùng danh từ kép này của một nhà văn đã dùng (mà là của Trần Đăng Khoa thì phải). Mà đúng là do "quan tri" vì nếu các "quan" của chúng ta mà nghĩ đến, mà biết đến, mà quan tâm đầy đủ đến thì các hiện tượng ấy cũng không phải là không khắc phục được.

Tôi dám nghĩ thế vì cũng có những chứng minh cụ thể. Cách đây đã hai ba năm, như vậy chắc bây giờ còn phải tốt hơn nhiều, tôi đã được vào thăm khu công viên "Suối Tiên" và "Đám Sen" của TP.Hồ Chí Minh. Qua hai công viên này trong tôi đã mất hẳn khái niệm về "bẩn như các nơi công cộng". Đã hàng chục năm qua, với kinh nghiệm thực tế, trong đầu luôn luôn tồn tại khái niệm là ở các nơi công cộng là mất vệ sinh nhất. Nhưng rồi khi được vào thăm hai công viên trên, tôi cảm nghĩ như mình đang đi tham quan tại nước khác, chứ không phải tại Việt Nam mình, vì nó sạch sẽ trong lành. Trên đường không một cái lá rụng (mặc dù đây là công viên) không một mẫu thuốc lá, không một giấy bánh kẹo, mà một điều thấy rõ là ý thức của mọi người đều "cao" rõ rệt, không thấy ai vứt rác bừa bãi kể cả từ người nhớn tới trẻ em. Mà cũng phải như thế thật, vì con đường, bãi cỏ sạch sẽ như vậy, ai mà nỡ vứt rác bừa bãi, lại thêm luôn luôn có các nhân viên làm công tác quét dọn trên đường. Một điều rõ nữa, là trong công viên không chỉ có đường đi, bãi cỏ, và các nhà hàng sạch sẽ, mà trong hai công viên này còn có các nơi nghỉ chân rất rộng, dân chúng thoải mái trái nilông, trái chuối rồi đem đồ ăn, thức uống để nghỉ ngơi, picnic, nhưng không hề có rác bẩn, giấy lau miệng, vỏ hoa quả, chai, cốc, thức ăn thừa vứt lung tung, mà ai nấy dùng xong đều thu gom gọn ghẽ, vứt bỏ vào thùng rác. Thật không ngoa khi kể rằng chúng tôi đã ngồi giải lao, uống nước giải khát ngay cạnh một nhà WC công cộng mà không

hề thấy bận lòng, khó chịu. Tất cả những lời này chỉ để muốn nói lên rằng nếu "quan tri" cao thì tức khắc "dân trí" cũng cao, mà "quan" ở đây phải hiểu là những người có trách nhiệm trong phần công việc của mình. Các nhà quản lý của hai công viên trên có nghĩ đến, có biết đến, có quan tâm đến các vấn đề từ chi tiết vi mô tới vĩ mô, nên mọi vấn đề đều giải quyết được, không có gì khó khăn lắm. Mà chúng ta phải thấy rằng, chỉ cần một "quan tri" "cao" thôi, đã có thể kéo theo hàng chục, hàng trăm "dân trí" cao theo!

Nhưng cũng ở TP Hồ Chí Minh, tại Công viên Đám Sen, Suối Tiên thì quan tri, dân trí cao như vậy, nhưng ở kênh NL-TN, dọc trên mấy lờ báo gần đây, cũng chỉ vì "quan tri" lơ là, né nang hoặc vô trách nhiệm nên rác rưởi lại nổi lên, màu nước lại đen lại...

Lại cũng nhân nơi về "dân trí" và "quan tri", tôi muốn nêu thêm ví dụ: như trong một bài báo tôi đã kể, nếu các bạn quan tâm để ý sẽ thấy rằng, các con em chúng ta từ lớp mẫu giáo nhỏ (nghĩa là đã có ý thức) dưới sự dạy dỗ của các cô giáo và các bố mẹ, các cháu đã rất có ý thức về vệ sinh công cộng. Tôi dắt đứa cháu đi chơi công viên hay triển lãm, cháu nhai kẹo cao su xong, cháu bỏ luôn bã kẹo vào túi áo. Về nhà bố mẹ cháu mắng, cháu trả lời là vì không thấy có thùng rác đâu cả! Cháu mút hết hộp sữa nước, ăn hết chiếc kem ốc quế cháu cứ cầm khu khu cái vỏ để lăm lăm. Hoặc dè xe các cháu đi trên đường, ông bà, bố mẹ mà vượt đèn đỏ thì cháu thét dừng hoặc đập tay bắt dừng. Thế đấy, khi được giáo dục, nhắc nhở thì các cháu cũng có ý thức đấy chứ! Nhưng rồi chỉ vài năm sau, học cấp hai hoặc cấp ba là các cô cậu này lại là những phần tử phá rối trật tự, vệ sinh công cộng bậc nhất. Tại đâu? chỉ tại vì các "quan tri" không quan tâm xử lý! Đi đường sai luật, đi xe máy chưa đủ tuổi, điều khiển xe máy không bằng lái, đi vượt đèn đỏ, không có ai xử lý, không có ai bắt phạt, thế thì làm sao mà không phá luật được và đến lúc ấy lại "ngựa mặt than trời" là "dân trí" không cao!

Xem thế đủ để thấy rằng không hẳn ở nước ta "dân trí" không cao, "quốc thể" không được coi trọng, mà chính là "một số" quan chức (và là rất thiểu số so với số dân) đã không có "quan tri" cao, đã không coi trọng quốc thể!■

NGUYỄN KIM XUYỀN
(Bà Triệu - Hà Nội)

TRUYỆN NGẮN THÁNG BẢY

TRONG 3 số báo (chưa kể số cuối tháng) đã có 9 truyện ngắn được đăng tải. Hầu hết các truyện ngắn này đều có nội dung tư tưởng tốt, đề cập một số hiện tượng xã hội đang diễn ra, đáng được biểu dương hoặc phê phán. Đáng kể, có các truyện:

Chuyện ông Bổng (của Tạ Kim Hùng, V.N. số 28). Truyện biểu dương một nhân vật (ông Bổng) đã vì hạnh phúc con người mà say mê làm điều thiện, kể cả việc đối với người chết, mà nhiều người ái ngại. Ông Bổng làm việc đó chỉ vì từ tâm không một chút màng danh lợi. Đặt trong hoàn cảnh hiện nay, truyện ngắn có tác dụng giáo dục rất lớn. Tuy nhiên truyện ngắn này cũng có nhược điểm: Không rạch ròi giữa "tình lý kỳ, huyền thoại và người trần thế (nhân vật Hoàng Thị Lý), một số chi tiết được miêu tả quá cụ thể, bất lợi (rửa hài cốt, quan hệ nam nữ ở lầu vỏ)...

Thiên nghiệp (của Hà Nguyên Huyền, V.N số 29). Đề cập vấn đề "quan hệ đạo đức trong lao động nghề nghiệp, bảo tồn nghề truyền thống". Khai thác đề tài này là rất cần thiết, song đáng tiếc là miêu tả tình cách nhân vật có chỗ thiếu liên mạch (nhân vật V). Chi tiết: chủ tâm làm vàng dao vào gót ông Song (của ông Mạt) là điều không ổn. Vì vậy, chủ đề chưa được sáng tỏ. Ngoài ra, *Nợ làng quê* (của Tú Nguyên Tĩnh) nhằm phê phán những kẻ vì tư lợi mà trốn tránh trách nhiệm đối với làng quê, biểu dương một người con gái (Mơ), hết lòng vì sự no ấm của quê hương mà vượt qua mọi ngăn trở. Truyện *Đã từng như thế* (của Ai Duy - Số 29) cũng có kết cấu na ná như *Nợ làng quê*, phê phán một thầy giáo (Nhân) phụ bạc với nghề, trốn vượt biên, đồng thời là kẻ phụ bạc với tình yêu. Người đọc mong muốn các truyện này cần miêu tả tình cách nhân vật đậm hơn, "có hồn" hơn.

Nổi bật lên, tôi thấy có 2 truyện ngắn: *"Sóng ngầm"* của Kim Quyên, V.N số 27. Truyện diễn tả một "tình yêu mới" và một "tình yêu cũ", một bên là chuyện của 2 đứa con, một bên là chuyện của hai bố mẹ của chúng. Hai "sự kiện" được đặt song song nhưng tình tiết thì có chỗ khác nhau. Hai đứa trẻ thì yêu nhau say đắm, chân tình còn hai người: bố (của bạn trai) và mẹ (của bạn gái), thì từng trái gập ghềnh nên bao năm nay đơn chiếc. Tình tiết và xúc cảm được đan cài trong một sự trùng hợp ngẫu nhiên. Người mẹ đi dò hỏi tìm chồng cho con gái thì bất ngờ lại gặp người yêu cũ, chàng rể tương lai lại chính là con trai của người tình một thuở. Cảnh ngộ đặt ra có thể rất khó xử. Hạnh phúc của đôi bạn trẻ có thể gặp "gay go". Ban đọc cũng nín thở, chờ xem! Vậy mà đôi đường đều trót lọt. Tình yêu của bọn trẻ thì xác định rồi nhưng của đôi bố mẹ thì sao? Đúng thế, cuộc đời vốn phức tạp. Đứng lưỡng "mình phải vì hạnh phúc của con cái mình chứ" hoặc "đã già cả rồi" thì không còn gì để nói nữa. Thì ra, tình yêu không bao giờ cũ, thời gian nào, độ tuổi nào, con người cũng cần đến tình yêu.

Tác giả đã đặt "Chuyện đời" này trước biển và trong sóng ngầm của biển. Trước biển thì mệnh mỏng và sóng biển thì ngày đêm dữ dội. Ấy là thủ thách nghiệt ngã đối với con người.

Lời văn kiểu tu truyện, nói năng, trao đổi in như sự thực đã diễn ra với bao lo toan, ngờ vực rồi xác định. Cảm xúc, tâm trạng các nhân vật được tỏ bày một cách chân tình mà ẩn chứa bên trong những e ấp, theo đuổi và có khi "tụ thủ". Ấu cũng là rất "Người" vậy!

Truyện hấp dẫn người đọc còn vì bao hàm một triết lý: "Vi hạnh phúc, hãy xây đắp cho mình một tình yêu nồng nàn và một cảm quan thẩm mỹ đúng đắn".

Lá thư tìm bạn (của Triệu Huân, V.N số 29) Truyện diễn biến xung quanh một "lá thư tìm bạn" của hai đứa trẻ nhưng không phải tìm bạn cho con mà cho bố đã phải chia tay với vợ. Tác giả đã đưa đây câu chuyện rất "khéo", rất tự nhiên. Bắt đầu từ việc đi họp phụ huynh cho 2 con, thiếu mất một người ở một lớp (của Nam). Hai đứa trẻ nhận ra chỗ "khuyết" ấy và nghĩ ra chuyện tìm một bà đi ghê cho bố. Ấy tượng về "mu đi ghê ác độc" chưa phai được đầu óc trẻ thơ, từ các truyện cổ tích. Cuộc "vật lộn" trong cảm nghĩ của chúng được đặt ra thật quyết liệt. Khảo quát có một người mẹ mới, một đi ghê tốt bụng trở thành một ước nguyện cháy bỏng, như một phép tình: có hay không có giữa đời này? Người đọc cảm thấy há hê và xúc động khi đọc *"Lá thư tìm bạn"* của bé An 9 tuổi, học lớp 3 - chân tình mà khôn ngoan, bộc trực mà tinh tế đến vậy: "Nhà con nghèo mà không khổ đâu. Ba bố con rất thương yêu nhau. Bố mẹ đã ly dị - Bố nhận nuôi cả 2 con để mẹ dễ lấy chồng...". Chúng ta hiểu sâu sắc: ấy là những niềm mong đợi đến da diết lòng của trẻ thơ, muốn có được một mái ấm gia đình. Ở đây không có chuyện bố mẹ nói xấu nhau, dù đã ly dị mà luôn nói tốt, che đỡ cho nhau. Xưa nay, thật hiếm có việc các con, nhất là con nhỏ lại chủ động tìm vợ kể cho bố mình. Vậy mà nay... - Cô Biên đã tìm đến trong cảnh ngộ đang bị chống cù ruồng rẫy, bởi nghe lời kêu gọi thiết tha của trẻ. Người đọc tin chắc: Hạnh phúc sẽ "mim cười" với những ai đang ngóng đợi, bất chấp cuộc sống còn không ít gian truân. Cách nêu vấn đề là rất mới và giàu tính nhân đạo. Ngôn từ dùng cho các nhân vật được chọn lọc, xử lý tình huống thật hợp lý, hợp tình.

Cả 3 truyện ngắn này đều đạt chất lượng tốt trong số các truyện ngắn hay tháng 7-2001.■

TRẦN LÊ XUÂN

(Hiệu trưởng Trường THPT Dân lập Lê Quý Đôn - Thành phố Vinh).

Truyện ngắn CẦU VỒNG VẮNG VẮT của LÃ THANH TÙNG (V.N. số 27, 7-7-2001)

TÔI có cảm giác thích thú khi đọc truyện ngắn *Cầu vồng vắng vát* của Lã Thanh Tùng. Trong đó tác giả đã khéo sử dụng lời ăn tiếng nói để khắc họa tính cách các nhân vật. Và cũng bằng những hành vi ứng xử khi giao tiếp của họ, tôi hình dung ra bác trưởng khối sống chân thành, cô nữ sinh thông minh xinh đẹp, chị ca sĩ coi trọng tiền bạc hơn tình nghĩa và người anh trai lợi dụng cô em gái hoa hậu để kinh doanh buôn bán làm giàu.

Những loại người như anh trai và chị ca sĩ ấy, không phải là ít trong xã hội. Họ chạy đua tranh giành lừa gạt lẫn nhau. Tác giả để họ tự vạch mặt nhau, thỏa ma nhau. Người đọc thấy hả dạ. Nhất là đoạn tác giả để cho nhân vật là thằng Sốt nói, dù là nói trong mơ: "Vương miện hoa hậu chẳng qua là một trò mèo, người ta dân lên người cô để móc tiền thiên hạ thôi. Còn bản thân cô thì có gì. Công dụng ngôn hạnh cô không hề biết. Trung hậu đảm đang cũng chẳng thấy đâu...". Tôi đồng tình với quan điểm của tác giả và cũng kịp nhận ra nhân vật Sốt là hạng người nào trong xã hội, khi hắn đòi tráng thay den đen lừa thiên hạ; hắn lợi dụng thân xác của người đẹp. Cái luôi của hắn làm da thịt họ dấy mùi để lũ ruồi hám tiền bu bám.

Tôi cảm thông và quý mến cô nữ sinh hoa hậu khi cô phải trải qua nhiều oan trái. Xung quanh cô là những kẻ bất lương hợm hĩnh, phỉnh phờ. Nhưng cô đã nghị lực và tỉnh táo vượt qua được những cám dỗ mua chuộc của họ.

Đọc *Cầu vồng vắng vát*, tôi nghĩ về tuổi trẻ ngày nay, họ thật thông minh tài giỏi, đồng thời cũng nhắc họ nên thận trọng trong ứng xử giao tiếp để xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

Và tôi cũng xác định cái quan trọng nhất mà truyện ngắn *Cầu vồng vắng vát* của Lã Thanh Tùng đã mang đến cho bạn đọc là biết yêu, biết ghét để tự mình có hành động ngăn chặn cái xấu không cho nó hoành hành. Tôi thấy đây là truyện ngắn hay và bổ ích.■

ĐỖ XUÂN NGÂN

(92/6 - Đặng Huy Trứ - Thành phố Huế)

Số 32 (11 - 8 - 2001)

Truyện ngắn TRẦN THUYẾT VI

của HÀ KHÁNH LINH (V.N số 27, 7-7-2001)

TRẦN Thuyết Vi là câu chuyện tình yêu đẹp của đôi bạn sinh viên. Tuy gặp khó khăn, vất vả và do có lòng tin yêu, có nghị lực và nhờ có sự giúp đỡ rất nhiệt tình của một nhà báo nữ đã giúp đỡ rất nhiệt tình của một nhà báo nữ đã giúp cho họ vượt qua được tất cả. Hạnh phúc ngọt ngào đã đến với họ. Thông qua câu chuyện tình yêu đó, còn cho ta thấy được, những phẩm chất cao quý của nhà báo Hiếu Triết. Trong chiến tranh chống Mỹ ác liệt, chị cũng xông pha ngoài mặt trận. Đã nếm trải những cơn sốt rét ác tính, thoát chết ở rừng Trường Sơn. Bây giờ hoà bình, xây dựng đất nước chị lại có mặt ở cả vùng sâu, vùng xa. Chị viết về những tấm gương lao động dũng cảm chiến thắng đói nghèo, vươn lên làm giàu cho gia đình và quê hương họ.

Dù ở bất cứ hoàn cảnh nào chị cũng nhiệt tình, xông xáo. Đặc biệt chị thương người như thể thương thân. Chẳng thế mà mối tình duyên của đôi bạn sinh viên (chị chưa một lần quen biết), đang lúc gặp khó khăn nhất, cho dù công việc làm báo của chị rất bận rộn, thời gian eo hẹp, chị đã nhận lời giúp đỡ, cho dù có vất vả, nhưng đã thành công tốt đẹp. Có những mẫu chuyện thường nhật của

một thời chiến tranh đã lùi vào dĩ vãng, không ngờ lại trở thành những kỷ niệm sâu sắc. Đó là một thương binh nặng phải mổ sọ não. Chị cũng còn rất yếu, vì vừa ốm dậy. Nhưng chị đã nhường cả phần bồi dưỡng của mình (đường, sữa, trứng cho người thương binh ấy). Chiếc ca lăm bằng inox có khắc tên Trần Thuyết Vi dùng đựng thức ăn đó, đầu giờ bây giờ chị lại được gặp lại nó ở nhà người thương binh ấy. Nó được dùng trồng cây sống đời đặt trong tủ chè. Và người thương binh đó còn lấy tên của chị đặt tên cho con trai mình là Trần Thuyết Vi. Quả là một điều hết sức thú vị về tình người, tình đời. Vậy là nhà báo Hiếu Triết đã có được hai kỷ niệm không bao giờ quên với cả cha và con người lính năm xưa. Hiếu Triết là một nhà báo chiến sĩ vừa đam mê với nghề nghiệp vừa là người luôn sống hết mình vì người khác, đáng kính phục.

Trần Thuyết Vi là câu chuyện phản ánh cuộc sống trung thực. Giọng văn sôi nổi, truyền cảm đã cuốn hút được người đọc, gây được ấn tượng sâu sắc. Đây là một chuyện ngắn hay của tháng 7.■

NGUYỄN VĂN CHỈ

(Thạch Đồng, Thanh Thủy, Phú Thọ)

**THALOGA**

CÔNG TY MAY THĂNG LONG

Thanglong Garment Company

250 MINH KHAI - HÀ NỘI - VIỆT NAM

TEL : (84-4) 8623372 , 8623375 , 8622142 , 6240592 . FAX: (84-4) 8623374 EMAIL: THALOGA@FPT . VN



Công ty may Thăng Long (THALOGA) là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng công ty Dệt may Việt Nam, được thành lập 8-5-1958.

THALOGA được quyền xuất nhập khẩu trực tiếp, chuyên sản xuất các sản phẩm may mặc có chất lượng cao theo đơn đặt hàng của khách hàng trong nước và nước ngoài, sản xuất các sản phẩm nhựa và kinh doanh kho ngoại quan phục vụ ngành dệt may Việt Nam. THALOGA có hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9002 và thực hiện chuyên môn hóa sản xuất các mặt hàng.

Sản phẩm chủ yếu của THALOGA gồm sơ mi nam nữ, quần âu, bộ comple, jacket các loại, quần áo bò, các loại áo khoác, bộ đồng phục người lớn và trẻ em, quần áo thể thao, quần áo dệt kim...

Năng lực sản xuất của THALOGA khoảng 6.000.000 sản phẩm/năm. Sản phẩm của THALOGA đã xuất khẩu và có uy tín trên thị trường của hơn 40 nước trên thế giới như: Đức, Nhật Bản, Pháp, Tây Ban Nha, Đan Mạch, Thụy Điển, Mỹ, Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan...

THALOGA đang sử dụng nhiều loại thiết bị của các nước tiên tiến trên thế giới như: Mỹ, Nhật, CHLB Đức... có nhiều thiết bị chuyên dụng hiện đại như máy bố túi tự động, máy thêu điện tử, dây



Sơ mi nam



Sơ mi + quần Âu



Áo dệt kim



Bộ thể thao



Jacket + Quần Jean

chuyền may sơ mi tự động, hệ thống giặt mài quần áo Jean, hệ thống thiết kế mẫu bằng máy vi tính... THALOGA có trung tâm giao dịch và giới thiệu sản phẩm tại Hà Nội (250 Minh Khai- Hai Bà Trưng - HN, 37-39 Ngô Quyền - Hoàn Kiếm HN) Chi nhánh Công ty tại TP HCM 93 Hồ Văn Huê, P.9 Quận Phú Nhuận. THALOGA có 6 xí nghiệp may tại 250 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội, chi nhánh may tại Hải Phòng và Nam Định. Riêng tại Hải Phòng THALOGA còn có xưởng sản xuất nhựa và kho ngoại quan. Sản phẩm nhựa chủ yếu của THALOGA gồm: các loại phụ liệu may, bao bì, ống gen nhựa các loại... Kho ngoại quan có chức năng: nhận lưu giữ trang thiết bị, phụ tùng thay thế, nguyên phụ liệu ngành Dệt may chờ xuất khẩu và nhập khẩu.

Từ một thông lệ...

Lâu nay, thù lao của ca sĩ không hề bao hàm tiền tác quyền của nhạc sĩ đã sáng tạo nên tác phẩm âm nhạc mà ca sĩ ấy là người thể hiện, người truyền đạt đến công chúng. Vì thế người ca sĩ không phải chịu trách nhiệm trước tình hình "quyền lợi chính đáng của nhạc sĩ", "tác phẩm của họ được tự do xài y như... của chùa". Khi hát trong chương trình phát thanh - truyền hình, hát trên sân khấu, hát cho phòng trà ca nhạc, hát để ghi âm - ghi hình sản xuất chương trình audio hoặc video bán ra thị trường... tùy theo đẳng cấp nghề nghiệp mà ca sĩ nhận thù lao từ 50.000 đồng/ bài đến 14-17 triệu đồng/ suất. Giá tiền ấy được trả theo sự thỏa thuận giữa hai bên: người tham gia biểu diễn (ca sĩ) và nhà tổ chức buổi diễn hoặc người biên tập chương trình audio - video. Giá ấy cao hay thấp tùy thuộc vào tình hình hạch toán kinh doanh lời lỗ đơn thuần của sản phẩm, lĩnh hoạt mềm dẻo như bàn thân hoạt động thương trường vậy.

Song song đó, tiền tác quyền dành cho nhạc sĩ cũng đa dạng không kém. Một ca khúc được sử dụng trên sân khấu ca nhạc cũng như sống phát thanh, khoản tác quyền... xem như đã hưởng chút hương hoa! Khi được dùng và phát hành trên màn ảnh nhỏ, nhuận bút là 120.000 đồng. Ghi âm sản xuất băng đĩa audio (cassette kèm CD): 500.000 đồng. Lọt vào một chương trình video: 500.000 đồng nữa. Trong lĩnh vực in ấn, mỗi ca khúc đem lại 50.000 - 100.000 (cũng có khi... 20.000) đồng, tùy nơi xuất bản. Mà chuyện ca khúc được in đi in lại đến độ... chảy nước là việc rất thường xuyên xảy ra, đem lại cho các nhạc sĩ khoản nhuận bút không nhỏ.

Vấn đề còn lại là chuyện "catsê ca sĩ cũ cao vù vù, còn quyền lợi chính đáng của nhạc sĩ thì được chẳng hay chờ thời". Nhưng dường như đây đầu phải chuyện "muốn là được" của bản thân giới ca sĩ hay các nhạc sĩ? Nhằm tạo nên sự công bằng, ý kiến của nhạc sĩ Hồng Đăng để được chấp nhận: Không nhất thiết phải kéo thấp catsê ca sĩ xuống, nhưng điều cần làm là nâng cao khoản nhuận bút của nhạc sĩ lên. Việc ấy trong cơ chế thị trường là có thể.

Trở lại với "chuyện hoang đường" mà bài báo đã nêu. Dễ dàng phanh phui cốt lõi tình chân thực của sự kiện qua mẫu tin đăng trên báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật số 23-01 cùng ra sáng ngày 16-6-2001: "20 triệu đồng là số tiền bản quyền mà ca sĩ Trần Thu Hà trả cho nhạc sĩ Ngọc Đại để được độc quyền hát 10 bài hát mới nhất của nhạc sĩ Ngọc Đại trong album **Nhật thực sắp phát hành**".

Cần chú ý hai chi tiết: đây là tiền mua đứt bản quyền bài hát (trong thời hạn cụ thể nào đó đã thỏa thuận) để được hát độc quyền và số tiền này được trả trước cả khi đĩa sản phẩm âm nhạc

Tin vừa được loan trên một tờ báo có số khá đông độc giả: một ca sĩ vừa gửi đến một nhạc sĩ khoản tiền 20 triệu đồng, "là một phần thù lao mà cô nhận từ việc biểu diễn những ca khúc của nhạc sĩ", tức là "khoản tiền tác quyền của nhạc sĩ". Vậy là cuối cùng vấn đề tác quyền cho tác phẩm âm nhạc đã có hướng giải quyết? Và chỉ ít cũng đã có một tiền lệ để giới nhạc sĩ an tâm trong tương lai có thể sống khỏe nhờ khoản thù lao xứng đáng với công sức "mang nặng đẻ đau" mà những đứa con tinh thần mang lại?

Có thể nói ngay rằng làm gì có chuyện lạ đời đó!

NỖ LONG ĐONG CỦA NHUẬN BÚT TÁC QUYỀN

CAO TRẦN ĐAN THANH



Ca sĩ Thanh Lam và nhóm Tik Tik Tắc

vào kinh doanh khai thác.

Hiện tượng này đã quá phổ biến để không còn là chuyện "mơ không thấy nổi" của các nhạc sĩ đã thành danh cũng như vừa chân ướt chân ráo vào nghề sáng tác. Và cái giá 2 triệu đồng/ ca khúc khá phổ biến trong các hợp đồng mua bán độc quyền sử dụng ca khúc hiện nay. Nếu "mua xô" (số lượng nhiều, đều đặn thành mối quen) thì giá ấy có khi giảm nữa, và còn có một cách giảm giá nữa khi nâng thời hạn độc quyền lên thành 5 năm thay vì theo thông lệ chỉ 2-3 năm.

Hiện tượng độc quyền ca sĩ, độc quyền ca khúc có tác dụng tích cực của nó khi hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng cùng lúc xuất hiện trùng lặp một số giọng ca và tác phẩm trong các chương trình khác nhau của nhiều đơn vị sản xuất, gây nên tâm lý chán nhàm nơi công chúng. Tuy nhiên không phải mọi nhạc sĩ đều ủng hộ cách làm đó, với lý do mong muốn tác phẩm của mình được thể hiện qua nhiều phong cách ca sĩ với những tìm tòi sáng tạo riêng góp phần hoàn thiện hơn (và theo đó thu vào khoản tác quyền có thể lớn

hơn nếu bán độc quyền); đồng thời còn vì không muốn san sẻ lợi nhuận mà tác phẩm có khả năng đem lại, chẳng hạn người bỏ tiền ra mua độc quyền với giá 2 triệu, biết đâu sẽ bán lại được cho các hãng ở nước ngoài với giá 500-700 USD thì sao?!

... đến "thực tế phũ phàng"

Như tất cả mọi người, giới nhạc sĩ sáng tác cũng cần có tiền để sống thông qua lao động nghề nghiệp. "Chân lý" giản dị thế nhưng ít ai chịu hiểu, vậy nên số người có nguồn thu nhập ổn định từ việc bán sản phẩm tìm tòi của mình còn rất ít, có lẽ đếm chưa đủ mười đầu ngón tay! Hầu như họ đều đang có một nghề tay mặt nào khác để nuôi sống bản thân và gia đình, sáng tác vẫn chỉ là nghề tay trái. Vì sao?

Hiện nay chưa hình thành được một "chợ" tập trung, nơi diễn ra hoạt động mua bán tác phẩm âm nhạc công khai, chính thức "theo giá niêm yết". Vài quán cà phê (như tại trụ sở Hội Âm nhạc thành phố là một), nơi các nhạc sĩ thường "ngồi đồng" để bù khú với nhau, đã nghiêm nhiên trở thành những địa điểm các nhà tổ chức biểu diễn hay

biên tập chương trình, đại diện các hãng băng đĩa... có thể tìm đến hỏi mua tác phẩm. (Tất nhiên khi cần thiết các nhạc sĩ cũng có thể tìm gặp họ ở nơi văn phòng làm việc). Tại những nơi đó, hoạt động ký kết hợp đồng mua bán cứ diễn ra âm thầm, và như một đặc thù, "cháo mức" rồi sáu tháng hay một năm sau "tiền mới trao" khi sản phẩm xuất hiện trên thị trường. Trong khi chờ đợi cái ngày N ấy đến, các nhạc sĩ (mà đại đa số khá nghèo túng) bỗng bất đắc dĩ trở thành người thường trực cho nhân loại thiếu nợ!

Đến cái đoạn đi nhận nhuận bút lại là một cuộc hành trình không kém phần gian nan. Đầu tiên là phải biết tác phẩm của mình đã được sử dụng chưa. Việc này thường là phát hiện ngẫu nhiên vì chẳng hề có ai sẵn nhà ý thông báo cho đâu. Tiếp đến là dò tìm đơn vị sản xuất, địa chỉ không phải bao giờ cũng rõ ràng, đích xác. Và cũng cần chuẩn bị trước tinh thần để tiếp nhận một đôi lần khát nợ... Càng là đơn vị Nhà nước càng dễ gặp cảnh này, khi kế hoạch tài chính chưa ký kịp, chưa rút tiền ngân hàng về...

Quá trình nhiều khê ấy không hề làm giảm đi mà trái lại, càng góp phần đẩy mạnh cuộc "cạnh tranh sinh tồn" thêm phần khốc liệt. Để bán được ca khúc một số nhạc sĩ đã biết chạy theo thị hiếu công chúng, chiều theo xu hướng thẩm định của các nhà biên tập có trình độ cảm thụ nghệ thuật cũng nán nã với "mặt bằng dân trí chung" hiện nay. Sau đó, cứ viết tập khuôn theo những mẫu mực đã chọn... như thể công nghệ sinh sản vô tình. Cuối cùng bằng quy luật "tuyển chọn tự nhiên", thị trường đã sàng lọc ra được một đội ngũ "sáng tác" sẵn sàng sao chép cho nhau, của nhạc Mỹ, nhạc Hoa, nhạc Ấn, nhạc Hàn, nhạc Thái... Có "chiêu" gì mới, lập tức kéo theo cả một phong trào "à la mode". Thậm chí nhà sáng tác nào đó vừa lộ ra cái gì hay hay liền bị "thò" nhanh như chớp, và nếu chưa kịp tung ra sản phẩm trước đối thủ cạnh tranh thì đận ấy xem như... thua!

Những gì là "tai nghe", là "thị hiếu", là "nghệ thuật" đang từng ngày từng giờ bị bào mòn đi như vậy. Và trong khi chờ đợi một biện pháp cứu giải hữu hiệu nào đó từ phía xã hội, giới nhạc sĩ họ như tiếp tục sống trong mộng mị hoang đường và thực tế lẫn lộn. "Thực tế phũ phàng" này buộc ta nhớ lại câu nói được xem là của Trương Trừng trước một cuộc thử nhiều nhương: "Khôn chết, dại chết, biết thì sống". Vâng không tiền (nhuận bút) âm nhạc sẽ chết chắc, nhưng có tiền chưa chắc đã không chết. Điều đó khơi gợi nơi chúng ta rất nhiều suy nghĩ về một con đường phải chọn lựa: cần biết để mà còn được sống.■

Một chuyến...

(Tiếp theo trang 10)

quốc lộ, tôi có uống chai bia nên tới giờ này...

Hai Trước nghĩ rất nhanh đến những vụ cướp xe ôm mà anh từng nghe kể và nhận thấy yêu cầu dùng xe giữa đường của Sinh đây nghĩ vẩn. Lập tức anh ru ga, cho xe phóng thẳng lên một gò đất giữa đường mà anh vừa nhìn thấy dưới ánh đèn vàng vọt của chiếc 67. Chiếc xe tung lên như trái bóng và quăng cả hai người đàn ông xuống đất. Đã chuẩn bị sẵn nên Hai Trước lồm cồm ngồi dậy "thủ thế" trong khi "kẻ cướp" còn nằm dài giữa đường. "Người bị hại tự nhận" chạy nhanh tới bên chiếc xe đã tắt máy, dựng lên.

- Trời ơi! Anh chạy xe kiểu gì vậy? Dào... Suýt chút nữa tôi gãy tay...

Sinh gượng dậy, vừa thốt lời trách móc vừa đi cà nhấc tới bên một gốc cây ven đường, quay lưng lại phía Hai Trước. Anh hơi ngơ ngàng khi nghe những tiếng động chứng tỏ Sinh quả thực có nhu cầu. Anh nói ngược:

- Tại cái gò đất...

Rồi cúi xuống đạp máy. Chiếc 67 ậm ừ một lúc vì ngộp xăng mới chịu nổ.

- Gần tới nơi chưa anh?

Sinh hỏi khi leo lên ngồi sau lưng Hai Trước và chiếc 67 lại tiếp tục hành trình.

- Chúng hai cây số nữa thôi...

- Nói thật, không hiểu sao tôi lo quá... Từ lúc cô em tôi đánh điện đến giờ, đã gần hai mươi bốn tiếng đồng hồ rồi... Nhưng dù sao thì anh cũng cứ chạy cần thận đấy. Đừng có như vừa rồi... tôi không có đứa con nào

nhưng còn người vợ tội nghiệp đang chờ tôi ở Biên Hoà.

Hai Trước cảm thấy ân hận, thỉnh thoảng quay quắt tới chị em con Thanh Tâm, Thanh Vân.

Chiếc 67 pha đèn soi một lỗ sáng trong đường đêm. Hai Trước giữ cứng tay lái, tăng ga...

Khi xe dừng lại, Sinh bước xuống nhìn là cò tang cột trước hiên nhà lá, sừng như một pho tượng. Phai mắt một lúc anh mới lấy lại được bình tĩnh, móc bóp lấy ra ba tờ năm chục ngàn đưa cho Hai Trước và nói "Cám ơn". Hai Trước cầm tiền bằng bàn tay vô cảm, mắt dõi theo cái dáng cao lớn, bước đi xiêu vẹo của Sinh.

Đồng hồ tay chỉ chín giờ tối. Hai Trước vẫn ngồi bất động trên xe. Căn nhà lá mà Sinh bước vào mờ lờ ánh đèn điện bóng tròn, bóng trâm tiếng khóc của một người phụ nữ lẫn với tiếng một nữ ca sĩ văng vẳng từ máy truyền hình nhà hàng xóm. Chung quanh khu vực dân cư này, những ánh điện nhà sáng từng cụm trong bóng đêm. Hơi thở của rừng phả đến từ xa, chẳng làm dịu mát được cái không khí ngột ngạt, u buồn của nhà dăm.

Dựng xe ngoài sân, Hai Trước bước vào nhà. Người chết đã được liệm trong một chiếc hòm loại thường nhất, không thấy đặt ảnh có lẽ do chưa phóng rủa kịp. Sinh quỳ trước quan tài của mẹ, im lặng. Hai Trước thấp nhang, thực hiện nghi lễ của một người đến viếng. Anh đặt cả ba tờ giấy năm mươi ngàn lên cái đĩa nhỏ trước bàn thờ rồi rút ra sân.

Sinh bước theo, nắm tay Hai Trước rồi dúi vào bàn tay của anh một tờ năm mươi ngàn:

- Cám ơn anh anh đã đưa tôi về tới nơi tôi chốn. Ít nhất anh cũng phải cầm lấy chừng này để đỡ xăng và bảo trì xe chứ...

- Tôi thành thật chia buồn... Còn số tiền này... Thôi được, tôi nhận để anh vui lòng vậy...

- Bây giờ anh quay về luôn sao?

- Tôi phải về. Hai đứa nhỏ đang nóng ruột chờ tôi ở nhà...

Chiếc 67 nổ máy, phá tan sự im lặng. Ánh đèn xe quét sáng khoảng đường rừng về hướng nam. Giờ khác này, chắc chỉ có Hai Trước và chiếc 67 của anh băng giữa khu rừng trống đã khép tán, phủ bóng tối và hơi lạnh. Anh vốn quen chạy đêm, bây giờ lại không còn mối đe dọa "tướng tượng" nào ở phía sau lưng như chuyện đi, lòng nhe nhem và cái đầu anh thanh thản. Anh nghiêm ra một điệu. Cũng cánh rừng này mà ở mỗi lúc, vào thời chiến tranh, trong chuyến đi chó Sinh phía sau, bây giờ là chuyến về một mình... tâm trạng anh lại khác hẳn. Tự nổi lo về cái chết bất ngờ đến bởi một viên đạn phụt kích nào đó, đến sự đổ phồng kẻ lưu manh cướp xe, rồi đến sự thanh thản hạnh phúc... Lê đời và tâm trạng con người sao mà phức tạp!

Trong quãng sáng đèn xe, Hai Trước nhận ra cái gò đất mà anh đã cố tình cho xe leo lên trong chuyến đi. Giờ này không biết Sinh đang làm gì. Vẫn còn nhiều điều anh chưa biết về con người dữ tướng mà lòng thành ấy. Anh làm việc gì, ở nhà mấy nào, cuộc sống ra sao? ... Và hơn nữa, anh ta có biết mình là một kẻ tình nghi trong lòng người xe ôm là anh trong gần suốt chuyến đi không?

Đến đúng cái gò đất, Hai Trước giảm ga rồi bất ngờ quay vòng xe lại. Anh muốn trực tiếp nói lời xin lỗi đã nghi ngờ Sinh và dặn anh ta bao giờ xong đám bà già trở lại Biên Hoà thì nhớ ghé qua nhà anh và ở lại chơi một đêm.

Hai Trước muốn hạt tạt Sinh một bài tài tử hơi Nam buồn da diết để anh ta hiểu hơn chuyện vợ chồng chẳng vui với mình. Nhân tiện anh cũng sẽ cho Sinh biết, có một thời anh đã mặc áo lính "công hoà" và có mặt nhiều nơi ở chính khu rừng bắc dòng sông.■

K.V.

ĐỜI SỐNG VĂN NGHỆ

● **HỘI VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT QUẢNG BÌNH** vừa tổ chức trong thế kỷ niệm 40 năm ngày thành lập (1961 - 2001) và đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì do Nhà nước trao tặng. Quảng bình là một trong những tỉnh sớm thành lập Hội Văn học - Nghệ thuật. Nhân dịp này, Hội đã có nhiều hoạt động thiết thực nhằm đẩy mạnh phong trào sáng tác văn nghệ ở địa phương. Tổ chức lễ trao Giải thưởng Văn học - Nghệ thuật Lưu Trọng Lư lần thứ hai (1996-2000), tổ chức trại sáng tác tại Nhà sáng tác Đà Lạt và tổ chức giao lưu với Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Lâm Đồng. (P.V.)

● **DI SẢN VĂN HOÁ SƠN LA** là tên một trưng bày chuyên đề vừa được khai mạc ngày 6-8 tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam do Sở Văn hóa - Thông tin, Bảo tàng tỉnh Sơn La phối hợp với Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tổ chức. Trên 500 tài liệu hiện vật được tuyển chọn từ nhiều nguồn như: Suu tập công cụ đá thuộc Văn hoá Sơn Vi, Văn hoá Hoà Bình, hậu kỳ thời đại đá mới, 30 chiếc trống đồng, các sưu tập gốm Mường Chanh, Chiềng Còi... đã cho thấy Sơn La đã là một phần hữu cơ trong Nhà nước Văn Lang từ buổi đầu dựng nước. Ngoài ra, trưng bày còn có nhiều tư liệu về nhạc cụ dân tộc, lễ hội, phong tục văn hoá của đồng bào các dân tộc Sơn La. Một chương trình văn nghệ quần chúng, thao tác dệt thổ cẩm và giới thiệu ẩm thực Sơn La đã diễn ra vào dịp khai mạc. Trưng bày còn được tiếp tục trong thời gian 2 tháng. (N.T.P.)

● **MỸ THUẬT ĐƯƠNG ĐẠI** là tiêu đề cuộc Hội thảo do Hội Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức ngày 3-8. Các họa sĩ, các nhà nghiên cứu đã tham luận sôi nổi về nhiều nội dung đang đặt ra với mỹ thuật hôm nay từ một trung tâm mỹ thuật lớn, là Thành phố Hồ Chí Minh, như: Đề tài, hình thức, cá tính sáng tạo, lĩnh dân tộc, chất liệu, những vấn đề xoay quanh cái mới trong mỹ thuật phạm trù tranh thị trường, thương mại, phê bình mỹ thuật... Cuộc Hội thảo đã gợi mở nhiều góc độ và có cảm tưởng những vấn đề trao đổi còn để ngỏ... (P.V.)

● **HÀ NỘI - MỘT THÀNH PHỐ MUÔN HÌNH MUÔN VẼ** là tên cuộc triển lãm ảnh vừa khai mạc tại 42 - Yết Kiêu, Hà Nội. Đây là cuộc triển lãm do Trung tâm Văn nghệ và Văn minh Pháp tại Hà Nội và Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam cùng phối hợp tổ chức, với sự cộng tác của Viện Thông tin Khoa học Xã hội và Nhân văn. Triển lãm giới thiệu nhiều ảnh tư liệu được chụp từ Hà Nội hồi đầu thế kỷ XX do Viện Viễn đông Bác cổ (EFEO) lưu giữ, giúp người xem sống lại với Hà Nội ba mươi sáu phố phường với cảnh Tết Nguyên đán quanh Hồ Gươm, với lễ khánh thành cây cầu sắt đầu tiên bắc qua sông Hồng, với cảnh Hồ Tây, Hồ Trúc Bạch cách đây cả trăm năm. (P.V.)

HỘI ÂM BÀI BÁO

Hà Nội, ngày 2 - 8 - 2001

Kính gửi: Ông Tổng biên tập Báo Văn nghệ
Trên báo Văn nghệ số 31, ngày 4 tháng 8 năm 2001, mục *Tiếng nói nhà văn*, có đăng bài *Sách giáo khoa lớp 9: 37 cuốn = 199.500 đồng* của nhà thơ Cao Phương.

Nhà xuất bản Giáo dục rất hoan nghênh Báo Văn nghệ và nhà thơ Cao Phương đã có bài báo đầy tinh thần trách nhiệm đối với học sinh và sự quan tâm tới sách giáo khoa. Nhà xuất bản chúng tôi cũng có cùng suy nghĩ như quý Báo và nhà thơ Cao Phương và cũng rất bức xúc trước tình trạng một số cửa hàng sách nào đó (đa phần là cửa hàng tư nhân) đã lấy sách giáo khoa của Nhà xuất bản chúng tôi, "độn" thêm rất nhiều sách tham khảo bán thành "bộ sách giáo khoa", với giá cao hơn nhiều. Trong khi một bộ sách giáo khoa lớp 9 của Nhà xuất bản Giáo dục chính thức công bố chỉ có 23 cuốn với giá tổng cộng là 66.400 đồng (nếu môn ngoại ngữ là tiếng Anh), hoặc 22 cuốn giá tổng cộng 67.100 đồng (nếu môn ngoại ngữ là tiếng Pháp). Vậy mà cửa hàng nào đó đã "độn" thành 37 cuốn = 199.500 đồng thì thật là quá thể.

Nhằm giúp cho bạn đọc khỏi mua lầm tương tự, Nhà xuất bản chúng tôi đã cho in trên bìa sau của các sách Toán, Văn và Tiếng Việt danh mục *Bộ sách giáo khoa*. Chúng tôi cũng cho in danh mục này thành tờ lớn dán ở các cửa hàng chính thức của các công ty sách và thiết bị trường học các tỉnh...

Chúng tôi xin quý Báo thông tin giúp tới bạn đọc nếu có điều kiện.

Xin trân trọng cảm ơn quý Báo và nhà thơ Cao Phương.

K.T. Giám đốc Nhà xuất bản Giáo dục

Phó giám đốc

T.S. NGUYỄN ĐĂNG QUANG

GÓC HÀI HUỐC



Tỷ số hòa 2/2

CỬ YÊN

C hỉ nghe ông sắp có bố
Còn bà sắp chẳng bao giờ có ai
Thua rằng sai đây, rất sai
Có khi bà sắp còn hai ba bố
Nhưng vì bà khéo che ô
Khéo bịt miệng vô nên ít lộ bèm
"Ông ăn chả, bà ăn nem"
Chẳng ai bó miệng ăn khem đâu mà!
Tình vừa mở cuộc điều tra
Hình như có tỷ số hòa hai hai!

CHUYỆN VUI VĂN HỌC

Dịch giả

Bố: Bố bảo con mua cuốn sách dịch kia mà đọc để nâng cao trình độ sao lại không mua?

Con: Bởi vì con thấy ngoài bìa sách đề: Dịch giả Ái Văn. Đây là sách dịch giả chứ có dịch thật đâu mà con mua cho phí tiền ạ!

Quá trình sáng tác

Tháng Giêng: Thưa Ban Chấp hành Hội, tôi sắp hoàn thành một truyện ngắn hy vọng có thể trúng giải năm nay.

Giữa năm: Thưa các đồng chí, muốn cho phong phú và hết ý tôi đã đổi cái truyện ngắn ấy thành truyện vừa. Nội dung hết chê.

Cuối năm: Đọc tác phẩm của danh gia Sôlôkhốp, tôi thấy nên biến cái truyện vừa của mình thành tiểu thuyết thì hơn.

Đầu năm sau: Thế là lỡ mất dịp thi tranh giải văn học toàn quốc rồi. Tiếc quá, tôi đang cân nhắc xem có nên để tác phẩm này ở thể Trường thiên tiểu thuyết hay không?

Giữa năm sau: Vâng, tôi đang cố đóng cái tác phẩm trường thiên ấy thành dạng mi ni cho nó hàm súc và có tính thời đại.

Cuối năm sau: Năm hết tết đến rồi, bận rộn quá. À mà năng lực sáng tác của tôi có lẽ thiên về viết kịch hay làm thơ, mà cũng có thể đi theo tàn văn thì hợp hơn.

Vì sao

Trường phòng hành chính: Đề nghị anh xét một số giấy nghỉ phép của các nhân viên tài vụ, quản lý, nhân sự, tuyên huấn...

Thủ trưởng: Ô, tôi thì bận bù đầu bù tai mà sao họ lại có thể xin nghỉ được nhỉ.

Trường phòng hành chính: Chính vì đồng chí đã làm thay tất cả những công việc của họ nên họ nhàn mà xin nghỉ đấy ạ.

Thủ trưởng: ???

Viết truyện ngắn

A: Mình định viết một truyện ngắn về đề tài phá rừng, lâm tặc, lấy nhan đề là "Đồ ăn cấp".

B: Thế cậu đã đi thực tế chưa?

A: Chưa.

B: Vậy thì viết thế nào được?

A: Căn gì, mình đã đọc hết những truyện và ký viết về nạn phá rừng, lâm tặc gần đây rồi. Mình sẽ dựa vào đó mà sáng tác chứ.

B: Ủ, nếu thế cậu lấy tên là "Đồ ăn cấp" thì đúng rồi!

TIỂU BẢO (st)

TRANH VUI NƯỚC NGOÀI



Luyện giọng
nam cao!

Kết hợp

Sĩ VINH
"sưu tầm"



Để có món "nhâm"...



"Mẫu" thực





CHUYÊN SẢN XUẤT:

Giấy in, giấy viết định lượng
từ 52 - 120 g/m², độ trắng
từ 76 - 93% ISO, được
sản xuất thành cuộn
hoặc ram các khổ.

SPECIALISING IN THE PRODUCTION OF:

Printing and writing paper, in
weight 52 - 120g/m²
whiteness 76 - 93%
ISO, inreel or ream
form of different
sizes

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

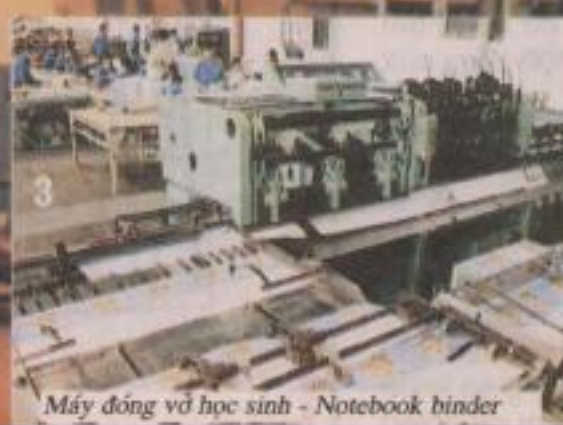
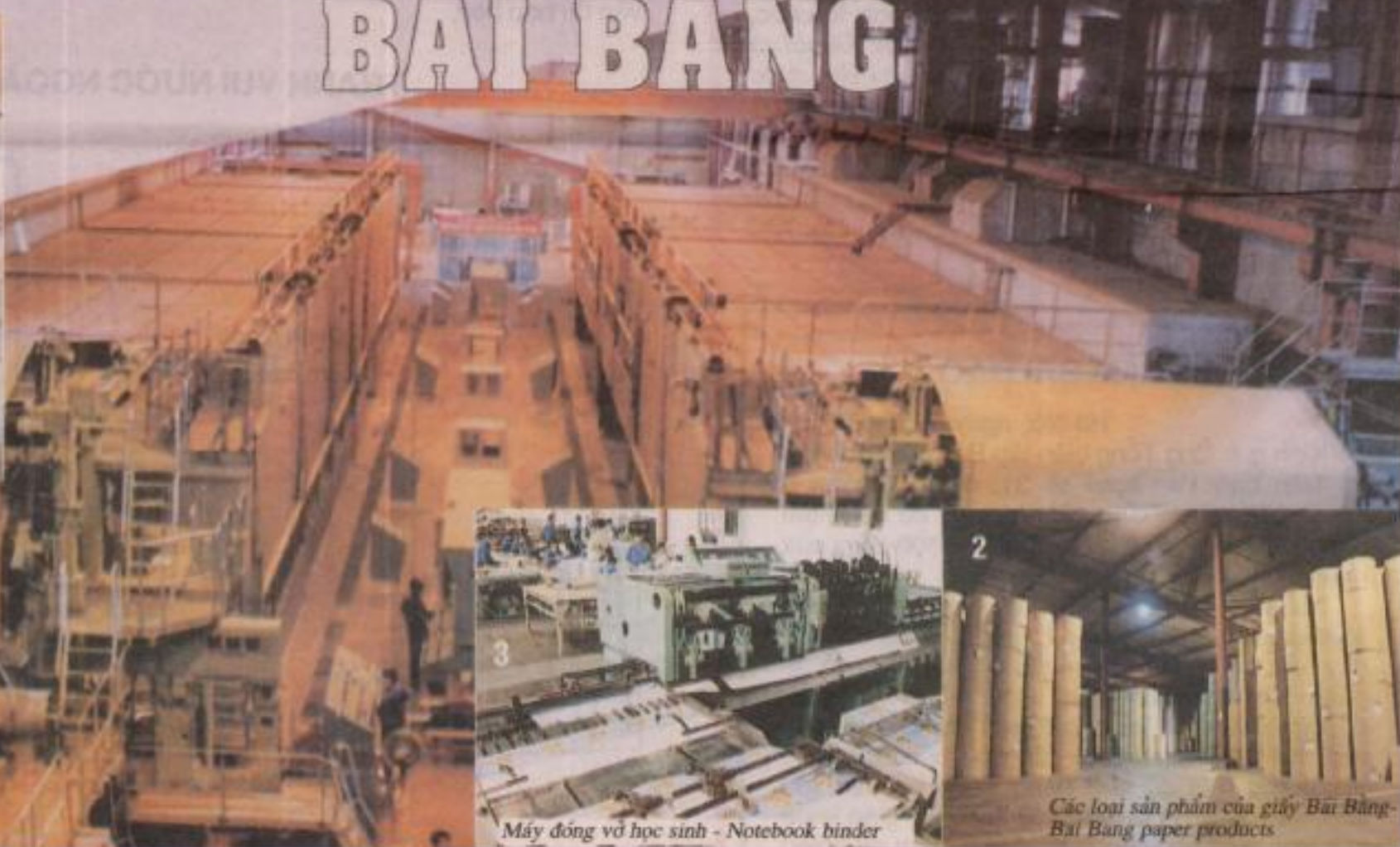
Bai Bang Paper Company (Bapaco)

CÔNG TY GIẤY BÃI BẰNG



Tổng Giám đốc
General Director
KS. Trần Ngọc Quế

Giấy khổ rộng 3,8m-Paper reel at 3,8m wide



Máy đóng vở học sinh - Notebook binder



Các loại sản phẩm của giấy Bãi Bằng-
Bai Bang paper products

Công trình hợp tác Việt Nam - Thụy Điển

VIETNAM - SWEDEN FRIENDSHIP AND COOPERATION PROJECT

Địa chỉ: Thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
Điện thoại: (0210) 8.29755 - 8.29181 - 8.29182 - 8.29184
Fax: (0210) 8.29177
Tài khoản: 710A.00.001
Ngân hàng Công thương khu vực Đền Hùng - Phú Thọ.

CHI NHÁNH CÔNG TY GIẤY BÃI BẰNG
Tại Hà Nội: 142 Đội Cấn - Ba Đình
Điện thoại: (04) 7220347

Tại TP.HCM: 143/6 C3 đường D2, Cư xá Văn Thánh Bắc,
Phường 25, Quận Bình Thạnh
Điện thoại/Fax: (08) 8983871
Address: Phong Chau Town, Phu Ninh District,
Phu Tho Province.
Tel: (0210) 8.29755 - 8.29181 - 8.29182 - 8.29184
Fax: (0210) 8.29177
Bank account: 710A.00.001
Commercial and Industrial Bank, Den Hung Zone - Phu Tho

BRANCHES
In Hanoi: 142 Doi Can Str.- Ba Dinh Precinct.
Tel: (04). 7220347
In HCM City: 143/6 C3-Road D2-North Van Thanh
residential quarter - Ward 25 - Binh Thanh Precinct.
Tel/Fax: (08) 8983871

● VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

● Tổng Biên tập: HỮU THỈNH

● Tòa soạn, Trị sự: 17 Trần Quốc Toản, Hà Nội - Điện thoại biên tập: 9439619, Trị sự: 9437091 - Fax: 8.263926 ● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: 8.298802 ● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: 34 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng - Điện thoại: 8.21434; Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa, Điện thoại: 8.51752 - 8.53522; 292 Đường 2 tháng 4, TP. Nha Trang - Điện thoại: 8.22832 - 8.26040 ● In tại Nhà in Báo Nhân Dân ● ISSN 0866 - 0815 ● Trình bày: THÀNH CHƯƠNG ● Giá: Bốn nghìn năm trăm đồng